

## Chương XVIII: Tam nhân phân quyền

Về mặt lý thuyết, chủ tịch quốc hội nằm trong “tứ trụ” nhưng khi viết lời tựa cho cuốn Đại tướng Lê Đức Anh, ông Đỗ Mười chỉ nhắc đến tổng bí thư, chủ tịch nước và thủ tướng. Ông Mười viết: “Ba chúng tôi về quan điểm đường lối, đối nội, đối ngoại trên các lĩnh vực nói chung đều nhất trí với nhau, có việc gì chưa thật thống nhất thì đưa ra tập thể Bộ Chính trị bàn để đi đến thống nhất”. Rất khó để tìm được bằng chứng về sự không nhất trí giữa ba ông thông qua các biên bản họp Bộ Chính trị. Khi xuất hiện trước công chúng, cả ba đều đứng cạnh nhau tươi cười, và sinh thời, họ chỉ dành cho nhau những lời tốt đẹp. Nhưng đằng sau sự yên tĩnh trên bề mặt ấy, quyền lực được ba ông chế ước lẫn nhau một cách chặt chẽ trong thế chân kiềng.

### **Bộ ba**

Không gian chính trị trong thập niên 1990 đã rút ngắn khoảng cách giữa các giai tầng trong xã hội Việt Nam. Trong các thập niên trước, chỉ có các nhà báo thực sự cung đình như Thép Mới, Hoàng Tùng, Bùi Tín... mới mong có thể tiếp cận được những nhà lãnh đạo như Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng. Giữa họ có một khoảng cách xa vời với không chỉ các thường dân mà còn với cả các ủy viên trung ương, thậm chí cả với nhiều ủy viên Bộ Chính trị.

Tuy được truyền thông nhà nước mô tả như là một nhà lãnh đạo giản dị, trên thực tế, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh

vẫn là một người khó gần. Theo ông Nguyễn Đình Hương<sup>413</sup>: “Ông Linh thường cấm những uỷ viên Trung ương có khuyết điểm như Hà Trọng Hòa, Phạm Song... vào họp Trung ương một cách vô nguyên tắc”. Thế hệ Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, tuy vẫn còn được coi như “cha, chú”, đã bắt đầu ý thức được họ đang ở trong thời kỳ chuyển tiếp từ giai đoạn cầm quyền với vai trò lãnh tụ sang giai đoạn cầm quyền như các nhà chính trị.

Đầu thập niên 1990, Quốc hội bắt đầu họp dài ngày hơn, vườn hoa Nhà Kiếng và hành lang Hội trường Ba Đình bắt đầu trở thành nơi tiếp xúc giữa các nhà lãnh đạo trung ương với các đại biểu là quan chức địa phương và các nhà doanh nghiệp. Đây cũng là khu vực mà báo giới có thể tiếp xúc phỏng vấn trực tiếp các bộ trưởng, các trưởng ban của Đảng, tổng bí thư, chủ tịch nước và thủ tướng.

Chủ tịch Lê Đức Anh không có mặt thường xuyên bên ngoài vườn hoa. Tuy ông luôn tỏ ra thân thiện nhưng uy lực của “vị tướng một mắt” vẫn làm e ngại không ít người. Chỗ ông đứng không mấy khi có vòng trong vòng ngoài, và báo chí cũng không có cho ông nhiều câu hỏi. Ngược lại, Tổng Bí thư Đỗ Mười xuất hiện ở đâu là kéo theo đó một đám đông. Tổng Bí thư có thể “hùng biện” cho đến khi các nhà báo lần lượt lén đi vì ông bắt đầu lặp lại những điều đã nói trong các giờ giải lao trước đó. Ông Võ Văn Kiệt thì khác. Sau khi Trợ lý Vũ Quốc Tuấn “bật mí” vài điều muốn giải tỏa của Thủ tướng với các nhà báo quen biết, ông Kiệt sẽ tươi cười xuất hiện ở tam cấp của Hội trường Ba Đình, bắt đầu một cuộc họp báo không chính thức.

Với Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt, ông Đỗ Mười bao giờ cũng

thể hiện sự tương kính. Khi có việc gì cần trao đổi, đích thân ông Mười đi thẳng vào "Thành" gặp ông Lê Đức Anh hoặc ra tận sân tennis gặp ông Võ Văn Kiệt. Nhưng với Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh thì ông lại thường thể hiện cách "lãnh đạo" rất khác thường. Khi Quốc hội không phê chuẩn ông Đào Đình Bình, một ứng cử viên trẻ vào chức bộ trưởng Bộ Giao thông, từ hàng ghế đầu, ông Đỗ Mười đã nhấp nha nhấp nhồm. Đến giờ giải lao, ông bước ngay lên bục Chủ tịch Đoàn, đuổi theo ông Nông Đức Mạnh ra tận hậu phòng của Hội trường Ba Đình. Ông Đỗ Mười dí tay sát cổ áo Chủ tịch Quốc hội và nói: "Anh lãnh đạo Quốc hội thi hành nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng như thế à?"<sup>414</sup>.

Ông Đỗ Mười sùng bái nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và chấp hành nghị quyết một cách chân thành. Năm 1958, khi làm bộ trưởng Bộ Nội thương, ông chỉ huy đánh tư sản ở Hà Nội. Hai mươi năm sau, cũng chính ông dẫn "đại quân" vào Sài Gòn đánh tư sản ở miền Nam. Nhưng đến Tết năm 1989, khi đã trở thành người đứng đầu của một chính phủ thi hành nghị quyết "đổi mới", ông lại lên tivi "chúc mọi người làm ăn phát tài". Theo ông Trần Xuân Giá: "Khi về làm chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, từ tư duy cho đến cách điều hành của ông Đỗ Mười thay đổi một cách không ngờ. Ông lắng nghe và thấy được những cân đối lớn của nền kinh tế, có khả năng tổng hợp và đưa ra được những quyết định sắc sảo".

Ông Đỗ Mười cũng chọn mang theo sang Văn phòng Tổng Bí thư những người gần gũi trong đội ngũ chuyên gia đã giúp ông chống lạm phát thành công như Lê Đức Thúc,

Nguyễn Văn Nam... Đặc biệt, không ít người bất ngờ khi ông chọn ông Hà Nghiệp làm người giúp việc. Ông Hà Nghiệp được coi là một trong những người có đóng góp trong tiến trình thay đổi tư duy của ông Trường Chinh. Sau khi ông Nguyễn Văn Linh lên tổng bí thư, ông Trường Chinh có ý giới thiệu Hà Nghiệp với hy vọng ông Linh tiếp tục phát triển tư duy đổi mới, nhưng ông Linh gạt đi. Ông Hà Nghiệp phải sang làm trợ lý cho tổng bí thư của Lào rồi về nước “ngồi chơi xơi nước”.

Tháng 8-1991, khi được đưa lên làm chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ông Võ Văn Kiệt đã nhờ ông Hà Nghiệp viết cho mình bài diễn văn nhậm chức và theo ông Kiệt, ông dự định sẽ mời Hà Nghiệp sang làm việc cho mình. Khi Hà Nghiệp ở không thì không thấy ai hỏi han, khi ông Kiệt định mời thì ông Đỗ Mười đã đi trước một bước ra quyết định đưa Hà Nghiệp về làm trợ lý.

Tiểu sử chính thức của ông Đỗ Mười ghi: “Xuất thân từ một gia đình nông dân, bản thân là thợ sơn”. Nhưng, khi trở thành tổng bí thư, theo thư ký của ông, Tiến sỹ Nguyễn Văn Nam, ông lại có tham vọng trở thành một nhà lý luận. Bên cạnh hai nhà Marxist cứng rắn là Đào Duy Tùng và Nguyễn Đức Bình, ông trọng dụng Lê Xuân Tùng và tới đại hội giữa nhiệm kỳ, đưa thêm một nhà lý luận khác, ông Nguyễn Phú Trọng, vào Trung ương. Sự say sưa của ông đã tập hợp thêm được Nguyễn Hà Phan, Lê Khả Phiêu, hai nhân vật được ông bổ sung vào Bộ Chính trị trong hội nghị giữa nhiệm kỳ tháng 1-1994.

Nhưng, theo ông Nguyễn Văn Nam: “Ông Đỗ Mười vẫn là một con người hành động chứ không phải là một con người

lý luận. Cho nên khi điều hành bên chính phủ, ông có thể nhận biết thực tế để có những quyết định phù hợp; khi làm công tác Đảng, đụng đến các vấn đề lý luận thì ông phải trông cậy vào Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình, về sau có thêm Nguyễn Phú Trọng và chịu ảnh hưởng không ít từ những người này”.

Đỗ Mười tên thật là Nguyễn Duy Cống, sinh ngày 2-2-1917, tại xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Chú ruột ông là Nguyễn Thọ Chân, bộ trưởng Lao động trong Chính phủ Phạm Văn Đồng. Thuở hàn vi, ông có hai người bạn thân là Hoàng Hữu Nhân và Phạm Viết Đào. Cả hai đều sắc sảo, ông Nhân từng có những ý định đổi mới táo bạo từ khi còn là bí thư Thành ủy Hải Phòng, sau Đại hội VI làm trưởng Ban Công nghiệp Trung ương nhưng phần uất, có lúc phải nhảy lầu, vì bị Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh o ép. Ông Đào thì ngang ngạnh, vui vẻ hươ trí với chức thứ trưởng Bộ Ngoại thương, thậm chí còn "đàn đúm" với Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiên Giang, những người từng ủng hộ Trần Xuân Bách. Ông Đào thường gọi những người được Đỗ Mười trọng dụng như Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình... là lũ "chim ri, chim sẻ".

Ông Đỗ Mười sống gần như độc thân trong ngôi nhà Tây phía sau Phủ Chủ tịch, vốn là nơi ở của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Người gần gũi ông nhất suốt gần ba thập niên tại ngôi nhà này là bà Thuận, người nấu cơm của ông. Năm 1997, ông Đỗ Mười chuyển về sống trong biệt thự số 11 Phạm Đình Hổ. Bà Thuận, lúc này đã có một người con, không về ở cùng. Trong phòng riêng của mình, ông Đỗ Mười

cho treo bức ảnh chụp ông và Fidel Castro, cho đặt một chậu địa lan bằng nhựa... Bàn làm việc của ông đầy những tài liệu, bài báo chi chít những nét gạch đỏ. Một chiếc phản cá nhân trải nệm bông gòn, bọc vải hoa màu đỏ sẫm, được kê gần đó. Ông thường đặt lưng trên chiếc giường này sau những giờ xem tài liệu.

So với Lê Đức Anh, lý lịch tham gia cách mạng của ông Đỗ Mười rõ ràng hơn, và so với ông Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười là bậc tiền bối cả về tuổi đời và tuổi Đảng<sup>415</sup>. Ông Đỗ Mười trở thành ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng từ năm 1955. Ông Võ Văn Kiệt là ủy viên dự khuyết năm 1960. Trong khi tới năm 1976, ông Lê Đức Anh mới vào Trung ương. Đỗ Mười giữ chức phó phủ tướng từ năm 1969, nhưng, năm 1982, ở Đại hội V, ông bị đặt thứ ba trong hàng kế cận do Tổng Bí thư Lê Duẩn và nhà tổ chức quyền biến Lê Đức Thọ sắp xếp: Tố Hữu, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười.

Ngày 12-8-1991, ba ngày sau khi trở thành chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ông Võ Văn Kiệt nhận xét: "Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười vừa là người kế thừa những kinh nghiệm rất lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh, vừa có những kinh nghiệm lớn về quản lý nhà nước. Một khi đồng chí lãnh đạo cao nhất hiểu và thông cảm sâu sắc những khó khăn của công tác quản lý nhà nước thì đó là một thuận lợi lớn cho chúng tôi"<sup>416</sup>. Theo ông Vũ Quốc Tuấn: "Sáu tháng sau, ông Kiệt mới nhận ra là mình nhầm. Ông Kiệt nói với tôi: Tôi tưởng anh Mười đã từng làm việc nhiều năm ở chính phủ, hiểu biết công việc chính phủ thì sẽ là một thuận lợi cho tại mình. Không ngờ, ông biết nhiều việc của chính phủ quá thì ông lại can thiệp nhiều hơn, làm khó mình hơn".

Theo ông Trần Xuân Giá: “Từ đầu đến cuối, ông Đỗ Mười không ủng hộ ông Kiệt, cả về lối sống lẫn quan điểm. Cuối năm 1981, một buổi chiều sau những giờ họp căng thẳng, tôi cùng ông tản bộ trên đoạn đường trước Lăng, ông cho tôi biết tin Võ Văn Kiệt được điều ra Hà Nội. Khi đó, ông Đỗ Mười đã dùng những câu, những từ rất nặng nề mà tôi không tiện nhắc lại để nói về ông Kiệt. Ông Mười cho rằng: Thăng đó sẽ chết vì quan điểm kinh tế thị trường của nó”. Ông Phan Văn Khải cho rằng: “Ông Đỗ Mười đổi mới là do áp lực chứ không phải do chuyển biến về nhận thức như ông Trường Chinh. Ông cũng không được học hành căn bản để hiểu các vấn đề một cách có hệ thống”.

Theo ông Đoàn Mạnh Giao: “Thời kỳ Đỗ Mười - Võ Văn Kiệt xuất hiện thuật ngữ Nhà Đỏ - Nhà Trắng hay Hùng Vương Đông - Hùng Vương Tây để chỉ mối quan hệ giữa bên Đảng và bên Chính phủ”. Nhưng, theo ông Phan Văn Khải: “Khi còn cầm quyền, ông Kiệt không thềm nghe Đỗ Mười, ông Mười nói gì thì nói, ông cứ làm theo kiểu của ông”. Ông Khải thừa nhận đây là lý do mà khi trả lời phỏng vấn báo Thanh Niên ngay khi vừa nhận chức, ông nói: “Về bản lĩnh chính trị tôi không thể nào so sánh với đồng chí Võ Văn Kiệt”<sup>417</sup>. Khi ông Kiệt làm “phó”, theo ông Vũ Quốc Tuấn: “Những việc ông Đỗ Mười chủ trì thì ông Kiệt cũng ít tham gia. Có nhiều cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng, ông Kiệt không dự. Ông Kiệt tập trung cho những công trình của mình ở Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là chương trình khẩn hoang Đồng Tháp Mười. Ông Mười thấy ông Kiệt chủ động quá nên lại kéo ông Kiệt về, hai ông tỏ ra tâm đầu ý hợp”.

Khi trở thành thủ tướng, ông Võ Văn Kiệt có các thành viên chính phủ như Phan Văn Khải, Đỗ Quốc Sam, Lê Xuân Trinh và cả những người từng được cất nhắc bởi ông Đỗ Mười như Trần Xuân Giá, Nguyễn Đình Lộc... Họ là những nhà kỹ trị, giúp ông thiết kế các thiết chế pháp lý cho nền kinh tế thị trường vận hành. Ông Kiệt tập trung thời gian của mình cho những công trình quốc gia và tích cực hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại. Trong thập niên 1990, “nụ cười Võ Văn Kiệt” trở thành một gương mặt nổi bật không chỉ ở trong nước. Nhưng, uy tín trong dân không phải bao giờ cũng trở thành sức mạnh trong một nền chính trị mà quyền lực được giải quyết trong nội bộ<sup>418</sup>.

Tướng Lê Đức Anh dường như không tham gia tranh luận về ý thức hệ, về kinh tế thị trường. Chủ tịch nước, theo Hiến pháp, là một chức danh không mấy thực quyền, nhưng trong thời gian giữ cương vị này, ông Lê Đức Anh đã tạo ra được một ngoại lệ.

Năm 1986, khi từ Campuchia trở về thay thế Tướng Lê Trọng Tấn làm tổng tham mưu trưởng, Tướng Lê Đức Anh không ở những căn biệt thự dân sự bên ngoài mà chọn một căn nhà thuộc cụm nhà khách Bộ Quốc phòng. Đó là một căn nhà hai tầng được xây từ thời Pháp nằm trong khuôn viên Thành Hà Nội cũ. Tướng Anh thường vào ra Thành bằng cổng chính, 51B Phan Đình Phùng nhưng có thể đón khách từ cổng phụ, số 5 Hoàng Diệu. Bà Võ Thị Lê, người vợ thứ hai mà ông cưới năm 1956, sau khi tập kết ra Bắc, sống như hình với bóng với ông trên tầng hai, trong khi những người giúp việc thì ở tầng dưới hoặc các ngôi nhà nằm trong



khuôn viên.

Ông Lê Đức Anh sinh ngày 1-12-1920 tại Truồi, một làng quê nghèo đói bên phá Tam Giang, thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên. Cha ông vừa làm ruộng vừa có thêm nghề thuốc nên cuộc sống gia đình, theo ông, đỡ cực hơn mọi người. Ông học vỡ lòng ở trong làng rồi ra Huế học tiểu học. Năm mười một tuổi, ông được gửi ra nhà chị gái, có chồng đang dạy học ở thành Vinh học tiếp nhưng cũng chỉ được thêm một, vài năm. Học vấn của ông Lê Đức Anh ở mức đọc thông viết thạo.

Ông Lê Đức Anh bắt đầu được “giác ngộ” thông qua những câu chuyện về “một người có tên là Nguyễn Ái Quốc” do hai người cậu ruột của ông, Lê Bá Giản và Lê Bá Dị, kể. Theo lý lịch tự khai: Lê Đức Anh chính thức tham gia cách mạng từ năm 1937 và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương vào ngày 1-5-1938. Năm 1939, khi bị đàn áp, một số đồng chí bị bắt, ông lánh vào Đà Nẵng, lên Đà Lạt, rồi đến năm 1942 thì xuống đồn điền cao su Lộc Ninh. Cuộc hôn nhân với bà Lê cùng với một số điểm không rõ ràng về thời điểm vào Đảng là hai vấn đề khiến ông Lê Đức Anh luôn bị những người từng hoạt động với ông xới lên mỗi khi quyền lực của ông được nới rộng<sup>419</sup>.

Ông Lê Đức Anh gặp người vợ đầu tiên, bà Phạm Thị Anh, vào tháng 8-1945, khi ông đang là “ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách tổ chức và quân sự”<sup>420</sup> và bà Bảy Anh đang là phó chủ tịch Hội Phụ nữ xã An Tây, huyện Bến Cát.

Bà Phạm Thị Anh sinh năm 1925, con một gia đình địa chủ nhỏ ở Bình Dương. Cả mấy anh chị em đều đi theo Việt Minh, có người đang làm chủ tịch huyện, có người đang làm

bí thư xã. Thời gian ấy, bà Bảy Anh chỉ mới vừa đôi mươi lại được coi là hoa khôi trong khi ông Lê Đức Anh thì bị rỗ và một bên mắt bị bệnh vảy cá. Ông Lê Đức Anh “tìm hiểu” bà bằng cách cho mượn sách và mỗi lần như thế lại kẹp vào một mảnh giấy ghi mấy chữ. Làm hậu thuẫn cho ông còn có hai tỉnh ủy viên: Tư Đàng và Nguyễn Oanh<sup>421</sup>; Tư Đàng khi ấy là con nuôi của gia đình bà Bảy. Nhưng, bà Bảy Anh cho rằng, việc bà chọn ông Lê Đức Anh chủ yếu vì nếu lấy ông thì bà không phải làm dâu; ông Lê Đức Anh cũng ngỏ lời đúng khi bà muốn yên bề gia thất.

Cuộc hôn nhân ngay ngày đầu đã gặp sự cố: Đám cưới vừa bắt đầu thì có Tây càn, ông Lê Đức Anh đạp xe chở vợ về bên Hội Phụ nữ rồi quay lại chỉ huy chống càn. Đứa con đầu lòng của họ ra đời khi bà Bảy Anh chỉ mới có bầu bảy tháng, bà ngoại cháu đặt tên là Lê Thiếu. Vừa sinh xong lại gặp càn, y tế xã đưa lên võng gánh chạy vào rừng, đứa bé nhiễm lạnh, chết. Sau đó, Lê Đức Anh được điều về Khu 8. Năm 1950, khi xuống miền Tây thăm chồng, bà Bảy có thai đứa con thứ hai. Năm 1951, bà sinh hạ một người con gái đặt tên là Lê Xuân Hồng.

Sau Hiệp định Geneva, Lê Đức Anh nằm trong số những cán bộ được đưa ra miền Bắc. Từ Bình Dương, hai mẹ con bà Bảy Anh xuống thăm chồng. Nhưng bà quyết định không tập kết ra Bắc như những người phụ nữ khác. Khi ấy, mấy anh em bà Bảy theo kháng chiến để lại một đám trẻ con lít nhít, bà không nỡ để cho cha, một người đàn ông góa vợ phải một mình chăm nom bọn trẻ. Chỉ không lâu trước đó, gia đình bà Bảy Anh đã phải mất ba anh em trai trong một vụ án oan

lớn ở Bến Cát<sup>422</sup>.

Lê Đức Anh ra Bắc, thoát đầu được giao làm sư trưởng Sư đoàn 330, đóng ở Thanh Hóa; sau được điều về Bộ Tổng tham mưu làm cục phó Cục Tác chiến. Thời gian này, quân đội đang chịu cuộc “chinh huấn, chinh quân” khốc liệt do cố vấn Trung Quốc chỉ đạo. Trong chi bộ của ông có hai người bị kiểm điểm nặng, ông và ông Bội Dong, vì lấy vợ thuộc thành phần tư sản, địa chủ. Cả hai sau đó đều tuyên bố “ly khai với gia đình vợ”<sup>423</sup>.

Năm 1956, ông kết hôn với bà Võ Thị Lê, có chồng là một đại úy quân đội đã hy sinh và đang có một người con riêng. Năm 1957, họ có với nhau một con trai, đặt tên là Lê Mạnh Hà; năm 1959, họ sinh thêm một người con gái, cũng đặt tên là Lê Xuân Hồng. Giữa thập niên 1960, Lê Xuân Hồng lớn, người con của ông Lê Đức Anh và bà Bảy Anh, cũng được Tướng Trần Văn Trà tổ chức đưa ra miền Bắc<sup>424</sup>. Ở Hà Nội, bà Lê làm y sỹ ở bệnh viện Hữu Nghị. Những năm ông làm bộ trưởng Quốc phòng rồi chủ tịch nước bà luôn ở bên cạnh chăm sóc ông. Đây là thời gian mà cuộc sống của ông bà được mô tả là cần trọng tới từng chén cơm, viên thuốc.

### **Gỡ cấm vận**

Bộ ba Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt bắt đầu nhiệm kỳ khi “cánh cửa Trung Quốc” đã được khai thông. Chuyển đi Bắc Kinh, từ ngày 5 đến 10-11-1991, của Tổng Bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt là chặng cuối trong tiến trình bình thường hóa mà Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh bắt đầu và Tướng Lê Đức Anh đóng một vai trò trung gian quan trọng. Sứ mệnh của họ là gỡ bỏ lệnh

cấm vận thương mại và bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

Việc ông Võ Văn Kiệt chọn Thái Lan và các nước ASEAN trước khi tới Bắc Kinh, mở đầu chuyến công du ngay sau khi nhận chức chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng là có cân nhắc. Theo ông Vũ Khoan: "Tại một cuộc họp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước bàn về cơ hội thoát khỏi tình thế bị bao vây, cấm vận, mở rộng quan hệ quốc tế, trong lúc nghỉ giải lao anh Sáu gọi tôi - đại diện cho Bộ Ngoại giao được triệu tập sang dự họp - ra trao đổi ý kiến. Anh đặt vấn đề: đã có sự nhất trí cao về đánh giá tình hình và chủ trương phá vây, song ta cần tính kỹ bước đi sao cho có hiệu quả nhất. Anh gợi ý nên áp dụng chiến thuật 'hoa sen nở', đi từ trong ra, theo đó trước hết cần cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực Đông Nam Á vốn có lợi ích sát sườn trong quan hệ với ta đi đôi với việc bình thường hoá quan hệ với nước láng giềng phương Bắc là Trung Quốc; từ đó tạo ra thế mới để cải thiện, thiết lập quan hệ với các nước ở vòng cung thứ hai thuộc khu vực Tây Thái Bình Dương như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand, rồi vươn sang vòng cung xa hơn là EU; thành công của những bước đi ấy sẽ tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy Mỹ chấm dứt chính sách cô lập, cấm vận nước ta".

Giữa ba ông gần như không có bất đồng trong các nỗ lực nhằm thoát ra khỏi lệnh cấm vận thương mại của Mỹ. Tướng Lê Đức Anh thừa nhận: "Chúng ta bị dồn tới chân tường". Lệnh cấm vận mà người Mỹ áp dụng với Việt Nam đã khóa chặt cửa gần hai thập niên: Việt Nam không thể nhập khẩu công nghệ mới từ các nước phương Tây, không thể làm ăn trực tiếp với các công ty đa quốc gia, tài khoản bị phong tỏa,

không thể hưởng các trợ giúp đầy đủ từ ngay cả các định chế quốc tế như World Bank, IMF...

Bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ gần như bế tắc kể từ khi những nỗ lực dưới thời Tổng thống Jimmy Carter thất bại. Hai trở ngại chính cho tiến trình này là việc Việt Nam đóng quân ở Campuchia và việc tìm kiếm tù nhân và người Mỹ mất tích trong chiến tranh (POW/MIA). Cho tới lúc đó, Việt Nam thường chỉ được người Mỹ nhớ tới như là tên của một cuộc chiến tranh, cuộc chiến được biết theo cách mô tả của Hollywood.

Ngay sau Hiệp định Paris, 27-1-1973, 590 tù binh Mỹ bị bắt ở Việt Nam, Lào và Campuchia đã được trao trả. Tuy nhiên, vẫn còn 2.646 người Mỹ bị xếp vào danh sách mất tích. Không ai biết bao nhiêu trong đó bị chết mà không tìm được hài cốt. Việc tìm kiếm MIA gần như phải đình lại sau ngày 30-4-1975. Trong khoảng từ tháng 2-1973 đến tháng 3-1975, người Mỹ chỉ xác nhận được sáu mươi ba bộ hài cốt trong đó có hai mươi ba chết trong thời gian bị giam giữ và năm trường hợp chết tại Lào. Trong thập niên 1980, một số người Việt vượt biên đến Mỹ đã đổ thêm dầu vào lửa khi nói là họ vẫn nhìn thấy tù binh Mỹ ở Việt Nam. Nhiều người Mỹ tin rằng Hà Nội đã nói dối về số lượng tù nhân chiến tranh.

Những cố gắng tìm kiếm của Chính phủ Mỹ ở Lào và Campuchia sau năm 1975 không làm hài lòng người dân. Một số cựu binh Mỹ trong vai người hùng đã quay lại Đông Dương trong các nỗ lực được gọi là "chiến dịch giải cứu" tù binh. Hollywood làm trầm trọng thêm vấn đề POW/MIA khi để trí tưởng tượng của mình tô vẽ những cuộc phiêu lưu của

những cựu binh này. Trong thập niên 1980, có lẽ không mấy người Mỹ không biết đến Chuck Norris và Sylvester Stallone. Đặc biệt là Sylvester Stallone trong vai *Rambo*. Trong khi tù binh Mỹ được mô tả là đã bị chính phủ của mình bỏ quên thì hình ảnh Stallone và Chuck Norris vạm vỡ, quả cảm trên những bích chương quảng cáo - "Chiến tranh chưa kết thúc cho đến khi chàng trai cuối cùng trở về" - đã tác động rất lớn đến tinh thần người Mỹ.

Chính quyền của Tổng thống Reagan (1980-1988) phản đối việc bình thường hóa cho đến khi có sự xác nhận Việt Nam đã rút hết quân ở Campuchia và có sự hợp tác đầy đủ của Việt Nam nhằm đạt được mức độ cao nhất có thể về việc tìm kiếm những người mất tích có tên trong danh sách.

Ronald Reagan cũng như người kế nhiệm ông, George H. W. Bush (1988-1992), đã giao công cuộc tìm kiếm POW/MIA cho Bộ Quốc phòng, nhằm tránh áp lực của các nhóm vận động hành lang. Năm 1987, Reagan phái tướng về hưu John Vessey đến Hà Nội. Năm 1988, Hà Nội cho phép các nhóm tìm kiếm POW/MIA đến hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Nhưng vấn đề người Mỹ mất tích vẫn không nhờ thế mà dịu xuống.

Chính quyền Mỹ liên tục bị chỉ trích là đã che giấu thông tin, những sản phẩm bịa đặt thường lại được tin cậy hơn là những thông tin chính thức. Tháng 7-1991, một thăm dò trên tờ Wall Street Journal cho thấy: 3/4 số người được hỏi tin chính quyền Mỹ đã không làm đủ những điều cần thiết để tù binh được trao trả. Tổng thống Nga Boris Yeltsin, tháng 6-1992, đã đổ thêm dầu vào lửa khi nói với NBC News rằng, một số tù binh Mỹ có thể đã được chuyển từ Hà

Nội đến Liên Xô.

Năm 1991, theo đề nghị của Thượng nghị sỹ Bob Smith, Thượng viện lập Ủy ban Đặc biệt về POW/MIA. Ủy ban do Thượng nghị sỹ John Kerry, một cựu binh trong chiến tranh Việt Nam làm chủ tịch. Một cựu binh khác, Thượng nghị sỹ John McCain<sup>425</sup>, tham gia với tư cách ủy viên. Tiếng nói của hai ông trở nên có trọng lượng nhất trong vấn đề này<sup>426</sup>.

Từ Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam Võ Văn Kiệt cũng đã “đánh vào” tâm lý của dân chúng Mỹ khi ông trả lời phỏng vấn báo Time, tuần lễ từ ngày 7 đến 13-1-1992, nói rằng: “Sự nghi ngờ chúng tôi còn giam giữ một số người Mỹ còn sống... là một điều ngớ ngẩn. Động cơ nào có thể thúc đẩy chúng tôi làm điều đó?”. Báo Time hỏi: “Làm sao để dân chúng Mỹ có thể tin vào sự đảm bảo của các ông?”. Ông Kiệt: “Ở Việt Nam có hàng chục ngàn gia đình có người thân bị mất tích. Tôi cũng là một nạn nhân. Gia đình tôi có bốn người, vợ và ba con của tôi, bị mất tích trong chiến tranh. Trực thăng Mỹ đã giết 300 người trong một trận càn dọc sông Sài Gòn, vợ và con trai, một con gái của tôi đã mất trong trận càn đó. Tôi có thể thấu hiểu được nỗi đau của tất cả các gia đình Mỹ có người thân bị mất tích trong chiến tranh... Tôi mong muốn dân chúng Mỹ hiểu được hoàn cảnh của chúng tôi trong vấn đề này. Chúng tôi xin mời bất cứ người nào nghi ngờ còn người Mỹ sống ở Việt Nam hãy đến Việt Nam mà tìm hiểu”.

Cuối năm 1992, khi tới Hà Nội lần thứ hai, ông John Kerry đã đề nghị Chủ tịch nước Lê Đức Anh cho phép một cộng sự của ông, Thượng nghị sỹ Bob Smith xuống đường

hầm ở khu vực lũng Hồ Chí Minh để tận mắt thấy không có lính Mỹ bị giam dưới lũng như Hollywood nói.

Vào cuối nhiệm kỳ của mình, Tổng thống George H. W Bush đã đi được một quãng dài trong "lộ trình" do phía Mỹ đơn phương đưa ra để bình thường hóa. Đáp lại việc Việt Nam chấp nhận một văn phòng của Mỹ tại Hà Nội để xử lý vấn đề POW/MIA, Mỹ bãi bỏ lệnh hạn chế đi lại trong bán kính hai mươi lăm dặm đối với các nhà ngoại giao Việt Nam ở Liên Hiệp Quốc, đồng thời cho phép người Mỹ được đi đến Việt Nam một cách có tổ chức, thay vì chỉ được đi theo từng cá nhân. Tháng 12-1991, các công ty Mỹ được phép có một số hoạt động kinh doanh ở Việt Nam. Tháng 11-1992, lệnh hạn chế liên lạc điện thoại được bãi bỏ, dịch vụ gọi điện trực tiếp giữa Mỹ và Việt Nam được thiết lập.

Lệnh cấm vận có thể đã được bãi bỏ nhanh hơn nếu G.H.W. Bush tái đắc cử. Nhưng ông đã thua cuộc trước Bill Clinton, một thống đốc chỉ bằng tuổi con trai ông. Bình thường hóa quan hệ với Việt Nam sẽ rất khó khăn với Bill Clinton, người đã tránh nhập ngũ thời chiến tranh Việt Nam, nếu không có tiếng nói của hai cựu binh, Thượng nghị sỹ Dân chủ John Kerry và Thượng nghị sỹ Cộng hòa John McCain.

Đầu tháng 4-1993, Chính quyền Clinton lặng lẽ, thận trọng tìm kiếm những bước đi tiến tới bình thường hóa với Việt Nam. Ngày 12-4-1993, tờ Wall Street Journal tuyên bố "Bill Clinton dường như đã ở bên bờ của sự kết thúc hoàn toàn chiến tranh Việt Nam". Nhưng ngay trong ngày hôm đó, tờ New York Times giật tít lên đầu trang nhất: "Nhiều tài liệu cho thấy năm 1972 Hà Nội đã dối trá về số lượng tù



binh". Bài báo được viết bởi Celestine Bohlen, trưởng văn phòng tại Moscow của tờ New York Times. Ngay trong ngày 12-4-1993, Hà Nội tuyên bố tài liệu này là bịa đặt. Nhưng, cả báo chí và chính trường Mỹ lúc đó dường như không ai còn đủ sự điềm tĩnh để đánh giá "bản báo cáo" về sau được chứng minh là ngụy tạo này<sup>427</sup>. Báo chí Mỹ tuyên bố: "Chúng ta không thể thiết lập quan hệ với những kẻ đã giết tù binh chiến tranh". Một thăm dò do Wall Street Journal/NBC thực hiện vào các ngày 17 và 20-4-1993 cho thấy 2/3 người Mỹ tin rằng tù binh Mỹ vẫn còn bị giữ tại Đông Nam Á.

Ngày 18-4-1993, Tướng John Vessey từ Hà Nội trở về khẳng định với Tổng thống Bill Clinton, không có cơ sở để tin là vẫn còn người Mỹ bị giam giữ ở Việt Nam. Tuyên bố này của Tướng Vessey tiếp tục bị các tổ chức hoạt động chống Việt Nam trong vấn đề POW/MIA phản đối.

Khi đó, cựu Phó Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Hào đang ở Washington, D.C.. Hơn hai năm trước, ông đã nhận giúp Hà Nội vận động hành lang. Khi ông Hào xuất cảnh năm 1981, ông Võ Văn Kiệt vẫn giữ liên lạc với ông thông qua bà Bùi Thị Mè<sup>428</sup>.

Tháng 2-1990, vừa tới Thụy Sĩ dự Diễn đàn Kinh tế Thế giới, ông Kiệt gọi điện thoại ngay cho ông Hào, khi ấy đang là một chuyên gia tư vấn của World Bank. Ông Nguyễn Văn Hào kể: "Đang ở Haiti, tôi nhận được điện thoại, người đàn ông ở đầu dây bên kia hỏi tôi có nhận ra ai không. Tôi đề nghị ông nói lại một lần nữa, rồi kêu lên: Sáu Dân. Tôi hỏi ông đang ở đâu? Ông bảo: Geneva. Tôi nói: Mai tôi qua".

Tháng 12-1991, sau khi trở thành chủ tịch Hội đồng Bộ

trưởng, Ông Võ Văn Kiệt mời ông Nguyễn Văn Hào trở lại Việt Nam. Ông Kiệt bàn với ông Hào việc quay trở lại Washington, vận động Mỹ bỏ cấm vận và thúc đẩy nhanh tiến trình bình thường hóa. Ông Kiệt không làm việc này "đơn tuyến". Ông bố trí để ông Hào gặp Chủ tịch Lê Đức Anh và Tổng Bí thư Đỗ Mười. Theo ông Hào: Ông Đỗ Mười coi ông như một "người của mình". Ông Mười hỏi: "Anh về đã vào viếng lăng Cụ chưa?". Ông Hào trả lời: chưa. Ông bảo: "Anh nên đi". Ông Hào nói: "VẬY anh đưa tôi đi đi". Thế là ông Đỗ Mười đích thân đưa ông Hào viếng lăng Hồ Chủ tịch.

Sứ vụ của ông Nguyễn Văn Hào bắt đầu cuối năm 1992, khi ứng cử viên của Đảng Dân chủ, Bill Clinton dần dần thắng thế. Thông qua một nhà cung cấp thực phẩm cao cấp, Marc Ashton, ông Hào đã ba lần tiếp cận được ông Ron Brown. Lần đầu, khi Ron Brown đang là chủ tịch Ủy ban Toàn quốc của Đảng Dân chủ, tổ chức thành công đại hội của Đảng đưa Bill Clinton chính thức ra tranh cử tổng thống Mỹ. Cuộc gặp gần như tình cờ khi ông Hào đang ở nhà Ashton và Brown từ cuộc gặp với các thành viên Đảng Dân chủ ở Virginia trở về ghé ngang. Họ kéo nhau ra một nhà hàng gần đó. Bữa tối diễn ra khá thân thiện, Brown còn nói đến việc hợp tác làm ăn với Việt Nam khi giao thương được tái lập.

Tháng 12-1992, khi cuộc bầu cử đã ngã ngũ với phần thắng thuộc về Bill Clinton, Ashton đến thăm cô em vợ, Madsen, đang là "bạn rất thân" của Brown, đang ở trong nhà của chính Brown, rồi rủ Brown cùng ghé lai rai chút đỉnh. Khi Brown đến thì ông Hào đã ở đó. Cuộc gặp được viết lại trên báo Time ngày 11-10-1993 rằng, ông Hào

mang theo một lá thư được viết sẵn của Chính phủ Việt Nam chúc mừng ông Brown và hy vọng quan hệ hai nước sẽ tốt đẹp hơn. Brown để lại lá thư trên bàn sau khi nói rằng ông không muốn nhận một lá thư như thế. Mấy ngày sau, theo đề nghị của Ashton, Brown gửi ông Hào một mảnh giấy ghi: "Nice to have met you. Happy holidays". Lần gặp thứ ba diễn ra vào trưa 13-2-1993, Ashton lại mời Brown ăn trưa cùng cô bạn Madsen, cùng đi có thêm ông Hào. Rồi chính ông Ashton đề nghị Brown đưa mọi người ghé thăm Bộ Thương mại nơi Brown vừa được bổ nhiệm làm bộ trưởng. Brown đồng ý.

Thượng nghị sỹ John Kerry đưa tên của Thủ tướng Võ Văn Kiệt lên đầu danh sách những người Việt Nam mà ông cho là có đóng góp đặc biệt cho chương trình POW/MIA và tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt-Mỹ. Thượng nghị sỹ John Kerry gặp ông Kiệt nhiều lần, và năm 1993 khi ông Kiệt tiếp ông ở Thành phố Hồ Chí Minh, John Kerry đã đề nghị ông Kiệt nên viết thư gửi Tổng thống Bill Clinton yêu cầu Mỹ xóa lệnh cấm vận thương mại, tiến tới bình thường hóa. Ông Kiệt hỏi: "Theo ngài thì tôi nên viết cho tổng thống như thế nào?". Thay vì chỉ góp ý, ông John Kerry đã lấy giấy bút ra tự tay thảo giúp ông Kiệt lá thư gửi Bill Clinton. Theo ông Võ Văn Kiệt: "Tôi gần như chỉ phải sửa lại rất ít bản thảo mà ông John Kerry chuẩn bị giúp. Tôi cho chuyển bức thư ra Hà Nội đóng dấu rồi gửi vào ngay để kịp nhờ Thượng nghị sỹ John Kerry mang về Mỹ". Ngày 2-7-1993, Clinton tuyên bố: "Mỹ không còn phản đối những dàn xếp được ủng hộ bởi Pháp, Nhật, và các nước khác nhằm nối

lại sự giúp đỡ của các định chế tài chính quốc tế cho Việt Nam”.

Đầu năm 1994, Việt Nam được Liên Hiệp Quốc mời đến Ohio dự một hội nghị của Tổ chức Thương mại và Phát triển, UNCTAD. Thủ tướng Võ Văn Kiệt cử Bộ trưởng Thương mại Lê Văn Triết đi với tư cách là trưởng đoàn. Ông Lê Văn Triết kể: Vừa tới Ohio thì Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, Boutros Boutros Ghali, gặp nói: “Tôi muốn có một cuộc họp riêng giữa ông và ông bộ trưởng Thương mại của nước chủ nhà”. Không kịp xin ý kiến Hà Nội, ông Triết trao đổi với phiên dịch Trần Đức Minh và một quan chức Bộ Ngoại giao đi cùng rồi nhận lời. Hôm sau, ông B.B.Ghali giới thiệu ông Triết với Bộ trưởng Thương mại Mỹ Ron Brown rồi lấy cớ bận một việc khác, rút lui.

Sau vài câu xã giao, Ron Brown nói: “Tôi muốn có cuộc gặp này để thông báo với ông, tổng thống của chúng tôi sắp tuyên bố bỏ cấm vận thương mại đối với Việt Nam”. Ông Triết cố gắng giấu sự xúc động, trả lời: “Tôi rất hoan nghênh; điều đó rất phù hợp với nguyện vọng của người Việt Nam cũng như người Mỹ”. Brown nói: “Tôi muốn nghe ông nói sâu hơn về suy nghĩ của người Việt Nam”. Ông Triết: “Lịch sử hai nước có sự bất hạnh là gặp nhau trong chiến tranh, tôi không nói lỗi của ai, nhưng chiến tranh ở Việt Nam cũng là bất hạnh của cả nhân dân Mỹ. Lệnh cấm vận gây thiệt hại rất lớn cho chúng tôi, chúng tôi có nhiều hàng hóa mà không thể bán sang đây, nhưng nhiều doanh nghiệp Mỹ muốn làm ăn với Việt Nam cũng không thể được”. Brown: “Tôi cảm ơn ông. Tôi muốn hỏi thêm, sau dỡ bỏ cấm vận, cái gì sẽ đi theo?”. Ông Triết: “Với tư cách cá

nhân, tôi nghĩ, sau đó là thiết lập quan hệ ngoại giao". Brown: "Ở tầm nào?". Ông Triết: "Đại sứ". Brown: "Đó cũng là ý kiến của Thủ tướng?". Ông Triết: "Thủ tướng sẽ có ý kiến riêng, nhưng tôi biết ông là một người cởi mở, đường lối của Đảng chúng tôi hiện nay là làm bạn với tất cả, đây là một quyết định phù hợp với thời đại". Ron Brown cảm ơn rồi nói tiếp: "Tôi đề nghị chúng ta nên thường xuyên quan hệ với nhau. Sau ngoại giao, thương mại sẽ có rất nhiều việc để làm".

Ở thời điểm Bộ trưởng Ron Brown gặp Bộ trưởng Lê Văn Triết, ông đang chuẩn bị để ra trước một bồi thẩm đoàn. Giữa năm 1993, một cộng sự của Tiến sỹ Nguyễn Văn Hào, ông Lý Thanh Bình - Việt kiều ở Miami - tố cáo: Chính phủ Việt Nam đã hối lộ ông Brown 700 nghìn USD nhằm đổi lại việc Mỹ dỡ bỏ lệnh cấm vận và thiết lập bình thường hóa. Theo Tiến sỹ Nguyễn Văn Hào, Bình đã cùng ông về Việt Nam và trong cuộc gặp các nhà lãnh đạo Việt Nam ông đã đưa Bình theo và ông ta biết được phần nào câu chuyện. Sau khi máy kiểm tra không phát hiện ra Bình nói dối, cảnh sát Miami đã khởi tố vụ án. Bình được trang bị các thiết bị ghi âm, mang mật danh "radar" và được hướng dẫn cách đưa ông Nguyễn Văn Hào vào bẫy điều tra của cảnh sát. Nhưng những băng ghi âm của Bình sau đó đã không cung cấp được thêm bằng chứng nào cho thấy ông Hào đang thực hiện một âm mưu hối lộ.

FBI thu được hai bản fax ông Hào gửi cho các quan chức Việt Nam hồi tháng 12-1992 nói rằng phản ứng của Ron Brown là tích cực. Theo tờ New York Times thì FBI cũng tìm

thấy dấu hiệu chính quyền Việt Nam dự định mở một tài khoản ở Singapore. Tuy nhiên, không có bằng chứng cho thấy việc mở các tài khoản này có liên quan tới những hoạt động vận động hành lang của ông Hào. Các tổ chức phản đối tiến trình bình thường hóa Việt - Mỹ đã khai thác những lời tố cáo của Bình. Nhưng cả ông Hào và Brown đều chỉ nhận là có gặp nhau ba lần và không làm gì sai trái. Sau bảy tháng điều tra công phu, ngày 1-2-1994, Bộ trưởng Thương mại Mỹ Ron Brown phải ra hầu tòa. Trong ngày, bồi thẩm đoàn cho rằng Ron Brown vô tội. Hai hôm sau, 3-2-1994, Tổng thống Bill Clinton tuyên bố bãi bỏ lệnh cấm vận thương mại Việt Nam.

Tuyên bố của Tổng thống Clinton được đưa ra vào 5 giờ sáng ngày 4-2-1994 theo giờ Việt Nam. Chưa đầy hai giờ sau, Công ty Pepsi Cola tung một quả bóng bay khổng lồ (hình cái lon Pepsi) lên vùng trời Thành phố Hồ Chí Minh, và phát không những lon Pepsi đầu tiên sản xuất tại Việt Nam. Ngày 5-2-1994, Coca Cola bảo trợ một cuộc biểu diễn nhạc *rock* tại Việt Nam. Pepsi và Coca Cola là hai trong số hơn 100 công ty Mỹ có mặt ở Việt Nam lúc đó.

Ngay trong tháng 4-1994, một hội chợ triển lãm hàng Mỹ lần đầu được khai mạc. Ở thời điểm ấy, các doanh nghiệp Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc, Nhật, Pháp và Úc đã ký kết các dự án đầu tư lên tới 8 tỷ đôla. Giới doanh nghiệp Mỹ đã tạo sức ép khá lớn để bỏ cấm vận.

### **“Đa phương hóa”**

Cả ông Đỗ Mười và Lê Đức Anh đều thừa nhận vai trò của Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong các hoạt động đối ngoại. Tướng

Lê Đức Anh nói: “Chủ trương làm bạn với tất cả, bình thường hóa quan hệ với Mỹ, trước hết do các anh: anh Linh, anh Mười, anh Kiệt trong Bộ Chính trị và anh Tô, cố vấn, đề ra. Nhưng nói cho đúng, hoạt động nhiều là ông Kiệt”.

Tuy nhiên, mọi đường đi nước bước của Chính phủ, của Bộ Ngoại giao đều phải được các ông Lê Đức Anh, Đỗ Mười chấp thuận dưới dạng các nghị quyết của Bộ Chính trị. Ông Lê Đức Anh được phân công phụ trách an ninh, quốc phòng, ngoại giao. Theo Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Cầm: “Các vấn đề về ngoại giao tôi đều phải xin ý kiến ông Lê Đức Anh và thường được anh ủng hộ”. Ông Đỗ Mười cũng rất ít khi phát ngôn, nhưng theo ông Võ Văn Kiệt: “Tôi hiểu ý anh ấy thông qua ý kiến của Đào Duy Tùng, Nguyễn Hà Phan, Nguyễn Đức Bình”. Ông Kiệt đôi khi còn nhận được thông điệp bất lợi từ tổng bí thư một cách trực tiếp.

Giữa năm 1993, trong một cuộc họp của Ban Bí thư do ông Đỗ Mười chủ trì để quán triệt với cán bộ đối ngoại các ngành. Ông Đoàn Mạnh Giao kể: “Tôi tới muộn một chút nên chỉ còn chiếc ghế trống trước mặt ông Đỗ Mười. Vào họp, ông Mười than phiền: ‘Sao lại cho Tây ba lô mắc võng nằm cả ở Hồ Tây’. Tôi bảo: ‘Họ cũng là dân Tây nghèo đi du lịch thôi ạ’. Ông Mười nói: ‘Chúng nó làm gián điệp đấy! Tớ vừa ký cho cậu lên thứ trưởng mà nói gì cũng cãi’. Ông Đỗ Mười vừa dứt lời thì Chánh Văn phòng Trung ương Hồng Hà lấy ra một đồng sách do sứ quán các nước châu Âu in bằng tiếng Việt, rồi nói: ‘Các sứ quán in tài liệu tuyên truyền công khai anh ơi’. Ông Đỗ Mười hỏi: ‘Chủ nghĩa xã hội dân

chủ à?', rồi quay sang tôi: 'Tại sao Chính phủ lại cho in như vậy?'. Tôi nói: 'Thưa bác, luật lệ ngoại giao không cấm điều này. Hồi xưa, sứ quán ta ở Trung Quốc cũng in những tài liệu tuyên truyền. Những tài liệu này để trong sứ quán, vấn đề là cán bộ ta vào đó rồi mang ra thôi ạ'.

Cho dù về đối nội, tổng bí thư là người giữ vị trí cao nhất trong hệ thống chính trị Việt Nam, nhiều quốc gia vẫn không thể tiếp đón ông Đỗ Mười với các nghi thức dành cho nguyên thủ. Trong thời gian đầu, gần như ông Đỗ Mười chỉ có thể thăm viếng những nước như Trung Quốc, Lào, Cuba... về sau có thêm Hàn Quốc, Nhật... đồng ý tiếp ông. Trong khi đó, "nguyên thủ quốc gia" trên danh nghĩa là Tướng Lê Đức Anh lại bị ấn tượng là quá cứng rắn.

Mãi tới tháng 11-1993, Chủ tịch nước Lê Đức Anh mới bắt đầu chuyển thăm chính thức tới Lào và chặng kế tiếp theo thông lệ là tới Bắc Kinh. Năm 1994, ông đến Indonesia và Iran. Năm 1995, thăm Kuwait, Syria, Cambodia, Brazil, Cuba, Philippines. Cũng trong năm 1995, Lê Đức Anh đến Pháp dự lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng phát xít và sau đó tới New York dự lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Liên Hiệp Quốc. Ông là người duy nhất trong thế hệ các nhà lãnh đạo vào Đảng trước năm 1945 và là vị nguyên thủ cộng sản Việt Nam đầu tiên tới Mỹ.

Trong khi đó, ngay từ tháng 10-1991, ông Võ Văn Kiệt đã bắt đầu các chuyến công du "phá băng" xuống các nước ASEAN. Không chỉ đi nhiều hơn những người đồng nhiệm, thật khó giải thích vì sao ông Võ Văn Kiệt, một người xuất



thân từ nông dân, lại chính là nhà lãnh đạo đầu tiên nhận ra việc phải chấn chỉnh từ bên trong để chuẩn bị một tư thế mới, không chỉ cho cá nhân ông mà cho cả Việt Nam, trước khi thiết lập quan hệ rộng rãi hơn với các quốc gia trên thế giới.

Ngày 5-11-1991, trên chuyến chuyên cơ từ sân bay Nội Bài đi Bắc Kinh, ông Võ Văn Kiệt nói với ông Đỗ Mười ý định mở ngay một tuyến cao tốc từ Hà Nội lên Nội Bài và đã được ông Đỗ Mười ủng hộ. Ngày ấy, để đi từ Hà Nội đến sân bay, xe phải qua Cầu Đuống, sang Đông Anh, vừa phải lòng vòng xa, vừa đi qua những khu phố nhếch nhác, chật hẹp. Không chỉ rút ngắn khoảng cách từ sân bay quốc tế về Thủ đô, đoạn đường cao tốc đầu tiên được làm với nguyên tắc BOT này đã gieo những ấn tượng đầu tiên về một Việt Nam đang thoát ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

Ông Kiệt cũng cho chuyển nơi đón các vị nguyên thủ quốc gia từ Nhà khách Chính phủ số 12 Ngô Quyền về Phủ Chủ tịch. Ông Kiệt nói: "Một lần tôi được cử tháp tùng Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công đi đón Tổng Bí thư Rumania Ceausescu. Lễ đón được tổ chức trước Nhà khách Ngô Quyền, hình Hồ Chủ tịch đặt trên nóc tòa nhà Ngân hàng Nhà nước, một phong vải lớn căng che nhà Ngân hàng, cờ quạt trông như một sân khấu hát bội. Cả chúng tôi và dân chúng được huy động đến phải đứng đợi giữa nắng. Tôi thấy không ổn, nghĩ, phải thay đổi từ những việc tưởng là nhỏ như thế này. Nhưng khi đó tôi mới chỉ là phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng".

Chuyển nơi đón khách thì buộc phải phá một “vườn hoa con cóc” ở trước sân Phủ Chủ tịch, Quyết định của ông Kiệt bị phản ứng. Ông Kiệt kể: “Có người tố cáo với anh Phạm Văn Đồng: Ông Kiệt san bằng di tích. Anh Đồng gọi tôi đến, tôi thưa: anh biết rõ cái gọi là di tích ở đó, chỉ là một cái mỏ neo cắt trên một thảm cỏ cây. Rồi tôi nói, để tổ chức một lễ đón các nguyên thủ cho có tư thế quốc gia, không có chỗ nào trang trọng như trước Phủ Chủ tịch. Mặt khác, chúng ta cũng không thể phơi nắng, phơi mưa cả chủ lẫn khách như lâu nay vẫn làm. Anh Đồng nói: anh nói cũng phải. Thế là tôi về, cho sửa. Lúc đầu ta vẫn đón khách theo kiểu duyệt binh, có đủ hải-lục-không quân. Tôi bỏ duyệt binh, chỉ để đại diện các binh chủng đứng thành hàng và không còn bắt dân phơi nắng nữa”.

Ông Kiệt nói: “Các anh làm đối ngoại lâu năm như anh Nguyễn Duy Trinh, anh Nguyễn Cơ Thạch, đặc biệt, anh Thạch là một bộ trưởng ngoại giao rất có tầm, sau anh không có ai bằng. Nhưng, lạ là các anh ấy vẫn để cho việc lễ tân trong những cuộc họp hành, đón khách quốc tế rất luộm thuộm. Gần như không có đối chiếu, gần như không để ý đến cái không phù hợp của mình, để sửa”. Ngay như quyết định của ông Kiệt cấm đi dép lê và yêu cầu mặc comple, thắt cà vạt tại các nghi lễ trọng thể, theo ông Vũ Khoan: “Anh em làm ngoại giao lúc đầu cũng cho rằng đó là một quyết định không thực tế. Cho tới một lần, lên một tỉnh miền núi họp, tôi bị hổ vì chỉ có tôi ăn mặc tuềnh toàng trong khi các vị lãnh đạo địa phương đều mặc comple, đeo cravat”.

Ông Võ Văn Kiệt cũng là nhà lãnh đạo đầu tiên nhận ra nhu cầu chấn chỉnh cung cách thiếu chuyên nghiệp của các cơ quan ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài. Năm 1990, khi tới Davos dự Diễn đàn Kinh tế thế giới, ông Kiệt nhận ra sự thiếu chuyên nghiệp của các quan chức ngoại giao. Nữ phiên dịch của ông trong chuyến đi, bà Tôn Nữ Thị Ninh kể: “Khi tiễn ông ra sân bay, sứ quán nói, đại sứ ra trước để chuẩn bị, tôi với ông đi sau. Nhưng cậu lái xe lại không biết phòng VIP ở đâu, ba thầy trò loay hoay mãi. Cuối cùng, tôi đành phải tìm một góc yên tĩnh, để ông ngồi đấy. Tôi đi được ít phút thì người của sứ quán chờ không thấy ông, đi tìm. Ông không la mắng gì nhưng rất bực mình, trên đường về ông nói, cơ quan ngoại giao của mình ở nước ngoài chưa đủ tầm và thiếu chuyên nghiệp”.

Chuyến đi Davos tháng 2-1990 là chuyến đi đến phương Tây đầu tiên của ông Võ Văn Kiệt. Trước ngày lên đường, bà Phan Lương Cầm, phu nhân của ông, cho mời bà Tôn Nữ Thị Ninh đến, nói: “Chị sống ở bên đó lâu, xin chị mạnh dạn góp ý, kể cả chuyện ăn mặc, anh Sáu nên thế nào?”. Bà Ninh nói: “Ông Kiệt có phong thái của một chính khách rất gần với phương Tây”.

Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm cho rằng: “Quan hệ cá nhân đóng một vai trò quan trọng trong công tác đối ngoại. Trong đàm phán, ông Kiệt thường tạo được cảm tình và độ tin cậy rất cao, không chỉ với những nhà lãnh đạo châu Á như Mahathir, Than Shwe, Chatichai, Aquino... Các nhà lãnh đạo ASEAN như Chatichai, Mahathir, đặc biệt là Lý Quang Diệu đều giữ quan hệ khá thân mật với ông Võ Văn

Kiệt.

Ông Võ Văn Kiệt gặp ông Lý Quang Diệu năm 1990, ở Davos, khi cả hai cùng tham dự Diễn đàn Kinh tế thế giới. Lần đó khi phát biểu trên diễn đàn, ông Lý Quang Diệu nói: "Tôi qua đây, có tiếp xúc với mười đoàn, và hiện đoàn Việt Nam đang muốn gặp". Ngồi ở dưới nghe, ông Kiệt nghĩ: "Ông này chơi mình đây. Cuộc gặp là thỏa thuận của đôi bên, nhưng ông nói như mình xin gặp ông". Sau đó khi gặp nhau, Lý Quang Diệu lại chỉ trích: "Việc chọn đi theo mô hình Liên Xô đã làm cho nền kinh tế Việt Nam lạc hậu mất hai mươi năm". Nhưng, thay vì tạo thêm xung đột, ông Kiệt đã tìm cách kết bạn với người đã phê phán mình.

Năm 1991, khi ông Võ Văn Kiệt tới Singapore, Lý Quang Diệu đã thôi làm thủ tướng được đúng một năm, nhưng vẫn là một nhân vật đầy quyền uy. Trong một dạ tiệc đón tiếp, ông Kiệt ngồi gần, nói với ông Lý Quang Diệu: "Chúng tôi hân hạnh mời ngài qua thăm Việt Nam và ngài nên bố trí thời gian đi thăm nhiều nơi, qua đó ngài có thể có những ý kiến đề xuất, gợi ý vì chúng tôi từ chiến tranh ra, chưa có nhiều kinh nghiệm xây dựng kinh tế". Ông Kiệt kể: Ông Lý cảm ơn lia lịa và nhận lời. Sáng hôm sau, khi báo chí phỏng vấn, Lý Quang Diệu nói: "Thủ tướng Việt Nam mời tôi làm cố vấn và tôi đã nhận lời". Ở nhà, ông Đỗ Mười, rất lo. Ông Kiệt về, ông Mười hỏi: "Anh mời Lý Quang Diệu làm cố vấn à?". Ông Kiệt kể: "Tôi thuật lại sự tình nhưng có vẻ như ông Mười không tin lắm. Ông nói, như thế là bất lợi. Tôi động viên, không sao, biết đâu về chính trị, không phải bất lợi mà hay, vì mình được tiếng chịu chơi. Thực tế là hay. Sau đó, báo chí nước ngoài viết: Việt Nam mời một ông chống cộng

làm cố vấn chắc đã đổi mới lắm”.

Năm 1992, Việt Nam được mời làm quan sát viên của ASEAN với điều kiện năm năm sau mới có thể trở thành quốc gia thành viên. Nhưng, theo ông Nguyễn Mạnh Cầm: “Chỉ hai năm, họ đặt vấn đề, nếu Việt Nam đã chuẩn bị và sẵn sàng gia nhập ASEAN thì phải trả lời trong hội nghị ngoại trưởng các nước ASEAN năm 1994 để năm 1995 gia nhập chính thức”. Đúng lúc đó, theo Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm: “Trong Bộ Chính trị có anh phân vân, quan hệ với ASEAN thì được nhưng gia nhập ASEAN thì không được. Đào Duy Tùng nói: ASEAN là sự tiếp nối của khối SEATO<sup>429</sup>”. Ông Cầm cho rằng: “Nhận thức của một số đồng chí trong Bộ Chính trị lúc bấy giờ không theo kịp những thay đổi của tình hình thế giới”.

Đầu năm 1994, ASEAN thông báo nếu Việt Nam đủ điều kiện tham gia thì đến Hội nghị các bộ trưởng ngoại giao ASEAN tại Bangkok phải trả lời. Tháng 7-1994, trước giờ ông Nguyễn Mạnh Cầm đi Bangkok, Hà Nội vẫn chưa đưa ra quyết định. Ông Cầm kể: “Sáng sớm, gặp Thường vụ Bộ Chính trị, tôi nói: Khi còn vấn đề Campuchia, ASEAN có những đối kháng với mình. Nay, họ cũng có nhu cầu quan hệ với mình, ta phải tranh thủ. Bán anh em xa mua láng giềng gần. Mình có quan hệ được với ASEAN thì mới quan hệ được với các nước”. Đỗ Mười, Lê Đức Anh đồng ý nhưng, Đào Duy Tùng kiên quyết phản đối. Ông Tùng cho rằng vào ASEAN không mang lại lợi ích gì trong khi lại làm tăng nguy cơ “diễn biến hòa bình”. Đến giờ ông Cầm phải ra máy bay, Đào Duy Tùng vẫn bảo lưu ý kiến, ông Đỗ Mười dặn: “Anh

cứ đi nhưng chưa trả lời, chờ điện của Bộ Chính trị”.

Rồi, ông Đỗ Mười cử ông Vũ Khoan vào Sài Gòn gặp ông Võ Văn Kiệt, lúc bấy giờ đang làm việc với Chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Kiệt từ cuộc họp trong 86 Lê Thánh Tôn ra bảo: “Tôi đã nói từ lâu, chuyện này còn có gì mà phải cân nhắc nữa. Anh báo ngay với anh Cầm là ta đồng ý”. Ông Kiệt nói: “Các chính khách thân tình của ASEAN nói với tôi, nếu ASEAN đặt vấn đề mà Việt Nam do dự thì sẽ mất thời cơ vì họ sẽ nghĩ, Việt Nam chỉ thăm dò chứ không thành thật. ASEAN làm việc theo nguyên tắc đồng thuận, chỉ cần vài nước rút lại ý kiến là sẽ rất bất lợi”.

Ông Nguyễn Mạnh Cầm kể: “Ông Đỗ Mười dặn phải chờ điện trả lời của Bộ Chính trị. Theo kế hoạch, các bộ trưởng sẽ gặp nhau trong bữa ăn tối ngày hôm đó, tôi hy vọng nhận được điện vào buổi chiều nhưng chờ tới sáng hôm sau vẫn không thấy đâu. Tôi quyết định vẫn trả lời ‘có’ với ASEAN. Anh Kiệt đã nỗ lực để đưa Việt Nam gia nhập ASEAN và tôi tin nếu có gì thì anh sẽ đấu tranh trong nội bộ. Mãi tới chiều hôm sau mới có điện của Bộ Chính trị đánh sang trả lời đồng ý”. Điện do Ủy viên Thường trực Thường vụ Bộ Chính trị Đào Duy Tùng ký.

Khi nhận được câu trả lời từ ông Cầm, Bộ trưởng Ngoại giao Malaysia, ông Badawi, vui vẻ: “Cầm ơi, năm tới Việt Nam sẽ là thành viên của ASEAN nhưng với anh thì còn hai điều kiện”. Ông Cầm hỏi: “Điều kiện gì?”. Badawi: “Đến đây, anh không nói tiếng Pháp hoặc tiếng Nga nữa mà phải nói giỏi tiếng Anh và, điều kiện thứ hai là phải biết đánh golf”. Ông Cầm: “Tiếng Anh thì tôi cố gắng được còn golf thì tôi sợ lắm. Thời gian để tôi chuẩn bị đánh golf còn khó hơn

Việt Nam chuẩn bị điều kiện gia nhập ASEAN". Badawi: "Việt Nam điều gì cũng làm được. Tôi sẽ giúp anh chuẩn bị. Golf là làm việc chứ không phải chơi".

Thiết lập quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc, quốc gia mà cho tới khi đó vẫn được Việt Nam gọi là Nam Triều Tiên, cũng là một mốc đáng nhớ trong tiến trình hội nhập, cho dù bên thúc đẩy không phải Việt Nam. Việt Nam và Hàn Quốc bắt đầu có quan hệ buôn bán, đầu tư từ năm 1983, nhưng chỉ ở mức phi chính phủ. Ông Vũ Khoan kể: "Năm 1991, Ủy ban Kinh tế Xã hội của Liên Hợp Quốc về châu Á và Thái Bình Dương, ESCAP, họp ở Seoul. Nam Triều Tiên muốn có đại diện của Việt Nam, họ mua vé và chi phí cho cả đoàn. Tôi trở thành quan chức đầu tiên của Việt Nam đến Nam Triều Tiên. Tại Seoul, chúng tôi bắt đầu đàm phán về thiết lập ngoại giao. Họ muốn đặt sứ quán tại Hà Nội ngay, nhưng mình chủ trương mở trước ở cấp tổng lãnh sự. Hai bên thỏa thuận là bàn kín nhưng đang bàn thì họ lộ tin cho báo chí, tôi bỏ ra về".

Sau đó, Nam Triều Tiên đề nghị đàm phán ở cấp vụ. Họ cử đại sứ tại Thái Lan sang Hà Nội. Theo ông Nguyễn Mạnh Cầm: "Trong quá trình đàm phán có mấy điểm phải xin ý kiến Bộ Chính trị: Mình đòi bồi thường chiến tranh, họ nói nếu chúng tôi nhận bồi thường, người Mỹ sẽ gây khó khăn; mình đòi họ phải có trách nhiệm với Việt Nam, họ nói, vậy cũng không được vì Mỹ có trách nhiệm lớn hơn. Thay vì bồi thường, họ hứa sẽ ưu tiên vốn ODA cho Việt Nam và thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ giữa hai nước".

Việc thiết lập ngoại giao với Nam Triều Tiên cũng không

suôn sẻ. Trước 1975, Nam Triều Tiên là nước đồng minh của Mỹ, cùng với Australia, Chính quyền Park Chung Hee có gửi quân đến tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Họp Bộ Chính trị, ông Nguyễn Hà Phan phát biểu: “Tôi không bao giờ quên tội ác của lính Park Chung Hee, các anh muốn quan hệ thì phải giải trình, phải làm tư tưởng với người dân miền Đông nơi lính Park Chung Hee đã gây nhiều tội ác. Tôi tin là người dân sẽ phản ứng”. Ông Phan nói: “Anh Đào Duy Tùng cũng có ý kiến là tội này nó xấu lắm”. Cả ông Nguyễn Hà Phan và Đào Duy Tùng thật ra chỉ là người phát ngôn. Theo ông Võ Văn Kiệt, nói Nam Triều Tiên đã từng đưa quân tới Việt Nam chỉ là cái cớ. Việc thiết lập ngoại giao với Nam Triều Tiên bị Bắc Triều Tiên phản ứng và Trung Quốc thì tỏ ý không hài lòng<sup>430</sup>. Tháng 4-1992, hai nước đồng ý thiết lập văn phòng liên lạc.

Ngày 24-5-1992, sau một chuyến thăm Đại Hàn, Xuân Lương, thành viên Hội Nhà báo Việt Nam viết bài “Seoul, Mùa Xuân Thoáng Qua” đăng trên tờ Hà Nội Mới Chủ Nhật. Bài viết mô tả: Nam Triều Tiên sau giải phóng rất nghèo bởi tài nguyên hầu như không có gì đáng kể, lại sau ba năm “chiến tranh huynh đệ tương tàn”. Cũng Xuân Lương, ngày 30-5-1992, có bài đăng trên báo Nhân Dân, tựa đề: “Nam Triều Tiên Chặng Đường Đi Tới Phần Vinh, mô tả “sự xuất hiện của bốn con rồng Châu Á” theo đó, ca ngợi “con rồng” Nam Triều Tiên đi lên nhờ “tinh thần dân tộc, tính nhẫn nại cộng với chủ trương đúng đắn của nhà nước”.

Ngay sau đó, Đại sứ Bắc Triều Tiên tại Hà Nội đã gặp Vụ phó Vụ Báo chí Bộ Ngoại giao Đỗ Công Minh để phản ứng về hai bài báo của Xuân Lương. Ông Đại sứ cho rằng, cuộc



chiến tranh năm 1953 ở bán đảo Triều Tiên là “chiến tranh giải phóng”; sở dĩ Nam Triều Tiên phát triển là vì “họ sống bám vào viện trợ của Mỹ, Nhật”. Ông Đại sứ còn đặt vấn đề: “Có thể dẫn tới sự chia tay giữa ngành báo chí hai nước”<sup>431</sup>.

Từ trước đó, các phản ứng của Bình Nhưỡng đã được đưa ra cân nhắc trong các cuộc họp của Bộ Chính trị. Yếu tố xã hội chủ nghĩa được đặt lên bàn cân. Ông Võ Văn Kiệt phát biểu: “Bắc Triều Tiên là xã hội chủ nghĩa nhưng khi ta đánh sang Campuchia, họ là nước tiên phong chống ta nhất chứ không phải Nam Triều Tiên. Nếu nói về xấu tốt thì chưa chắc ai đã hơn ai”. Bộ Chính trị không có lý do để từ chối quan hệ với một nước quan trọng như thế trong khu vực. Ngày 22-12-1992, Bộ trưởng Ngoại giao hai nước ký tuyên bố chung thiết lập ngoại giao ở cấp đại sứ.

Tháng 2-1993, khi Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đến Seoul, ông được đón tiếp rất trọng thị. Ông Cầm nói: “Cả tổng thống đương nhiệm và tổng thống đắc cử đều bảo tôi, họ muốn mời Thủ tướng Võ Văn Kiệt sang thăm. Tôi trả lời: Tôi nghĩ là Thủ tướng sẽ đồng ý”.

Trước chuyến đi của Thủ tướng Võ Văn Kiệt vào tháng 5-1993, đại sứ Nam Triều Tiên tại Hà Nội trình lên Bộ Ngoại giao một lá thư, đề nghị Việt Nam, từ nay gọi họ là Hàn Quốc thay vì gọi Nam Triều Tiên. Ông Đoàn Mạnh Giao kể: “Ông Kiệt tham vấn, tôi nói: Thưa chú, cháu tên là Giao, cháu yêu cầu mọi người gọi cháu đúng tên không lẽ hàng xóm có quyền không chịu. Ông Kiệt cười. Trước khi ông lên đường, Văn phòng Chính phủ có một công văn yêu cầu các cơ quan trong nước từ nay chính thức gọi Nam Triều Tiên là

Hàn Quốc”. Khi tiếp ông Võ Văn Kiệt, theo Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Cầm: “Tổng thống Kim Young Sam nói: Ngày trước, Hàn Quốc có một món nợ với Việt Nam. Đó là điều đáng tiếc xảy ra trong một thời điểm mà chúng tôi không thể tránh vì là đồng minh với Mỹ. Giờ đây tôi xin sửa bằng cách hợp tác với nhau tốt hơn”.

Khi đàm phán để ký kết hiệp định hợp tác với EU, trong Bộ Chính trị, cũng có nhiều ý kiến phản đối cho dù lúc đó Việt Nam rất cần các bạn hàng châu Âu nhất là bạn hàng dệt may. Ông Võ Văn Kiệt nói: “Bàn đi, bàn lại rất nhiều. EU đưa ra các điều kiện đòi Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền. Có ý kiến cho rằng, đó là điều kiện chính trị, không thể chấp nhận. Tranh luận không ngã ngũ. Năm 1995, khi tôi chuẩn bị đi châu Âu, tôi nói với ông Đỗ Mười: Đề nghị anh đồng ý với tôi về mặt nguyên tắc, nếu như trong các hiệp định mà EU ký với các nước khác không có điều kiện nhân quyền mà chỉ đặt ra khi ký với mình thì tôi sẽ thuyết phục họ rút lại. Nếu đó là nguyên tắc mà EU áp dụng chung thì đề nghị anh cho tôi quyết định vì mình không phải là một ngoại lệ. Việt Nam cũng không thể đặt mình trong một sự khác biệt và không thể từ chối các đòi hỏi hợp lý về nhân quyền. Ông Mười đồng ý về mặt nguyên tắc”.

Trong lịch sử ngoại giao, theo ông Nguyễn Mạnh Cầm, hiếm khi trong một tháng có tới ba sự kiện lớn như tháng 7-1995: Gia nhập ASEAN, bình thường hóa quan hệ với Mỹ, ký hiệp định khung với EU. Kể từ khi Việt Nam đổi mới cho tới năm 1996, ngoài việc phục hồi quan hệ với một số quốc gia, Việt Nam thiết lập quan hệ mới với năm mươi bốn nước. Năm 1950, chỉ có các nước xã hội chủ nghĩa công nhận Việt

Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ 1950-1987, Việt Nam thiết lập quan hệ với 112 nước. Năm 1996, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 166 nước.

## **Tổng cục II**

Khi nhận chức bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tướng Lê Đức Anh chọn người đã kế vị mình ở Campuchia, Tướng Đoàn Khuê, làm tổng tham mưu trưởng. Năm 1992, Đoàn Khuê trở thành bộ trưởng Bộ Quốc phòng và, năm 1991, một nhân vật khác cũng từng ở Quân khu IX và Bộ tư lệnh 719 với Lê Đức Anh, Tướng Lê Khả Phiêu, được đưa lên làm chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Ngoài những chức năng hiến định, ông Lê Đức Anh còn được Bộ Chính trị phân công phụ trách công tác quốc phòng, an ninh và ngoại giao. Nhưng, khi nói đến thực quyền của ông không thể không nhắc đến lực lượng tình báo quân đội mà cho dù trong thời bình, đã được ông nâng từ cấp cục lên tổng cục.

Cuối năm 1986, khi Tướng Lê Trọng Tấn mất đột ngột, Lê Đức Anh thay vị trí tổng tham mưu trưởng. Chỉ huy tình báo quân đội, Tướng Phan Bình, được cho về hưu. Trung tướng Phan Bình là người kế nhiệm Đại tá Lê Trọng Nghĩa làm cục trưởng Cục II kể từ năm 1968, thời kỳ mà tình báo quân đội thực sự phục vụ cho quốc phòng. Sau khi bàn giao, Tướng Phan Bình vào Sài Gòn. Ông nghỉ tại nhà khách Cục II, số 30 Lê Quý Đôn. Đêm 13 tháng Chạp năm Bính Dần (đầu năm 1987), ông chết ở tư thế "ngã sấp trên thềm nhà trước phòng khách, ở đầu bị bắn toác một lỗ rộng".

Những thông tin không chính thức sau đó nói rằng "đồng

chí Phan Bình bị bệnh tâm thần, tự sát"<sup>432</sup>. Tướng Lê Đức Anh đưa Nguyễn Như Văn, vốn là trưởng Đoàn 12, cơ quan tình báo quân đội bên cạnh Bộ tư lệnh 719 ở Campuchia lên làm cục trưởng Cục II. Đại tá Vũ Chính, người kế vị ông Tư Văn ở Đoàn 12 được đưa lên làm cục phó. Năm 1995, Cục II được nâng cấp thành Tổng cục II, Tướng Vũ Chính thay Nguyễn Như Văn nắm quyền tổng cục trưởng. Một triều đại mới của tình báo quân đội bắt đầu.

Không dừng lại ở quy mô tổng cục. Dưới sự chỉ đạo của Tướng Lê Đức Anh, chủ tịch nước kiêm phó bí thư thứ nhất Đảng ủy Quân sự Trung ương, Tướng Vũ Chính bắt đầu soạn thảo Pháp lệnh tình báo theo đó thay đổi gần như căn bản chức năng nhiệm vụ của cơ quan tình báo. Pháp lệnh được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua và được Chủ tịch Nông Đức Mạnh ký vào ngày 14-12-1996. Sau khi có Pháp lệnh, Tổng cục II soạn thảo một nghị định trình lên Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Ông Kiệt thừa nhận là khi nhận thấy sự bất ổn của nghị định tình báo, lẽ ra ông phải đủ can đảm để từ chối ký (Nghị định 96/CP). Nhưng, ông Kiệt giải thích: "Phần do ông Lê Đức Anh không ngừng thúc ép, phần do, theo nguyên tắc, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua pháp lệnh thì Chính phủ có chức năng phải hướng dẫn thi hành nên chín tháng sau, ngày 11-9-1997, tôi đã phải ký". Ông Phan Văn Khải giải thích thêm: "Nghị định tình báo mở rộng quá, ông Kiệt cảm thấy bất ổn nhưng không vượt qua được"<sup>433</sup>.

Từ một cơ quan trực thuộc Bộ Tổng tham mưu, Pháp lệnh Tình báo đã đặt những cơ quan như Tổng cục II "dưới sự lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản

Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ”. Pháp lệnh cũng biến Tổng cục II, từ một cơ quan thay vì chỉ làm chức năng chuyên trách tình báo về quân sự và thực thi các nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng, trở thành một cơ quan có chức năng “tình báo” trong nội bộ, có quyền: cài người vào các địa phương, các cơ quan của Đảng, Nhà Nước, các tổ chức chính trị, xã hội, văn hóa và kinh tế, được phép thiết lập kênh thông tin đặc biệt với lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình đàm phán Hiệp định Thương mại Việt Mỹ, theo ông Nguyễn Đình Lương<sup>434</sup>, nhiều ủy viên Bộ Chính trị nhận được những “báo cáo tình báo” của Tổng cục II do Tướng Vũ Chính trực tiếp đưa tận tay. Những báo cáo này đã từng có tác động không nhỏ đến tiến trình đàm phán. Theo ông Võ Việt Thanh: “Xem lại các báo cáo của Tổng cục II thấy, phần lớn đó là những báo cáo mang tính chất tác động vào nội bộ của lãnh đạo Việt Nam, tạo bất lợi về mặt tâm lý trong các hoạt động đối ngoại, có khuynh hướng đẩy tới sự đối đầu với Mỹ. Tôi không hiểu tại sao khi đọc những báo cáo như vậy mà Bộ Chính trị không yêu cầu chấn chỉnh”.

Ông Phan Văn Khải thừa nhận: “Ông Lê Đức Anh dùng quân đội, lực lượng tình báo quân đội để tạo thế và dùng tin tình báo để gây ảnh hưởng lên cả các vấn đề nhân sự. Năm 2002, khi Nguyễn Chí Vịnh được bổ nhiệm làm tổng cục trưởng Tổng cục II thay bố vợ là Vũ Chính, tôi có dặn: anh đừng có dùng Tổng cục II vào những việc như bố vợ anh đã từng làm, Vịnh nói, cháu sẽ nghe lời chú”<sup>435</sup>. Thời Vũ Chính

còn làm tổng cục trưởng, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu cũng đã không thoát khỏi “lưới Tổng cục II” của Tướng Lê Đức Anh.

### **Đất quân đội**

Hai ông Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt chính thức nhận vị trí “nguyên thủ” ngay sau Đại hội Đảng lần thứ VII, trong khi ông Lê Đức Anh phải đợi Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công chủ trì việc thông qua Hiến pháp mới. Tướng Lê Đức Anh nhận chức Chủ tịch nước vào tháng 9-1992, khi Quốc hội khóa IX bắt đầu nhóm họp. Ông có lẽ là vị nguyên thủ đầu tiên kết hợp khá nhuần nhuyễn quyền lực trên thực tế với vai trò mang tính biểu tượng của chức danh chủ tịch nước. Không phải ngẫu nhiên khi đã trở thành nguyên thủ quốc gia, ông Lê Đức Anh vẫn ở trong Thành. Quân đội vẫn là một lãnh địa mà ông tiếp tục nắm vững rồi từ đó tỏa ra sức mạnh.

Tướng Lê Đức Anh là người đưa ra sáng kiến phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng<sup>436</sup>. Ngày 10-9-1994, Lê Đức Anh ký Lệnh ban hành Pháp lệnh 29-8-1994 và ngày 29-12-1994, trong một đại lễ được Đài truyền hình Việt Nam trực tiếp truyền đi, Lê Đức Anh đã cùng với hàng trăm bà mẹ, khi ấy ở tuổi ngoài 70, cùng duyệt hàng quân danh dự trong khuôn viên Phủ Chủ tịch.

Chiến tranh đã cướp đi hàng triệu sinh linh của cả hai bên, chỉ riêng phía Cộng sản đã có tới 44.253 bà mẹ Việt Nam đủ mất mát để được gọi là anh hùng: miền Bắc có 15.033 bà; miền Nam có 29.220 bà. Họ là những người phụ nữ bị mất đứa con duy nhất, bị mất cả chồng lẫn con, bị mất ba con, thậm chí, có những người như bà Nguyễn Thị Thứ, ở

xã Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam, có tới 9 người con được Chính quyền công nhận là liệt sỹ.

Từ năm 1987, khi Việt Nam bắt đầu rút quân ở Campuchia, căng thẳng biên giới với Trung Quốc giảm dần, hơn 600 nghìn sỹ quan, binh lính được cho giải ngũ: 37.338 người đã được Bộ Quốc phòng "xuất khẩu lao động" sang các nước Đông Âu, trong đó có 9.333 sỹ quan; 25.454 hạ sỹ quan và quân nhân chuyên nghiệp; 2.551 người thuộc diện con em cán bộ quân đội. Phần lớn phải tự mình xoay xở: một số trở lại quê hương lam lũ; một số đưa vợ con vào Nam, lên Tây Nguyên... Các chàng trai chỉ mong có ngày cởi bỏ những bộ quân phục, chia tay với súng đạn, ít ai nghĩ tới những ưu đãi mà quân đội sắp dành cho những người ở lại.

Đầu thập niên 1990, sỹ quan quân đội bắt đầu được hưởng mức lương ưu đãi theo hệ số 1,8. Theo đó, một sỹ quan sẽ nhận được số lương trên thực tế cao gấp 1,8 lần so với một viên chức dân sự có cùng ngạch bậc. Theo ông Vũ Quốc Tuấn: "Ông Võ Văn Kiệt không đồng ý. Ông Kiệt cho rằng, nếu anh ở chiến trường hoặc ở biên cương, hải đảo thì mức lương đó tôi tán thành. Nhưng nếu anh ở Hà Nội hay Sài Gòn, hằng ngày về với vợ con mà hưởng lương thế là vô lý"<sup>437</sup>. Tranh cãi kéo dài suốt từ năm 1991 đến 1994 nhưng không có kết quả. Vấn đề không phải là công bằng mà là vai trò quân đội trong tương quan chính trị.

Tướng Lê Đức Anh có một quyết định khác làm đổi đời nhiều sỹ quan, đó là quyết định lấy đất doanh trại và đất mà các đơn vị quân đội đang nắm giữ ở các thành phố như Sài Gòn, Hà Nội, Cần Thơ, Đà Nẵng... chia cho cán bộ xây nhà. Ở Hà Nội là các phần đất quân sự xung quanh sân bay

Bạch Mai, sân bay Gia Lâm, khu Lý Nam Đế... Ở Sài Gòn là các vùng đất bao quanh Trung tâm như: trại Hoàng Hoa Thám; trại Đào Duy Từ; căn cứ 26; Bộ Tổng Tham mưu; căn cứ Hải quân, từ khu vực Ba Son ăn thông sang khu Lê Thánh Tôn, kéo xuống Tân Cảng; các nhà máy thuộc Tổng cục Kỹ thuật kéo từ đường 3-2 đến Chí Hòa...

Con trai Tướng Lê Đức Anh, ông Lê Mạnh Hà nói: "Trong thời gian ông (Lê Đức Anh) làm Bộ trưởng Quốc phòng, ngoài những việc về vấn đề chiến lược quốc phòng, hay bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, mà tôi không dám lạm bàn, có một việc ông làm mà tôi nghĩ được nhiều quân nhân đánh giá cao, nếu không nói là biết ơn. Đó là việc chia đất cho sĩ quan quân đội, những người hầu như không có gì cả sau khi các cuộc chiến kết thúc. Cuộc sống của họ rõ ràng có sự thay đổi, bởi như các cụ vẫn nói an cư lạc nghiệp" (theo Vietnamnet).

Những người được cấp đất có thể sẽ dễ dàng đồng ý với ông Lê Mạnh Hà. Nhưng, trong số hơn 1,6 triệu quân lúc đó, chỉ có hơn 50.000 sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp được cấp đất, họ là những người may mắn công tác trong những đơn vị đóng quân tại các thành phố lớn. Nhiều tướng lĩnh đã có biệt thự ở cư xá Bắc Hải, cư xá Lam Sơn... vẫn được cấp đất trên đường Sư Vạn Hạnh, trên đường 3-2 hay đường Cộng Hòa. Trong khi, nhiều sĩ quan khác, có người là tướng, là sĩ quan cao cấp, trở về quê chỉ nhận được một ít lương, trợ cấp.

Đặc biệt, hàng trăm nghìn người lính, nhất là những người đang bám trụ ở biên giới, hải đảo, đã không may mắn



được hưởng đặc ân đất đai, nhà cửa. Không chỉ tạo ra sự không công bằng trong quân đội, việc cấp đất ồ ạt cho sỹ quan xây nhà trên những khu đất không được đầu tư cơ sở hạ tầng đã tạo ra nhiều vấn nạn về đô thị và xã hội. Phần lớn các khu nhà này đều được xây lên mà không có đường sá, cầu cống, đặc biệt là không có điện nước. Các gia đình tự khoan giếng và câu điện. Nhiều nơi, mỗi khi mưa xuống là cả khu ngập ngụa, lầy lội.

Ông Lê Văn Năm, khi ấy là Viện trưởng Viện Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh, nói: "Thành phố biết trước những khu đất này sẽ được chuyển giao cho mục tiêu dân sự nên muốn chủ động quy hoạch để phát triển đồng bộ. Nhưng, những năm 1987, 1988, mỗi lần vào khu vực Tân Sơn Nhất hay Hoàng Hoa Thám, chúng tôi đều phải xin phép trước. Chủ tịch Thành phố Phan Văn Khải dặn: Giữ thân, Lê Văn Năm ơi. Tôi đến Quân khu 7 xin cho làm quy hoạch, làm không công, tôi nói: Làm xong sẽ trình các anh trước. Nhưng chỉ khi chia đất, xây nhà xong, quân đội mới giao cho Thành phố. Chúng tôi lại phải điều chỉnh quy hoạch, khép mỗi các tuyến đường vừa mở".

Năm 1989, Chính phủ lập Đoàn Thanh tra 186. Mặc dù chỉ ra nhiều điều bất cập về quy hoạch phát triển và không ít tiêu cực trong quá trình phân phối đất, Đoàn Thanh tra chỉ đóng vai trò hợp thức hóa quyền cấp đất cho Bộ Quốc phòng. Ngày 24-5-1990, Bộ Quốc phòng và Tổng cục Địa chính ban hành một thông tư liên bộ, thừa nhận quyền cấp đất của các quân chủng, quân khu với yêu cầu quân nhân được cấp đất trước khi xây nhà phải liên hệ với chính quyền sở tại.

Nhưng, các khu nhà ở vẫn mọc lên theo cách tự phát vì bản thân chính quyền các địa phương cũng không hài lòng khi quyền chia đất không nằm trong tay mình. Không phải sỹ quan nào được cấp đất cũng có tiền mua nhà, một số xe đất ra bán một phần, hoặc bán hết rồi về quê.

Không chỉ tạo ra sự bất bình đẳng giữa những người được cấp đất và những người không được cấp, hệ lụy do sự cát cứ đất đai của các cơ quan không chỉ quân đội khiến cho tài nguyên quốc gia quan trọng này đã không được huy động theo cách đúng đắn nhất cho quá trình xây dựng đô thị. Sau năm 1975, đất đai, nhà cửa ở miền Nam cũng được coi như một loại chiến lợi phẩm. Từng ngành tiếp quản các cơ sở mà Việt Nam Cộng hòa đã sử dụng cho các chức năng tương ứng. Ví dụ: Bộ Công nghiệp vào tiếp quản các nhà máy; Bộ Giáo dục tiếp quản trường học; Bộ Y tế vào nắm các bệnh viện... Vì Sài Gòn là thủ đô của một bộ máy chiến tranh, Bộ Quốc phòng tiếp quản nhiều đất đai, nhà cửa nhất, với tổng diện tích lên tới 1.600 hecta.

Đất đai do các đơn vị quân đội tiếp quản trở thành các lãnh địa mà địa phương bất khả sử dụng. Theo ông Vũ Quốc Tuấn, trợ lý của ông Kiệt, đây cũng là một trong những vấn đề khiến cho Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt thường có những bất đồng. Đất đai, nhà xưởng mà quân đội nắm giữ rộng mênh mông. Ở Đà Nẵng, có lần địa phương dẫn ông Kiệt đi xem cả một dọc dài những vùng đất có thể phát triển hạ tầng cho các khu kinh tế nhưng Đà Nẵng không thể làm gì vì nó đang nằm trong tay quân đội. Ở Sài Gòn, quân đội nắm phần lớn những vị trí có vai trò yết hầu.

Theo ông Lê Văn Năm, khi Thành phố trình phương án Quy hoạch Tổng mặt bằng, dự kiến bắc bốn cây cầu qua sông Sài Gòn ở hướng Thủ Thiêm, ông Lê Đức Anh nói: “Tại sao các cậu đòi nhiều cầu thế, trước nay Sài Gòn chỉ có một cầu cũng đủ kia mà”. Theo quy định, Bộ Chính trị trực tiếp xem xét và quyết định quy hoạch của những thành phố như Hà Nội, Sài Gòn. Thay vì dự báo mức tăng trưởng để phát triển hạ tầng tương ứng, các nhà quy hoạch phải “vẽ” một thành phố chỉ với quy mô dân số mà Bộ Chính trị phê duyệt. Theo ông Lê Văn Năm: “Năm 1993, Bộ Chính trị yêu cầu khống chế quy hoạch Thành phố ở quy mô 5 triệu dân. Khi đó, chúng tôi đã thấy là không thể nào đáp ứng yêu cầu. Năm 1998, Bộ Chính trị phải đồng ý điều chỉnh quy mô dân số Thành phố lên 10 triệu”<sup>438</sup>.

Khi trở lại Sài Gòn làm Chủ tịch, ông Võ Viết Thanh có ý định di chuyển xưởng Ba Son và Tân Cảng về Thủ Thiêm, ông nói: “Tôi và anh Mai Xuân Vĩnh, Tư lệnh Hải quân nhất trí với nhau, trước sau cũng phải dời, thấy trước, chủ động thì đỡ tốn kém”. Một trong những cây cầu mà Thành phố định làm, được bắc từ đường Tôn Đức Thắng, thẳng theo con đường này tính từ hướng Đinh Tiên Hoàng chạy xuống bờ sông, trước khi nó uốn cong về phía cột cờ Thủ Ngữ. Chủ tịch Võ Viết Thanh nói: “Tôi trình bày riêng với Thủ tướng Võ Văn Kiệt, ông nhất trí. Nhưng, theo lời khuyên của ông Kiệt, tôi mời Bộ trưởng Quốc phòng Đoàn Khuê vào, dẹp hết các ấn tượng cá nhân về con người này, tôi đích thân cùng ông đi ca - nô dọc sông Sài Gòn để xem kế hoạch di dời Tân Cảng, Ba Son trong điều kiện xây cầu Thủ Thiêm. Ông Đoàn

Khuê không kết luận gì, nhưng sau chuyến đi ấy, thấy anh Mai Xuân Vĩnh cho Thành phố mượn trước 30 tỷ để giải phóng mặt bằng”.

Nhưng khi phương án được trình lên, theo ông Võ Viết Thanh: “Tại cuộc họp Bộ Chính trị, khi ông Đỗ Mười chưa kịp nói gì, ông Đoàn Khuê đã phản ứng gay gắt. Đoàn Khuê nói rằng, xây cầu, nếu có chiến tranh thì làm sao bảo vệ. Tôi nói thẳng, vấn đề là làm sao đừng để chiến tranh xảy ra, chứ khi đã có chiến tranh thì không chỉ cầu mà đường hầm cũng không bảo vệ được. Tôi không nghĩ là tất cả Bộ Chính trị đều không nhận ra tư duy quân sự ấu trĩ ấy của Đoàn Khuê”. Theo ông Trần Xuân Giá: “Ông Lê Đức Anh cũng cho rằng, dứt khoát không được làm cầu nổi vì Ba Son cần giữ bí mật”.

Khi làm đại lộ Đông - Tây, lẽ ra nếu làm cầu thì chỉ hết chưa tới 100 triệu đôla, nhưng Thành phố cũng đã bị buộc phải làm đường hầm qua Thủ Thiêm với kinh phí cao hơn gần gấp ba lần. Ông Võ Văn Kiệt nói: “Thôi, Bảy Thanh, hãy để cho 4 triệu dân Thành phố đánh giá”. Nhưng, sẽ không có một thiết chế chính trị nào để bốn triệu dân Thành phố đánh giá những quyết định của các nhà chính trị. Bản chất vấn đề, theo ông Lê Văn Nam: “Ông Kiệt nói ngắn gọn: Tội mình thua nhà binh”.

Theo Bộ trưởng Trần Xuân Giá, nhiều lần, ông Võ Văn Kiệt “tức như bò đá” vì có những dự án đầu tư đã xong đâu vào đấy nhưng không thể nào thực hiện vì Bộ Tổng Tham mưu trả lời không. Theo nguyên tắc, tất cả các dự án đầu tư nước ngoài đều phải có văn bản hỏi ý kiến Bộ Tổng Tham mưu về vị trí. Bộ Tổng Tham mưu sẽ căn cứ vào bản đồ “Bố

phòng Quốc gia” để trả lời được hay không mà không cần giải thích.

Theo ông Giá, quốc gia nào cũng có một bản đồ bố phòng, nhưng vấn đề là những người lãnh đạo Bộ Quốc phòng đã sử dụng tư duy quân sự của thập niên 1960 để điều chỉnh những bước đi của thập niên 1990, 2000. Có lần ông Kiệt phải kêu lên: “Tôi là Thủ tướng, là Ủy viên Bộ Chính trị mà cũng không được xem bản đồ bố phòng”. Theo ông Giá, đấu tranh mãi cuối cùng ông Kiệt mới yêu cầu Bộ Chính trị tổ chức một cuộc họp, đưa bản đồ bố phòng quốc gia ra, thống nhất chỗ nào dứt khoát người nước ngoài không được đầu tư, chỗ nào có thể xem xét.

Tuy nhiên, ông Kiệt cũng không dễ dàng thẳng “tư duy nhà binh”. Theo ông Giá: “Khi xem xét những vấn đề cụ thể như khu đô thị Nomura, ông Lê Đức Anh cũng phản đối. Lê Đức Anh nói: Chúng ta để cho người nước ngoài đứng ở những đầu cầu vững chắc để tấn công Hà Nội. Có lẽ ông ấy nghĩ, Nomura được đầu tư bởi người nước ngoài thì cũng có thể thành một căn cứ quân sự của nước ngoài”.

### **Hóa giá nhà**

Ở Sài Gòn và các tỉnh phía Nam, sau ngày 30-4-1975, Chính quyền tiếp quản hàng trăm nghìn căn nhà, phần từ quỹ nhà công của Việt Nam Cộng hòa, phần nhà tư của những người di tản trước ngày 30-4-1975 hoặc tịch thu của những người ở lại<sup>439</sup>.

Hơn 70.000 căn nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có hàng ngàn căn biệt thự, được phân phối cho cán bộ, công nhân viên, dưới danh nghĩa là “thuê”. Nói là thuê, nhưng

những cán bộ ở trong đó đã coi việc thuê nhà như một động thái chiếm hữu. Theo chính sách bao cấp, tiền thuê những căn nhà, kể cả những căn biệt thự đó, được tính không quá 5% tiền lương của người thuê. Nhà nước chỉ thu được một khoản tiền rất tượng trưng: một ngôi biệt thự chỉ từ 10 đến 20 nghìn đồng/tháng; một căn hộ cấp II, 5000 đồng/tháng; một căn hộ trong chung cư có từ 2 -3 phòng, giá chỉ từ 2000 đến 4000 đồng/tháng. Chính sách bao cấp đưa cả căn biệt thự rộng 400 - 500m<sup>2</sup> cho một hộ 3-4 nhân khẩu, trong khi hàng triệu người vẫn không có nhà.

Vì là chủ sở hữu nên Nhà nước vẫn có trách nhiệm phải sửa chữa những căn nhà này khi có yêu cầu. Chính quyền Thành phố tính rằng, phải thu 100 năm tiền thuê nhà mới bằng khoản tiền mà Nhà nước phải bỏ ra để sửa chữa trong hơn 10 năm đó. Trong thời gian bao cấp, ít ai để ý, nhưng khi nền kinh tế chuyển dần sang thị trường, các nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu vào, nhu cầu thuê nhà xuất hiện thì sự bất hợp lý này càng bộc lộ. Giá biệt thự cho người nước ngoài thuê ở thời điểm đầu thập niên 1990, trung bình từ 1000-3000 USD/tháng/căn, có khi lên tới 6.000 USD, chủ nhà lại thường được trả trước một năm tiền nhà với một khoản tiền đủ để đi mua nhà mới. Thành phố điều chỉnh bằng quy định, "điều tiết" một phần tiền từ những người này với mức tối đa 25.000 đồng/m<sup>2</sup>, trong khi họ có thể cho thuê lại với giá 10-15 USD/m<sup>2</sup>.

Chính sách bao cấp đã làm cho diện tích bình quân về nhà ở ở Sài Gòn giảm từ 8m<sup>2</sup>/người năm 1945 xuống còn 5,1m<sup>2</sup>/người năm 1989. Với tốc độ tăng dân số bình quân mỗi năm là 100.000 người, để giữ được diện tích tối thiểu

của năm 1990: 5m<sup>2</sup>/người, mỗi năm Thành phố phải xây mới 500.000m<sup>2</sup> nhà ở. Trong khi, theo thống kê của Sở Nhà đất, 15 năm "sau ngày giải phóng", Thành phố chỉ xây được từ 150.000 đến 175.000 m<sup>2</sup> nhà ở/năm.

Ở thời điểm năm 1990, Thành phố có 43.000 căn nhà lụp xụp, rách nát, trong đó có 17.000 căn hộ sống trên kênh rạch ô nhiễm nặng cần phải cải thiện hoặc giải tỏa. 15 năm sau ngày "giải phóng", trong số 185 hộ ở Cầu Ván, một vùng nghèo ở vùng ven, chỉ có một hộ thay được mái lá bằng mái tôn, loại tôn cũ gỡ lại. Ở phường 12, quận Bình Thạnh, năm 1990, có 1.200 người sống trong 300 căn hộ dựng tạm trên nghĩa địa, không nước, không điện. Toàn Thành phố còn hơn 10.000 người sống lang thang dọc các vỉa hè hoặc gầm cầu.

Từ cuối năm 1989, Thành phố chủ trương tìm nguồn vốn bằng cách bán những căn nhà đang cho thuê này cho những người đang thuê những căn nhà đó, chủ yếu họ là cán bộ, công nhân, với giá nhà nước, thấp hơn nhiều so với giá thị trường, gọi là hóa giá nhà.

Theo ông Nguyễn Vĩnh Nghiệp, khi ấy là Chủ tịch Thành phố: "Đoàn của Hội đồng Bộ trưởng đã đồng ý cho phép Thành phố làm và khuyến khích khẩn trương làm. Ngày 9-2-1990, Ủy ban Nhân dân Thành phố ra thông báo về chỉ đạo này của Hội đồng Bộ trưởng để các nơi tích cực chuẩn bị tổ chức thực hiện". Từ đó cho tới tháng 7-1991, theo Báo cáo của giám đốc Sở Nhà đất: đã có 12.000 đơn xin hóa giá nhà cấp III, IV; các ban chỉ đạo hóa giá nhà đã hoàn tất 3.349 hồ sơ, trong đó đã thu tiền bán 1.761 căn nhà; trong

số này, có 87 căn nhà theo diện chính sách được cấp không.

Sau Đại hội Đảng lần thứ VII, tháng 6-1991, ông Đỗ Mười trở thành tổng bí thư, ông Võ Văn Kiệt, tuy chưa chính thức được Quốc hội bỏ phiếu bầu, nhưng theo sự phân công của Đảng đã trở thành người thay thế ông Đỗ Mười đứng đầu Chính phủ. Theo ông Nguyễn Vĩnh Nghiệp, Thành phố cử ba cán bộ phụ trách lĩnh vực - ông Nguyễn Văn Huấn, ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, phó chủ tịch Ủy ban Phụ trách nhà đất; Ông Lê Văn Năm, ủy viên Ủy ban; Ông Lê Thanh Hải, giám đốc Sở Nhà đất - ra Hà Nội xin ý kiến Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và Bộ Xây dựng cho hóa giá nhà cấp I, II và biệt thự". Đây là những cán bộ đã từng có mối quan hệ gần gũi với ông Võ Văn Kiệt và sau khi tiếp xúc, cả chính thức và tại nhà riêng, Đoàn về báo cáo với Thường vụ Thành ủy, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và Bộ Xây dựng đồng ý cho thành phố làm.

Sáng 12-7-1991, trong một cuộc họp có báo chí tham dự, Chủ tịch Nguyễn Vĩnh Nghiệp chỉ thị phải tăng nhanh tiến độ hóa giá nhà để đến cuối tháng 9-1991 phải hóa giá xong nhà cấp III, IV. Ngày 30-7-1991, Thành phố ra Quyết định "hóa giá nhà cấp I, II và biệt thự".

Hàng trăm căn biệt thự đã được bán ra với giá vô cùng rẻ mạt. Thế nhưng, để có tiền mua hóa giá, nhiều người đã phải "bán lúa non" cho người khác với giá cao hơn hàng chục lần so với giá thực trả cho Nhà nước. Thanh tra phát hiện ra bốn trường hợp bán lại, trong đó có những trường hợp đã kịp bán lại hai lần trong những tuần đầu. Một trong những người bán lại sớm nhất nhà hóa giá là Đại tá Lê Hãn,



con trai trưởng Tổng Bí thư Lê Duẩn.

Khi được điều vào Quân khu VII, ông Hãn được cấp một căn biệt thự có khuôn viên rộng trên đường Nguyễn Thông, giữa trung tâm quận Ba. Ngay sau khi “hóa giá”, ông Lê Hãn đã bán lại căn nhà này với khoản chênh lệch giá lên tới 1,6 tỷ, một khoản tiền khổng lồ lúc đó. Ông Lê Thanh Hải nói: “Tôi biết là có chuyện liền gửi thư cho Lê Hãn nói đừng làm thế, nhưng Lê Hãn không nghe”.

Khi cho cán bộ công nhân viên thuê nhà, thực chất là Nhà nước đã trả lương cho những cán bộ, công nhân đó một khoản tiền lương bằng hiện vật. Nhưng, có tới 70% cán bộ, công nhân viên và lực lượng vũ trang trên cả nước không được cấp nhà, nghĩa là không được hưởng phần lương bằng hiện vật này. Trong số 30% được cấp nhà ấy, phần lớn sống tại các thành phố phía Nam, đặc biệt là Sài Gòn.

Trừ một số vị công thần của Đảng, đa số cán bộ ở Hà Nội, đầu thập niên 1990 chỉ được sống trong những căn hộ chật hẹp, hoặc có khi, hàng chục hộ chia nhau một căn biệt thự. Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Đình Lộc và Chủ tịch thành phố Hà Nội Hoàng Văn Nghiên khi nhận chức đều đang sống trong những căn hộ chỉ có 24m<sup>2</sup>. Trong khi, chỉ cần cán bộ cấp sở ở Sài Gòn cũng đã có thể được cấp những căn biệt thự có khuôn viên rộng hàng trăm mét. Con số chênh lệch giá lên tới hàng trăm lượng vàng sau khi được hóa giá nhà trở thành những thông tin làm rúng động cả nước. Ông Nguyễn Văn Huấn nói: “Bà Ngô Bá Thành cho rằng Thành phố tham nhũng tập thể. Nhiều ý kiến nói Thành phố chia chiến lợi phẩm, cướp công trạng của cả dân tộc, chia chác xương máu của cả nước”.

Ngày 13-9-1991, Hội đồng Bộ trưởng có công điện yêu cầu Thành phố đình hoãn việc hóa giá nhà. Nhưng, như đã đàm lao, Thành phố không thể dừng lại ngay vì sức ép của chính các cán bộ đang ở trong những căn nhà mà nếu được hóa giá ngay lập tức họ trở thành triệu phú. Nếu như, trong khoảng từ 30-7 đến 13-9-1991, Thành phố chỉ hóa giá được 465 căn nhà cấp I, II và biệt thự, thì chỉ bảy ngày sau khi có lệnh ngưng của Hội đồng Bộ trưởng, từ ngày 13 đến 19-9-1991, số nhà được hóa giá lên tới 991 căn.

Bộ Chính trị triệu tập lãnh đạo Thành phố, Bí thư Võ Trần Chí, Phó Chủ tịch Trương Tấn Sang và Giám đốc Sở Nhà đất Lê Thanh Hải, ra Hà Nội. Những người ở hậu trường biết rõ, mũi tên hóa giá nhà chủ yếu nhắm thẳng vào ông Võ Văn Kiệt. Ông Võ Văn Kiệt lúc đó buộc phải nói rằng những người gặp ông hồi đầu tháng 7-1991 đã hiểu sai câu nói của ông, Hội đồng Bộ trưởng chưa có chủ trương cho hóa giá nhà cấp I, II và biệt thự.

Trước áp lực chất vấn của Quốc hội (ngày 20-12-1991), Bộ trưởng Xây dựng Ngô Xuân Lộc nói: "Việc hóa giá nhà cấp III, IV là hợp lệ vì Hội đồng Bộ trưởng đã cho phép. Tuy nhiên, hóa giá nhà cấp I, II và biệt thự thì Hội đồng Bộ trưởng chưa có chủ trương. Việc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký quyết định cho hóa giá là vượt thẩm quyền". Ông Lộc còn cho rằng: "Chúng ta đang điều hành Nhà nước theo pháp luật nhưng đây là một việc làm sai pháp luật, gây thất thoát lớn tài sản của Nhà nước. Hội đồng Bộ trưởng tiếp tục yêu cầu hoãn hóa giá nhà cấp I, II; những người đã mua, đã có chủ quyền, tạm thời không được

bán; khẩn trương xác định danh sách khu vực nhà không được bán để thu lại những nhà đã hóa giá”.

Bộ trưởng Ngô Xuân Lộc vừa trả lời xong thì đại biểu Dương Xuân An công bố trước Quốc hội văn bản số 96, ký ngày 2-12-1991 của Thành phố nói rằng “việc hóa giá nhà, Thành phố chỉ làm sau khi có thỉnh thị ý kiến của Hội đồng Bộ trưởng và Bộ trưởng Bộ Xây dựng”. Gần hai mươi đại biểu có ý kiến ngay sau đó, nhiều người đòi “đặt vấn đề hóa giá nhà của Thành phố trong bối cảnh chống tham nhũng” để xử lý, nhất là với những cán bộ đương chức được hóa giá nhà với giá rẻ có thể bán lại thu lợi hàng trăm lượng vàng. Chánh án Phạm Hưng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Nguyễn Tài, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Ngô Bá Thành, đòi “vụ việc phải được xử lý trước pháp luật”<sup>440</sup>.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt phải xuất hiện, ông nói: “Tôi tán thành với ý kiến của các đại biểu và đề nghị Quốc hội lập một đoàn thanh tra, nếu phát hiện sai phạm pháp luật thì xử lý theo pháp luật”. Các đại biểu Quốc hội cho rằng lập đoàn thanh tra là cần thiết để xử lý các sai phạm, để thu hồi tài sản thất thoát và đòi Quốc hội phải ra một nghị quyết bày tỏ thái độ<sup>441</sup>.

Lúc ấy, nhiệm kỳ của “tam nhân” chỉ mới bắt đầu, sức ép đã đủ để ông Võ Văn Kiệt có những bước lùi. Về mặt công khai, Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo cho trì hoãn việc Quốc hội ra nghị quyết bằng cách hứa là Hội đồng Nhà nước sẽ ra quyết định. Ông Võ Văn Kiệt vượt qua được sóng gió nhưng đã phải chịu những tổn thất lớn trong tình cảm với những người bạn ở Sài Gòn<sup>442</sup>.

## **Đường dây 500**

Không còn như thời kỳ “nhà nước đảng”. Bắt đầu từ thập niên 1990, Chính phủ trực tiếp ban hành và trở thành trung tâm điều hành các chủ trương, chính sách lớn. Một trong những chủ trương lớn của thời kỳ đó là cho xây dựng đường dây tải điện siêu cao áp từ Nhà máy thủy điện Hòa Bình vào miền Nam, về sau gọi là Đường dây 500 kV<sup>443</sup>.

Cuối năm 1991, miền Nam thiếu điện nghiêm trọng, trong khi, Nhà máy thủy điện Hòa Bình, dự kiến vào năm 1995, sẽ sản xuất ra một lượng điện mà miền Bắc không có khả năng khai thác hết. Bộ Năng lượng tuy đưa ra hai phương án: bán sang Trung Quốc hoặc làm đường dây siêu cao áp để tải vô Nam. Nhưng Bộ trưởng Vũ Ngọc Hải vẫn nói trong Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng: “Chúng tôi khảo sát, nếu bán sang Trung Quốc thì giá không đến nỗi nào nhưng do phải xây dựng một đường dây 220 kV để tải điện sang nên tính ra không còn dư bao nhiêu. Nếu chuyển điện vào miền Nam thì phải xây một đường dây siêu cao áp”.

Việt Nam khi ấy vừa bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, phương án bán điện cho họ cũng được một số người tán thành. Nhưng, theo ông Kiệt: “Nam Bộ thiếu điện trầm trọng, các nhà đầu tư vào, câu đầu tiên là hỏi về điện. Vấn đề không chỉ là Trung Quốc, trong đầu tôi không có chuyện bán điện. Cũng may là khi bàn chuyện bán điện, có người phản ứng, miền Bắc thiếu gạo thì miền Nam đưa ra, bây giờ miền Nam thiếu điện, không lẽ miền Bắc đưa bán sang Trung Quốc”. Theo ông Vũ Ngọc Hải: “Ông Kiệt nói: Tôi còn làm Thủ tướng thì không bán điện đi đâu cả”. Ông Kiệt

quyết định sớm làm đường dây siêu cao áp để đưa điện vào Nam. Chủ trương này được Tổng Bí thư Đỗ Mười đồng tình.

Về mặt thủ tục, ông Võ Văn Kiệt thừa nhận, quá trình hình thành chủ trương xây dựng đường dây 500 kV cũng có những thiếu sót. Ông Kiệt nói: "Tôi và ông Đỗ Mười trao đổi, hai bên thống nhất lắm. Hai, ba lần họp Bộ Chính trị, ông Mười nhắc: Anh Kiệt nên làm gấp đường dây 500. Nhưng, ông Mười không bao giờ cho bàn chính thức để đi đến một quyết nghị của Bộ Chính trị. Thế rồi, khi anh Nguyễn Văn Linh hỏi anh Đỗ Mười: Chủ trương đâu, thì té ra, trong Bộ Chính trị cũng có nhiều người không đồng tình, tỏ ra bực bội, nói ông Kiệt tự ý làm. Anh Mười im lặng. Ông Linh dựa vào đó nạt mình".

Trước Tết năm 1992, nghĩa là ở thời điểm mà chủ trương đã hình thành, Giáo sư Nguyễn Khắc Nhẫn, một Việt kiều ở Pháp, nêu ra ba nghi vấn về đường dây 500 kV: Đường dây dài gần 1.500 km, tạo ra chênh lệch 1/4 bước sóng cho nên không thể tải điện đi miền Nam; Chưa có luận chứng mà đặt mục tiêu thi công trong hai năm là không tưởng; Giá thành sẽ rất cao, về mặt hiệu quả kinh tế là không có. Nhà báo Minh Thu kể: "Tôi đến gặp ông không lâu sau khi có thư của ông Nhẫn. Ông đưa lá thư cho tôi coi rồi nói: Chú đã cho thư ký photo gửi hết cho anh em. Tôi kêu lên: Trời ơi, sao chú làm thế? Ông cười: Không có ai chỉ ra những điểm yếu của mình đầy đủ như những người phản đối mình. Ở đây có những cảnh báo mà anh em chưa đặt ra hết".

Ông Vũ Ngọc Hải thừa nhận: "Dù tin anh em, ông Kiệt vẫn bị ám ảnh bởi ý kiến của Giáo sư Nhẫn". Ông Kiệt triệu tập khẩn cấp ông Vũ Ngọc Hải. Ông Hải nói: "Tôi thức trắng

một đêm, xem tài liệu và tự mình tính toán. Việc xử lý chênh lệch 1/4 bước sóng bằng năm trạm bù đã được các chuyên gia nước ngoài thẩm định. Tôi quyết định ký và đảm bảo với Thủ tướng: Anh an tâm, tôi lo nhất là vấn đề an ninh chứ không phải là an toàn. Anh đảm bảo vấn đề an ninh, vấn đề kỹ thuật, tôi đảm bảo. Ông Kiệt quyết định và nói: Cứ làm, nếu thất bại thì không đợi cách chức, tôi sẽ chủ động từ chức”.

Nhưng lá thư của ông Nhẫn đã được những người phản đối công trình khai thác. Theo ông Vũ Ngọc Hải, ông Nguyễn Văn Linh vốn ủng hộ phương án bán điện, lấy tiền xây nhà máy nhiệt điện ở miền Nam, nhưng trước đó, chưa có đủ lập luận để phản bác. Sau khi có được lá thư của ông Nhẫn, từ miền Nam, bà Ngô Bá Thành, người được ông Nguyễn Văn Linh đưa lên chức Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc hội, nói gần nói xa: Làm đường dây 500 là tự sát. Ông Đỗ Mười lúng túng.

Trụ điện đầu tiên của công trình đường dây 500 kV được khởi công vào ngày 1-3-1992. Ông Võ Văn Kiệt đã “đổ thêm dầu vào lửa” khi, ngày 24-3-1992, ngày Quốc hội khóa VIII khai mạc kỳ họp cuối cùng, ông bay lên Hòa Bình dự lễ khởi công công trình xây dựng cột điện ở nơi khởi nguồn của đường dây. Ông Nguyễn Hà Phan nói: “Bữa ông đi khởi công, tôi khuyên: Anh đợi tới chiều hẵng đi, dự khai mạc Quốc hội đã. Nhưng ông vẫn đi. Bà Nguyễn Thị Bình, Phó Chủ tịch nước nói: Ông này bất kể thiên địa. Một ông rất to trong Quốc hội lo: Gió bão nó đổ một cây cột thì ai chịu? Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo nói với tôi: Sáu Phan à,

làm cái này coi bộ vương”.

Trong khi đó, Hà Nội nhận được những tín hiệu mà Cố vấn Nguyễn Văn Linh phát ra từ Sài Gòn. Khi không chính thức đưa công trình đường dây 500 ra bàn ở Bộ Chính trị, ông Đỗ Mười cũng có những tính toán. Năm 1989, hai lần ông Đỗ Mười cho thảo một nghị quyết để Bộ Chính trị hoặc Ban Chấp hành Trung ương thông qua, hợp thức hóa chủ trương chống lạm phát bằng “lãi suất cơ sở” của ông, nhưng cho dù ủng hộ, ông Nguyễn Văn Linh lờ đi. Chỉ khi làm thí điểm ở Hải Phòng có kết quả, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI mới đưa vấn đề chống lạm phát vào Nghị quyết.

Không phải ông Võ Văn Kiệt không biết tình huống chính trị này, nhưng khi không hối thúc ông Đỗ Mười chính thức có chủ trương, ông Kiệt cũng có những cân nhắc. Ông Kiệt không muốn tạo tiền lệ Chính phủ làm gì cũng phải được bàn trước trong Bộ Chính trị và phải xin ý kiến Quốc hội<sup>444</sup>. Việc ông Kiệt phát lệnh khởi công một công trình lớn ba tuần trước khi Quốc hội khóa VIII họp kỳ cuối cùng đã làm méch lòng rất nhiều đại biểu.

Ngày 13-4-1992, trong phiên họp toàn thể của Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Giáo sư Vũ Đình Cự nói: “Ủy ban chúng tôi đã phải làm một việc rất khó khăn vì phải phát biểu ý kiến về một công trình quan trọng, nhân dân cả nước quan tâm, đã có quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và lại vừa được cử hành lễ khởi công rất trọng thể ở nhiều nơi trong nước”<sup>445</sup>.

Ông Vũ Đình Cự nói tiếp: “Ngày 3-2-1992, Bộ Năng lượng mới trình hồ sơ luận chứng kinh tế kỹ thuật, ngày 17-2-1992, Hội đồng Thẩm tra Nhà nước chỉ làm việc trong một

ngày, vậy mà đến ngày 19-2-1992 đã trình lên Hội đồng Bộ trưởng để phê duyệt. Từ đó dẫn đến một số khiếm khuyết. Nhiều vấn đề khoa học kỹ thuật và công nghệ chưa được nghiên cứu một cách thấu đáo... Chúng tôi xin nói thêm là khi đề nghị các chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật điện cho biết là đã có những nước nào làm đường dây 500 kV dài trên 1000 cây số, thì các đồng chí không nắm vững; có một đồng chí cho biết đường dây của chúng ta là đường dây thứ ba. Trên thế giới mới có hai đường dây trên dài trên 1000 cây số và điện áp là siêu cao áp. Sau khi xây dựng chỉ có đường dây của Pakistan, dài 1200 cây số là dùng được, còn đường dây kia, dài 1700 cây số thì không dùng được". Đặc biệt, theo ông Vũ Đình Cự: "Chưa có cơ sở về khả năng thi công hoàn thành đúng thời gian trong hai năm khi mà nguồn vốn chưa được xác định vững chắc, vật tư chủ yếu đều phải nhập ngoại".

Một thành viên của Hội đồng Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước Đặng Hữu, cũng dấy lên không ít hoài nghi khi ông nói trước Quốc hội: "Chủ trương đặt ra là cần thiết nhưng, có nhiều vấn đề khoa học chúng ta chưa kịp nghiên cứu. Anh em cũng hơi băn khoăn lo lắng... Cái phần 1/4 bước sóng, tôi đồng ý như anh Nguyễn Đình Tứ đã nói. Thực ra, về lý thuyết anh em hiểu hết và trên thực tế các nước đã làm rất nhiều ở Liên Xô và Mỹ. Nhưng vấn đề lại là chúng ta chưa có đội ngũ chuyên gia để làm những công việc đó. Lo là lo chỗ đấy!... Nếu như làm một cái trụ thôi thì có lớn hơn chúng ta cũng có thể làm được. Nhưng mà đây là làm một dãy dài hơn 3.000 cái trụ trong một thời gian ngắn. Mặt thứ hai, nếu dựa vào nước ngoài một nửa thì hôm trước anh Hiệu có đề xuất với anh Sáu (Võ Văn Kiệt), anh Sáu cũng đồng ý có thể mời chuyên gia Liên Xô cùng



tham gia vào đây”.

Nhưng hai tiếng “chuyên gia Liên Xô” được nói lên ở thời điểm này lại dấy lên những quan ngại khác. Bí thư Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện kiểm sát Tối cao Trần Quyết nói: “Liên Xô trước đây thì chúng ta rất an tâm bởi vì là nước xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản cầm quyền, bây giờ Đảng Cộng sản mất rồi, chính quyền Xô viết mất rồi. Những chuyên gia mà lại là đảng viên cộng sản thì còn được dùng không? Có được gửi sang Việt Nam không? Hay người ta gửi những thứ ba vạ sang đây, mang tiếng chuyên gia Liên Xô. Cái ông Yeltsin ấy, Quốc hội chẳng lạ lòng với những gì họ làm ở nước Nga. Họ phá tan Đảng Cộng sản, phá tan Liên bang Xô viết. Vậy thì đối với Việt Nam thì như thế nào”.

Tháng 8-1992, tại Hội nghị Cán bộ tổ chức toàn quốc, họp tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Văn Linh, bấy giờ đang là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương đến dự đã nói: “Làm đường dây 500 kV là một chủ trương phiêu lưu, mạo hiểm. Là lợi dụng tiền Nhà nước để gây thanh danh cá nhân”. Đặc biệt tại đây, ông Linh đã dấy lên những lo ngại về vấn đề tham nhũng.

Nữ nhà báo Minh Thu nhớ lại: Đầu thập niên 1980, khi lên Trị An làm phóng sự, bà chứng kiến một nhóm cán bộ đứng trong rừng trước một tấm bản đồ. Chính giữa họ là một người đàn ông trạc 60 tuổi, phong trần, mặc áo may ô, đang nói rất say sưa: “Tôi nói với mấy anh rằng, xây dựng một công trình như thế này mà tham ô, ăn cắp, thì cũng như ăn đồ dơ”. Ông chấm dứt câu nói bằng một cú chém tay rất mạnh ngang trong không khí. Minh Thu, một phóng viên mới vào nghề, sau đó mới biết đó là Bí thư Thành ủy Võ Văn

Kiệt.

Hơn mười năm sau khi bắt đầu đường dây 500 kV, ông Kiệt cũng căn dặn “các tướng” của mình là “không được tắt mắt”. Ngày 24-3-1992, khi ông Kiệt lên xã Mạc Đức, Hòa Bình làm lễ khởi công trụ điện số Một, một công nhân đã bỏ vào túi ông Vũ Quốc Tuấn, thư ký ông Kiệt, một lá thư tố cáo vụ mất cắp năm tấn xi măng ở công trường. Ông Vũ Ngọc Hải nói: “Ông Tuấn báo với ông Kiệt, ông Kiệt đọc và nói với tôi: Phải xử lý ngay để làm gương”. Vừa bắt đầu ra quân đã phải trầm tư: Giám đốc Công ty xây lắp Điện I bị cách chức.

Về sau, chính tác giả của đường dây 500, Bộ trưởng Bộ Năng lượng Vũ Ngọc Hải cũng phạm phải một sai lầm chết người. Ban Quản lý công trình do ông Hải đứng đầu có thẩm quyền nhập thẳng thiết bị, vật tư từ nước ngoài. Nhưng, ông Hải đã đồng ý cho một “công ty đời sống” của Hội hữu nghị Việt Nam - Ba Lan mà ông làm Chủ tịch, đấu thầu đứng ra nhập 4.000 tấn thép, giúp công ty này hưởng một khoản lời khá lớn. Công trình đường dây 500 lúc ấy có hàng chục nghìn công nhân nhưng đồng thời cũng có hàng triệu con mắt để ý đến từng chi tiết. Áp lực chính trị đè nặng lên ông Võ Văn Kiệt khi có nhiều ý kiến yêu cầu bỏ tù ông Hải.

Ông Vũ Ngọc Hải lúc bấy giờ đang là một ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, theo nguyên tắc Đảng, việc khởi tố ông chỉ có thể tiến hành sau khi Trung ương họp quyết định hình thức kỷ luật. Ông Hải kể: “Hôm Trung ương họp đề kỷ luật tôi, họ có mời tôi đến nhưng tôi không được vào phòng họp ngay. Một chuyên viên của Văn phòng Trung ương đợi

tôi ở cổng số 4 Nguyễn Cảnh Chân, kèm tôi đi vào một phòng riêng, đợi đến khi Hội nghị Trung ương khai mạc mới cho tôi vào dự. Trước Hội nghị Trung ương, tôi thừa nhận đã 'bút phê' để công ty của Hội có thể tham gia đấu thầu và cho rằng việc đó không có gì sai pháp luật. Nếu là một công ty khác, tôi vẫn giới thiệu". Trình bày xong, người của Văn phòng Trung ương lại đến bên ông Hải nói: "Theo yêu cầu của Ban Bí thư, mời anh về".

Ông Hải không được có mặt trong phần "luận tội" sau đó. Thủ tướng Võ Văn Kiệt thấy "cách làm không dân chủ" cũng bỏ về. Theo Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Lê Xuân Trinh: Cuộc họp do ông Đỗ Mười chủ trì. Thứ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Tâm Long chỉ nói một câu: "Nếu không khởi tố anh Hải với anh Lê Liêm thì vụ án coi như bỏ đi". Ông Đỗ Mười kết luận: "Cứ khởi tố, nếu điều tra xong mà không thấy vấn đề gì thì thôi". Sau Hội nghị Trung ương, ông Đỗ Mười cho gọi Bộ trưởng Nội vụ Bùi Thiện Ngộ và Chánh án Tối cao Phạm Hưng lên, quán triệt: "Đây là Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các anh chấp hành".

Sau đó, theo ông Vũ Ngọc Hải, ông Nguyễn Văn Linh có ra Hà Nội gặp ông Lê Thanh Đạo, viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao. Cáo trạng, được điều chỉnh từ khung 1, cảnh cáo, lên khung 2, có mức án tù ba năm tù trở lên. Ông Hải sau đó lãnh án 3 năm tù giam. Thứ trưởng Lê Liêm lãnh án tù treo.

Mất tướng giữa đường, ông Võ Văn Kiệt càng quyết tâm cao hơn để hoàn thành công trình. Ông có mặt ở những nơi cam go nhất. Ông chứng kiến những công nhân gửi vật tư leo lên đèo Lò Xo, đầu người đi sau chạm vào gót chân

người đi trước. Thay vì dùng trục thẳng kéo cáp như Thái Lan, ông chứng kiến cảnh công nhân cầm bó mía đi trước dụ con voi đang cong lưng kéo những đoạn cáp mồi. Đường dây hoàn thành đúng tiến độ. Nhưng chính đây lại là thời điểm ông Kiệt lo lắng nhất: Đóng điện.

Chiều ngày 27-5-1994, báo chí túc trực trước cổng Tổng công ty Điện lực Việt Nam, ông Kiệt đến từ cổng sau. Gần 6 giờ mà báo chí vẫn chưa được vào. Nhà báo Minh Thu kể: "Tôi viết vào một mảnh giấy nhỏ: Xin chú cho quay làm tư liệu thôi. Sát giờ đóng điện, ông nói với Điện lực: Cho truyền hình vào. Tôi là người duy nhất có mặt. Khi ấy ông vẫn rất căng thẳng, môi ông khô khốc, miệng há hốc, ngược nhìn lên bảng điện. 19 giờ 07, đèn bật sáng, báo: Phú Lâm đã nhận được dòng điện đúng như tính toán. Ông thở phào bước lên phòng tiếp tân. Người đầu tiên mà ông đi tới, ôm lấy, là Thứ trưởng Lê Liêm, đang thụ án treo. Ông Liêm, khi ấy đã ngoài 60 tuổi, mếu máo trong vòng tay Thủ tướng".

Sáng hôm sau, vào lúc 5 giờ sáng ở trại giam Thanh Xuân, phạm nhân Vũ Ngọc Hải đang tập thể dục ở sân thì một Trại phó chạy tới bảo: "Anh Hải về mặc quần áo nhanh lên, Thủ tướng vào thăm đấy". Ông Hải nhớ lại: Tôi thay đồ, lên phòng khách, Thủ tướng đã ngồi đó. Ông mang theo hai chai sâm banh, ba chiếc ly, vì sợ trong tù không có ly. Ông đứng dậy nắm chặt tay tôi, hỏi tôi có khỏe không, sinh hoạt ra sao. Trầm ngâm một chút, ông hỏi: "Có biết vì sao mình vào không?". Tôi bảo: "Tôi biết hôm nay đóng điện, chỉ không biết đóng vào giờ nào thôi! Nhưng tôi tin là đóng điện đã thành công". Ông bảo: "Mấy hôm nay mình mất ngủ vì

lo". Tôi hỏi: "Thế còn tôi hôm qua anh có ngủ được không?". Ông nói: "Cũng mất ngủ vì vui sướng quá!". Rồi ông gắn huy hiệu đường dây 500KV cho tôi. Ông bảo: "Anh là người đầu tiên được gắn huy hiệu này đây". Ông tự tay rót ba cốc sâm banh, một cốc đưa cho tôi, một cốc đưa cho Giám thị trại giam. Chúng tôi cùng chạm cốc. Còn một chai nữa, ông đưa cho tôi: "Hải cầm lấy".

Phạm nhân được giữ lại trong trại cho đến khi Thủ tướng về. Khi vừa ra khỏi phòng, họ giơ tay chào ông Hải, có người hỏi: "Bộ trưởng vừa mới tiếp Thủ tướng à?". Ông Hải: "Bộ trưởng cái cốc khô". Nhưng rõ ràng là ông Hải đã ở tù như bộ trưởng. Ông Hải kể: "Khi tôi nhập trại, ông Lê Minh Hương, khi đó là thứ trưởng Bộ Nội vụ vào kiểm tra trại giam và cho giải phóng một cái trạm xá cũ để tôi vừa ở vừa tiếp khách. Cái trạm xá này một nửa nằm trong trại, một nửa nằm nhô ra khu tập thể của cán bộ trại. Hằng ngày, khách đến thăm tôi nhiều nên anh em bố trí một phòng gần phòng làm việc của cán bộ trại giam. Đồng thời bố trí một phạm nhân phục vụ, cứ có khách đến đăng ký thì họ lại gọi tôi lên phòng đó tiếp khách, tiếp không có công an ngồi kèm đâu. Trong thời gian tôi ở tù, ngoài Thủ tướng, Phó Thủ tướng, có hai mươi tám bộ trưởng, thứ trưởng và hai phu nhân bộ trưởng cũng vào thăm".

Sau Tết năm 1995, Phó Thủ tướng Phan Văn Khải vào thăm. Ông Hải kể: "Anh Khải đem hai chai rượu, nói: Đây là cơ quan tặng cậu. Rồi anh lấy ra một chiếc áo rét: Cái này của tớ. Rồi rút ra một bao lì xì đỏ: Còn đây là của vợ tớ lì xì cậu! Anh Khải bảo: "Đường dây 500KV đóng điện thành công thế mà có vị vẫn phản đối đây". Tôi nói: "Cái này thì

tôi biết. Khi mới bị khởi tố, tôi vào Thành phố Hồ Chí Minh, đến chơi nhà vợ chồng ông Mười Hải, một người cũng vừa bị khởi tố trong vụ án khác, ông Mười Hải nói: “Vị ấy đã đồng ý sẽ thả tớ, nhưng cậu sẽ chết”.

Sau khi vào trại giam huy hiệu cho ông Hải, ông Kiệt tác động để ông được tha. Ông Nguyễn Văn Linh nghe tin, điện cho ông Đỗ Mười ngăn chặn. Ông Mười nói với ông Kiệt: “Tình hình chưa thể cho anh Hải ra trước Tết được”. Ông Kiệt nói: “Ta có bản lĩnh của ta, vì sao lại phải sợ?”. Ông Mười: “Thôi cứ để sau Tết”. Sau Tết ông Hải được đặc xá cùng với hàng ngàn phạm nhân khác. Lần đầu tiên, lệnh đặc xá được Hà Nội áp dụng, ở Sài Gòn, ông Nguyễn Văn Linh nói: “Đây là con bài để tha thằng Hải!”.

Đường dây 500 kV thành công nhưng Ban Bí thư không đồng ý cho làm lễ khánh thành. Một người thư ký cũ của ông Kiệt lúc bấy giờ là Phó Chủ tịch trực Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Văn Huấn, nói: “Chẳng lẽ không làm gì? Tôi nói với anh Sáu Dân: Để tôi làm cho. Anh Sáu dặn, không được lấy một cắc từ ngân sách. Tôi huy động Hàng không, Sài Gòn Tourist tài trợ, tổ chức một bữa tiệc mời 600 quan khách. Trước Dinh Độc Lập treo băng-rôn: Thành phố Hồ Chí Minh mừng dòng điện 500 kV ”.

Nhà báo Minh Thu kể: “Tôi vào Dinh, không có một quan chức nào của Ban Bí thư hay Bộ Chính trị vào dự. Thấy ông ngồi một mình, tôi đến, hỏi: Chú, cái nhà trẻ xây xong còn có lễ khánh thành, sao một công trình thế này mà không có ngày khánh thành hả chú. Ông kéo tôi ngồi xuống: Thôi, đóng điện an toàn là tao mãn nguyện lắm rồi”.

Suốt buổi lễ, ông Kiệt im lặng. Một diễn từ cực ngắn được ông Nguyễn Văn Huân đọc: “Cái tên Phú Lâm giờ đây đã trở nên quen thuộc, thân thương. Bởi, Phú Lâm là điểm cuối cùng của đường dây huyết mạch nối liền với Hòa Bình. Sức mạnh sông Đà qua Phú Lâm tỏa khắp phương Nam, làm đẹp, làm giàu thêm, miền đất Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh có thêm điều kiện mới để tiến lên trong vận hội mới. Cho phép tôi được thay mặt đồng bào Thành phố gửi tới hai vạn người anh hùng, vẫn đang đứng trên công trường, bất chấp tất cả”. Nhiều năm sau, khi kể lại câu chuyện này, ông Nguyễn Văn Huân vẫn tỏ ra vô cùng tâm đắc với câu: Bất chấp tất cả!

## **Chương XIX: Đại hội VIII**

Giữa thập niên 1990, đổi mới có khuynh hướng chững lại. Đây là giai đoạn trong Đảng vẫn có những người được coi là “bảo thủ”, có những người được coi là “đổi mới”. Các nỗ lực phát triển kinh tế theo hướng thị trường rất có thể bị các nhà lý luận quy là “chệch hướng”; các nỗ lực dân chủ hóa cũng có thể bị quy là “diễn biến hòa bình”. Trong tình hình đó, thay vì có những tháo gỡ về mặt lý luận để tránh tụt hậu và tiếp tục cải cách, Đại hội VIII, diễn ra đầy kịch tính vào cuối tháng 6-1996, chủ yếu để những nhà lãnh đạo tuổi cao sắp xếp các vị trí cầm quyền trong Đảng.

### **Khúc dạo đầu**

Nhân sự Đại hội VIII được chuẩn bị trong tình huống Tổng Bí thư Đỗ Mười đã bước vào tuổi tám mươi, người trẻ nhất trong “tam nhân” - ông Võ Văn Kiệt - cũng sắp bước sang tuổi bảy mươi tư, còn ông Lê Đức Anh vừa tròn bảy mươi sáu.

Trưởng Ban Bảo vệ Trung ương Đảng khóa VII, ông Nguyễn Đình Hương, nói: “Xu thế chung là muốn có sự thay đổi để đưa một thế hệ lãnh đạo hoàn toàn mới lên. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng đất nước ở giai đoạn cực kỳ quan trọng mà thay cùng lúc ba ‘cụ’ chủ trì thì rất mệt”. Để thăm dò mức độ hậu thuẫn cho cả ba tại vị, Tổng Bí thư Đỗ Mười bắt đầu bằng việc lấy ý kiến từ các vị “lão thành”<sup>446</sup>.

Trong vòng đầu tiên, ý kiến từ cả miền Bắc và miền Nam



đều có vẻ như ủng hộ ông Võ Văn Kiệt. Từ Hà Nội, thư ngày 7-8-1995 của ông Trần Văn Hiến viết: "Nếu đồng chí Đỗ Mười xin rút vì đã ở tuổi tám mươi thì nên giữ lại anh Sáu Dân (Võ Văn Kiệt) thay anh Mười làm tổng bí thư". Theo ông Hiến, ông Kiệt năm ấy "tuy đã ở tuổi bảy ba, nhưng vẫn khỏe mạnh và đầu óc còn minh mẫn". Từ Sài Gòn, cựu phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Vũ Đình Liệu làm hẳn một "tờ trình" đề ngày 7-8-95, cho rằng: "Nên giao chức vụ Tổng Bí thư cho đồng chí Võ Văn Kiệt; vì một lý do nào đó - chúng tôi không thể hiểu được - thì anh Đỗ Mười nên và cần làm thêm nửa nhiệm kỳ".

Không rõ bằng cách nào, nhân vật mới vào Bộ Chính trị chỉ hơn một năm, ông Nguyễn Hà Phan, lại lọt vào mắt của một số cán bộ lão thành. Theo thư của ông Trần Văn Hiến, cho dù ông Đỗ Mười tiếp tục làm tổng bí thư hay trao lại cho ông Võ Văn Kiệt thì ông Nguyễn Hà Phan cũng cần được đặt vào vị trí của người kế vị. Chức vụ mà ông Hiến đề nghị cho ông Nguyễn Hà Phan là "bí thư trực thứ nhất của Ban Bí thư".

Ở miền Nam, cả Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng Lê Phước Thọ và Cố vấn Nguyễn Văn Linh đều tích cực vận động cho Nguyễn Hà Phan đồng thời có những hoạt động làm giảm uy tín của hai ông Võ Văn Kiệt và Phan Văn Khải. Theo đặc phái viên Chính phủ, ông Đặng Văn Thượng<sup>447</sup>: Cố vấn Nguyễn Văn Linh đã gặp khoảng ba mươi cán bộ, gồm ủy viên Trung ương Cục miền Nam, ủy viên Trung ương nghỉ hưu và các ủy viên thường vụ tỉnh ủy thuộc các tỉnh miền Tây Nam bộ để phổ biến về chuyện, kỳ đại hội này cả ông Phan Văn Khải và ông Võ Văn Kiệt đều "không còn

tham gia chính phủ”.

Ông Phan Văn Khải được nói là sẽ về “công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh thay ông Võ Trần Chí” vì “có vấn đề thuộc quan điểm lập trường giai cấp của gia đình trước đây”; vì “thả lỏng cho con trai lộng hành, dám cả gan xây dựng khách sạn cho dĩ hoạt động ở thủ đô Hà Nội”. Theo thư của ông Thượng, các cán bộ ở địa phương đã rất băn khoăn khi ông cố vấn và ông ủy viên Bộ Chính trị nói rằng ông Võ Văn Kiệt cũng “kiên quyết kêu nghị và đã được một số ủy viên Bộ Chính trị tán thành. Anh ấy rất tốt chỉ tội là vợ con”. Đây không phải là lần đầu tiên Cố vấn Nguyễn Văn Linh nói về chuyện vợ con của ông Võ Văn Kiệt.

Tại Hội nghị Cán bộ Tổ chức toàn quốc, họp tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 8-1992, Cố vấn Nguyễn Văn Linh công khai phát biểu: “Tham nhũng đâu cần chống ở đâu, cứ chống ngay trong nhà Thủ tướng”. Phát biểu của ông Linh không chỉ râm ran trong nội bộ. Tối 8-11-1992, Đài Chân trời mới, trong một chương trình phát thanh của mình, nói: “Về vấn đề tham ô cửa quyền, ông Võ Văn Kiệt tuyên bố người nào tham ô thì phải bị cách chức. Nhưng khi một nhà báo hỏi ông về tin ông Nguyễn Văn Linh tố cáo ông tham nhũng, ông Kiệt đã không trả lời câu hỏi này<sup>448</sup>. Ông Kiệt cũng cho rằng việc diệt trừ tham nhũng cần phải có thời gian. Và ông chấm dứt trả lời câu hỏi của các nhà báo khi mọi người xoay quanh việc ông Linh tố cáo vợ ông Kiệt tham nhũng”.

Chương trình phát thanh đêm 19-10-1992 của Đài BBC nói thêm: “Mục *Tin tình báo* của tạp chí Kinh tế Viễn Đông

số ra tuần này, đề ngày 22-10, nhận xét về địa vị của Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Báo này cho rằng thủ tướng Việt Nam đang bị áp lực ngày càng nặng từ phía Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong bài diễn văn nhận chức, ông đã nhắc đến 'các thử thách mà nội các của ông phải đương đầu' tới tám lần. Các nhà quan sát nói điều này chứng tỏ đang có thêm những lời chỉ trích về khả năng hoạt động của ông. Trong cuộc họp với các viên chức Thành phố Hồ Chí Minh gần đây, ông Nguyễn Văn Linh công khai phàn nàn rằng hai vợ chồng ông Kiệt đang tham nhũng. Mặt khác, ông Kiệt không được ủy nhiệm vào Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị mà chỉ có ông Đỗ Mười, ông Lê Đức Anh và ông Đào Duy Tùng. Như vậy ông Kiệt không được tham dự vào các quyết định quan trọng nhất<sup>449</sup>".

Tối 21-10-1992, Đài RFI đưa thêm: "Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt đang phải đối phó với áp lực đến từ phe bảo thủ trong Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo tạp chí Kinh tế Viễn Đông số ra ngày 22-10 (trên thực tế xuất bản sớm hơn), hiện nay ông Kiệt đang bị yếu thế... Nguyên Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh gần đây đã công khai phê bình ông Kiệt và phu nhân là tham nhũng. Ông Linh đã tuyên bố như trên trong buổi họp với các cấp lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh". Những tin tức trên đây càng lan tỏa rộng hơn khi nó được "Bản tin A" của Thông tấn xã Việt Nam in lại đưa vào dạng tài liệu "lưu hành nội bộ". Ông Võ Văn Kiệt đã gửi thư phản đối tới ông Lê Phước Thọ (Sáu Hậu), Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

Hơn ba tuần trôi qua, ông Lê Phước Thọ vẫn im lặng. Ông Kiệt biết rõ lý do ông Thọ trì hoãn việc trả lời. Ngày 16-11-

1992, ông Kiệt gửi lá thư thứ hai, lần này ngoài Trưởng Ban Tổ chức, ông Kiệt còn chuyển thư đến các nhân vật trong Thường trực Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Thư được viết tay trên mẫu thư của khách sạn Shangri-La, Singapore, với lời lẽ khá gay gắt, phê phán Ban Tổ chức chậm trả lời thư trước của ông. Ông Kiệt viết: “Nếu vấn đề không được làm sáng tỏ thì nguyên tắc kỷ cương trong Đảng đã bị buông lỏng từ trên. Tôi là Ủy viên Bộ Chính trị, nếu đúng như anh Linh nói trước hội nghị tổ chức toàn quốc thì tôi không những không xứng đáng là một ủy viên trong Bộ Chính trị nữa mà còn không xứng đáng là một người đảng viên”<sup>450</sup>.

Khi tháp tùng chồng trong các chuyến công du, bà Phan Lương Cầm có góp phần làm cho ông Võ Văn Kiệt có được một hình ảnh khác hơn so với các nhà lãnh đạo đến từ các quốc gia cộng sản. Nhưng ở trong chính trị nội bộ, chuyện tháp tùng chồng của bà cũng bị đánh giá và đàm tiếu. Càng ngày bà càng bị coi như một “gót chân Achilles” của ông Kiệt.

Bà Cầm có những hạn chế nhất định trong giao tiếp và trong tính cách nhưng để dẫn đến tình trạng này cũng không hoàn toàn do lỗi của bà. Phần lớn thời gian trong cuộc đời mình, kể cả sau khi kết hôn với bà Trần Kim Anh, ông Võ Văn Kiệt chủ yếu sống với thư ký, cận vệ, cần vụ. Những thư ký có gia đình riêng như ông Phạm Văn Hùng, Nguyễn Văn Huấn, trong giai đoạn sau năm 1975 cũng thường ngủ lại nhà của ông. Thầy trò thường bắt đầu làm việc từ 5 giờ 30 sáng. Lương thưởng, quà cáp đều do các bác sỹ, bảo vệ quản lý.

Những người bạn “tao, mày” với ông Kiệt như ông Bảy Phạm Quang Khai, hiệu trưởng Đại học Cần Thơ và ông Trần Bạch Đằng thì gần như coi nhà ông Kiệt cũng là nhà mình. Khi nào tiện đường là ghé qua, rồi với chai rượu, một ít khô cá sặc, gỏi xoài, họ lại ngồi với nhau nhâm nhi và đàm đạo. Trước đây, ông không bao giờ giữ cái gì là của riêng, kể cả tiền lương. Từ khi ông lấy vợ, đương nhiên bà Cầm trở thành người quản lý, kể cả quà tặng của Thủ tướng. Trong nhóm giúp việc cũng xăm xì và theo ông Phan Minh Tánh: Có lần một ủy viên Bộ Chính trị đến gặp ông, mang theo tấm hình bà Cầm đang cầm gói quà trong một chuyến công du rồi nói: “Ông xem, nó chỉ đi để lấy quà”.

Theo ông Nguyễn Văn An: “Ông Nguyễn Văn Linh đi đâu cũng nói xấu ông Võ Văn Kiệt. Một lần, tôi dẫn các cán bộ trẻ trong Ban Tổ chức tới thăm, vừa vào nhà, ông Linh đã chỉ trích ông Kiệt ngay, bất kể người nghe là các cháu cán bộ còn ít tuổi” <sup>451</sup>. Thư đề ngày 23-8-1995 của ông Đặng Văn Thượng còn nói rõ hơn: “Thật tình tôi rất buồn. Dù sai lầm đến đâu, giữa cuộc họp có cán bộ đảng viên, có cán bộ trí thức mà gọi đồng chí mình là thằng này, thằng nọ. Gọi vợ của đồng chí mình là con mẹ Giang Thanh này, Giang Thanh nọ”.

Theo ông Trần Trọng Tân, trong một lần ông Nguyễn Văn Linh ốm gần như thập tử nhất sinh, ông Tân vào bệnh viện Chợ Rẫy thăm, hôm đó có cả vợ ông, bà Bảy Huệ, ông Linh nói: “Nhiều anh em không hiểu vì sao mình đi đâu cũng nói chuyện Sáu Dân (Võ Văn Kiệt). Trên thực tế mình lo. Nếu tới đây, Sáu Dân trở thành tổng bí thư thì gay lắm. Sáu Dân

thông minh, phiếu cao, rất dễ thành tổng bí thư. Theo mình, Sáu Dân chỉ là người tổ chức thực hiện chứ không vững vàng khi cầm chịch”.

Không chỉ có ông Nguyễn Văn Linh, theo ông Phan Văn Khải: “Cái gốc của vấn đề là ông Đỗ Mười và các ông khác đều rất sợ ông Kiệt làm tổng bí thư”. Ông Khải cho rằng: “Nếu ông Kiệt làm tổng bí thư, Việt Nam sẽ đổi mới nhanh hơn. Tuy không được đào tạo hệ thống nhưng ông Kiệt luôn nhất quán ủng hộ cái mới. Ông chán đến tận cổ mô hình xã hội chủ nghĩa miền Bắc và ông làm tất cả để phá bỏ nó”.

Ông Trần Trọng Tân giải thích thêm về sự “không vững vàng” của ông Võ Văn Kiệt: “Sáu Dân phát biểu nhiều cái ẩu, ví dụ như ông đề xuất dẹp quốc doanh, tư nhân hóa nền kinh tế. Có ông Trung ương đọc 'Thư gửi Bộ Chính trị' của Sáu Dân nói Sáu Dân nổi giáo cho giặc”.

### **"Thư gửi Bộ Chính trị"**

Khi Hồ Chí Minh còn sống, ông yêu cầu: “Chú Ba, chú Thận, chú Tô phải thống nhất ý kiến với nhau trước khi đưa lên Bác”. Cho dù bản chất mỗi quan hệ như thế nào thì các nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng ở mọi thời kỳ đều ý tứ để nó không bộc lộ. Giữ gìn sự đoàn kết luôn được dùng như một tiêu chí để đánh giá năng lực của người lãnh đạo. Hơn ai hết, Tổng Bí thư Đỗ Mười có lợi ích chính trị khi mỗi quan hệ giữa ba người được coi là “luôn luôn nhất trí với nhau”. Trên thực tế, mỗi quan hệ Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười là rất khó để dư luận lúc đó coi là “đoàn kết”.

Ngày 4-5-1993, ông Võ Văn Kiệt chuyển tới ông Đỗ Mười một số trích đoạn bức thư của “đồng chí có trách nhiệm,

trên 60 tuổi” cho biết: Trong cán bộ cao cấp, “nghỉ hưu có, đương nhiệm có” đang có dư luận “hoài nghi sự đoàn kết của ba đồng chí chủ chốt, hoài nghi đường lối kinh tế, chủ trương chiến lược kinh tế, quốc phòng”. Dư luận cho rằng, “giữa ba ông không thống nhất với nhau về chủ trương đường lối phát triển. Đồng chí Đỗ Mười bản thân là một anh bần nông làm nghề tự do nên không có khả năng lãnh đạo chung”<sup>452</sup>.

Trong một bức thư gửi ông Đỗ Mười vào tháng 6-1994, ông Võ Văn Kiệt cũng đề cập đến “tình hình rất phân tán trong lãnh đạo”. Bức thư của ông Kiệt không nói về các mối quan hệ cá nhân mà đi thẳng vào mối quan hệ lãnh đạo giữa Đảng và Nhà nước. Thư của ông Kiệt cho thấy, ở thời điểm ấy, vai trò của Đảng được nhấn mạnh trở lại, các cơ quan Đảng có khuynh hướng can thiệp một cách trực tiếp hơn dưới nhiều hình thức vào hoạt động của chính quyền<sup>453</sup>.

Có lẽ vì bức thư gửi Đỗ Mười vào tháng 6-1994 không có hồi âm nên ngày 9-8-1995, ông Võ Văn Kiệt gửi đi bức thư mà về sau được biết đến với tên gọi là “Thư gửi Bộ Chính trị”. Lấy lý do, khi “xây dựng các văn kiện chuẩn bị Đại hội”, Tổng Bí thư Đỗ Mười cho rằng “cần tổ chức nghiên cứu và thảo luận sâu hơn” một số vấn đề thuộc về quan điểm, thư Gửi Bộ Chính trị của ông Võ Văn Kiệt nêu bốn nội dung: “1- Đánh giá tình hình, cục diện thế giới ngày nay; 2- Vấn đề chênh hướng hay không chênh hướng; 3- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước; 4- Xây dựng Đảng”.

Về tình hình quốc tế, ông Võ Văn Kiệt cho rằng “tính chất đa dạng, đa cực” đang chi phối quan hệ giữa các quốc gia thay vì “mâu thuẫn đối kháng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ

nghĩa để quốc” như Đảng từng quan niệm. Đó là lý do mà theo ông Kiệt, một nước đi theo chủ nghĩa xã hội như Việt Nam vẫn có thể trở thành thành viên ASEAN, ký kết hiệp định khung với EU. Thư 1995 của ông Võ Văn Kiệt viết: “Ngày nay, Mỹ và các thế lực phản động khác không thể giương ngọn cờ chống cộng để tranh thủ dư luận và tập hợp lực lượng chống lại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam như trước nữa”.

Trong thư, ông Võ Văn Kiệt cho rằng không nên kỳ vọng vào sự phục hồi của “phong trào cộng sản và công nhân quốc tế”, bởi nó không bao giờ có “giá trị và chất lượng cộng sản” như ngày xưa nữa. Với “bốn nước xã hội chủ nghĩa còn lại”<sup>454</sup>, ông Kiệt cũng cho rằng “tính chất quốc gia sẽ lấn át tính chất xã hội chủ nghĩa”, thậm chí quan hệ Việt Nam - Trung Quốc còn “tồn tại nhiều điểm nóng”. Ông Võ Văn Kiệt viết: “Sự chấp nhận đối với chế độ chính trị một đảng của Việt Nam cũng đang tăng lên - mặc dầu lúc này lúc khác vẫn đề dân chủ và nhân quyền được sử dụng như một phương tiện chính trị đối phó với chúng ta”.

Ông Võ Văn Kiệt cảnh báo sẽ là “thảm họa cho đất nước” nếu Đại hội VIII “rụt rè bỏ lỡ cơ hội” xây dựng “dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đồng thời, nếu không đáp ứng được đòi hỏi phát triển của đất nước, “Đảng sẽ đứng trước nguy cơ bị tước quyền lãnh đạo”<sup>455</sup>. Phê phán khuynh hướng khẳng định “kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo là một tiêu chí cho định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>456</sup>, ông Kiệt viết: “Để giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi bức xúc là phải nâng cao tính hiệu



quả của kinh tế quốc doanh, nhằm làm cho nó chiếm một vai trò chủ đạo trong thị trường nước ta chứ không phải là dành cho nó quyền 'nắm' thứ này thứ khác".

Theo ông Võ Văn Kiệt, "nguy cơ chệch hướng đang ẩn náu" trong nhiều hiện tượng như tham nhũng, cục bộ, cửa quyền và tính vô chính phủ, và "sẽ sai lầm nếu đem tất cả những phát triển không lành mạnh này đổ cho cơ chế kinh tế thị trường". Theo ông: "Càng kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa, càng phải hoàn thiện và phát triển thị trường, không thể có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào. Cần sớm xóa bỏ sự phân biệt hoặc sự hình thành các loại hình kinh tế phi dân sự, kinh tế đoàn thể, kinh tế đảng, kinh tế các lực lượng vũ trang".

Ông Kiệt cũng phê phán hệ thống pháp luật, bộ máy nhà nước và năng lực của cán bộ viên chức không đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ. Ông đề nghị chuyển "phương thức điều hành đất nước trong thời chiến" với "cơ chế chính ủy", cơ chế "bộ máy của đảng đứng trên hoặc làm thay bộ máy chính quyền". Ông Kiệt đề nghị để cho Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp được "làm tròn chức năng quyền hạn" của mình, "các tổ chức cơ sở đảng không làm thay, không quyết định thay" nhà nước. Đồng thời, ông cũng đề nghị "bỏ cách suy nghĩ công thức" về nguyên tắc "dân chủ tập trung" hay còn gọi là "tập trung dân chủ", cụ thể: "Để huy động trí tuệ của toàn đảng và bảo vệ sự trong sáng trong đảng, cần phải triệt để dân chủ, đồng thời để bảo đảm sức chiến đấu của đảng mọi đảng viên phải tuyệt đối tuân theo điều lệ và phục tùng các nghị quyết của đảng".

Người chấp bút "Thư gửi Bộ Chính trị", ông Nguyễn Trung,

nói: “Ông Kiệt là người cảm thấy bức bối về sự mất dân chủ trong Đảng. Năm 1995 Việt Nam vừa kết thúc được thời kỳ hậu chiến, đổi mới lại bắt đầu chững lại. Trong khi, theo ông Kiệt, năm 1995 lẽ ra phải bung mạnh ra vì có rất nhiều cơ hội”. Ông Nguyễn Trung nói: “Ông Lê Đức Anh thì quá kín đáo, ông Đỗ Mười thì cần quá trình bình thường hóa với ASEAN thông qua lá phiếu của Đào Duy Tùng. Sau một loạt thành công của Chính phủ, năm 1995, uy tín bên trong, bên ngoài của ông Kiệt đều lên cao, có nguy cơ ông trở thành tổng bí thư, điều mà cả Trung Quốc, ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh, đặc biệt là Nguyễn Văn Linh đều không thích. Trong bối cảnh đó, thư Gửi Bộ Chính trị ra đời. Ông Kiệt viết thư này, đụng đến một vấn đề cốt lõi trong sinh hoạt Đảng, với mong muốn làm cho mối quan hệ thật rõ ràng: dân chủ ra dân chủ, tập trung ra tập trung”.

Ngày 10-10-1995, "Thư gửi Bộ Chính trị" được đưa ra bàn trong Bộ Chính trị. Ông Kiệt bị nhiều thành viên trong Bộ Chính trị chỉ trích kịch liệt. Quan điểm không còn đấu tranh giai cấp, Mỹ không phải là đối tượng của Việt Nam, thế giới đang cần hợp tác, đến lúc cạnh tranh kinh tế chứ không phải coi nhau như kẻ thù,... chỉ được rất ít người ủng hộ<sup>457</sup>. Ông Phạm Thế Duyệt, ủy viên Bộ Chính trị khóa VII (1991-1996), nói: “Không có ai quá đao to búa lớn, khi Bộ Chính trị phân tích, anh Sáu Dân cũng bình tĩnh tiếp thu. Anh là một người hăng hái, suy nghĩ có lúc mạnh dạn. Nhưng dưới góc độ tổ chức, không nên coi cách làm đó là bình thường. Cho dù ý kiến của anh mang tính chiến lược, phù hợp với đổi mới của Đảng. Nhưng cách làm phải có sức thuyết

phục”<sup>458</sup>.

Ông Nguyễn Hà Phan cho rằng: “Bức thư chệch hướng 100%. Nhưng cả tôi, anh Đỗ Mười, anh Đào Duy Tùng và anh Lê Đức Anh đều thống nhất một hướng là không làm to chuyện và không kỷ luật ông Kiệt mà chỉ phân tích làm sao cho ông Kiệt phải nhận khuyết điểm. Chúng tôi biết người chấp bút là Nguyễn Trung, cái nguy là ông Kiệt cũng bức xúc với đổi mới nên ký vào”<sup>459</sup>. Anh Đỗ Mười nói: “Anh Kiệt lập trường tốt thôi nhưng từ khi lấy anh Trung làm trợ lý thì hay có việc này việc nọ”<sup>460</sup>. Ông Phạm Thế Duyệt cũng cho rằng: “Anh Sáu Dân đôi khi dễ bị tác động của các chuyên gia”.

Sau hội nghị Bộ Chính trị, theo ông Nguyễn Hà Phan: “Vì Bức thư ông Kiệt chỉ gửi cho các ủy viên Bộ Chính trị chứ không gửi cho các ông cố vấn nên ông Nguyễn Văn Linh có mượn bản của tôi. Tôi cũng muốn tranh thủ ông Linh nên dàn xếp êm, không đưa chuyện ông Kiệt ra Trung ương nên đưa cho ông. Ông Linh lại dùng lá thư có ghi tên tôi sao ra gửi cho các ông cố vấn khác”. Bức thư nhanh chóng được tán phát rộng rãi ở trong và ngoài nước.

Vậy nhưng, ngày 15-11-1995, ông Vũ Đình Liệu vẫn viết thư gửi Bộ Chính trị tha thiết đề nghị để ông Võ Văn Kiệt làm tổng bí thư “nhằm tiếp tục giữ và phát triển được cái đà của nền kinh tế”. Thư của ông Liệu viết: “Anh Đỗ Mười nên nghỉ vào thời điểm này là phù hợp vì đã ở tuổi tám mươi. Đồng chí Đỗ Mười đã vững vàng cùng với các đồng chí lãnh đạo khác, chẳng những đã khắc phục được những khó khăn mà còn đem lại bao nhiêu thành tựu to lớn cho tổ quốc, cho nhân dân. Đồng chí Đỗ Mười rút ở thời điểm này là phù hợp

và rất vinh quang”. Lá thư của ông Vũ Đình Liệu cho thấy các bậc cách mạng lão thành chưa coi những quan điểm trong thư gửi Bộ Chính trị của ông Kiệt là lệch lạc.

Ngày 5-12-1995, ông Hà Sĩ Phu, tác giả của nhiều bài chính luận sắc sảo được truyền đọc ở thời điểm ấy, đang đi xe đạp trên đường phố Hà Nội thì bị hai người đi xe máy chèn ngã. Ông Hà Sĩ Phu kêu to: “Ăn cướp! Ăn cướp!”. Lập tức công an xuất hiện. Thay vì bắt “cướp”, công an đã đưa Hà Sĩ Phu về đồn, khám túi xách, phát hiện bản sao chép thư gửi Bộ Chính trị ngày 9-8-1995 của ông Võ Văn Kiệt. Hà Sĩ Phu khai tài liệu này ông lấy từ ông Nguyễn Kiến Giang; ông Giang khai lấy từ ông Lê Hồng Hà, một cán bộ lão thành, từng là chánh Văn phòng Bộ Công an và trước đó, từng là giám đốc trường Đào tạo sĩ quan công an 500. Ba người có liên quan đến tài liệu này đã bị bắt ngày 6-12-1996<sup>461</sup>.

Vụ án Hà Sĩ Phu ầm ĩ trên các đài báo nước ngoài và được Câu lạc bộ Ba Đình, nơi sinh hoạt chính thức của các cán bộ cao cấp nghỉ hưu, công khai bàn tán. Nhưng ngày 23-12-1995, một thành viên của câu lạc bộ này, ông Trần Lâm, ủy viên Trung ương Đảng khóa IV và V, trong thư gửi Bộ Chính trị, vẫn đánh giá cao vai trò của thủ tướng và yêu cầu “ba đồng chí chủ chốt hiện nay, dù tuổi đã cao, vẫn cần tiếp tục một nhiệm kỳ nữa”.

Thay vì đặt vấn đề “chệch hướng”, điểm yếu của ông Võ Văn Kiệt mà ông Trần Lâm chỉ ra vẫn là những tai tiếng liên quan đến bà vợ Phan Lương Cầm. Nhưng, theo ông Trần Lâm, miễn là ông Kiệt “không bao che”. Ông Lâm viết:

“Trong xã hội phức tạp hiện nay, không phải chỉ một mình đồng chí Võ Văn Kiệt bị dư luận xì xào, mà hầu hết các đồng chí lãnh đạo cao cấp nhất đều bị dư luận bàn tán về người thân, ta cần cảnh giác với dư luận”.

Tuy nhiên, ý kiến của các bậc lão thành chỉ có ảnh hưởng phần nào. Uy tín của cả ba ông trong Trung ương đều giảm sút. Khi lấy phiếu tín nhiệm lãnh đạo chủ chốt, chỉ có Đỗ Mười đạt số phiếu hơn 50%, ông Kiệt có lúc chỉ còn mức tín nhiệm 40%. Cũng trong thời gian đó, theo ông Lê Khả Phiêu: “Ba đồng chí cố vấn Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công viết thư đề nghị những đồng chí đã ở trong độ tuổi bảy mươi nên rút lui. Bàn đi bàn lại mãi cũng không thống nhất được”. Đầu tháng 3-1996, Trung ương họp Hội nghị 11, về sau trong nội bộ gọi là Hội nghị 11a, đưa ra khỏi danh sách tái ứng cử các ủy viên Bộ Chính trị trên bảy mươi tuổi như Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Đoàn Khuê, Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình, Lê Phước Thọ, Vũ Oanh, Bùi Thiện Ngộ.

Ngày 13-3-1996, ông Vũ Đình Liệu gửi thư “Mật khẩn” cho Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Đỗ Mười và Ban Nhân sự Đại hội VIII, nói rằng việc các ủy viên tới tuổi nghỉ hết đã làm cho “nhiều đồng chí, chủ yếu là các đồng chí cách mạng lão thành ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh Nam Bộ băn khoăn lo lắng”. Ông Vũ Đình Liệu nói ông ủng hộ phương án cả ba ông - Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt và Lê Đức Anh - rút lui. Nếu “giữ lại một” thì theo ông Liệu “người cần giữ lại phải là đồng chí Võ Văn Kiệt”. Ông Liệu viết: “Đồng chí Đỗ Mười đã bảy mươi chín tuổi. Tôi nay đã bảy mươi tám nên tôi rất hiểu, khi tuổi càng cao sức khỏe càng thấp”.

Hơn một tuần sau, thư gửi Bộ Chính trị của ông Võ Văn Kiệt trở thành đối tượng phê phán trong bài phát biểu của Thượng tướng Lê Khả Phiêu tại đại hội Đảng bộ Học viện Chính trị - Quân sự cao cấp<sup>462</sup>. Bài nói của Tướng Phiêu không chỉ đích danh Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhưng nội dung của nó “đập lại” khá đanh thép những vấn đề được đặt ra trong bức thư.

Ba tháng trước ngày khai mạc Đại hội Đảng lần thứ VIII, toàn văn bài phát biểu của Tướng Lê Khả Phiêu được công bố trên trang nhất báo Quân Đội Nhân Dân<sup>463</sup>. Sau khi ca ngợi “bản lĩnh chính trị” của Đảng bộ Học viện, Tướng Phiêu nói đến “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ và đặc biệt ông nhấn mạnh “âm mưu phi chính trị hóa các lực lượng vũ trang”. Những “âm mưu và thủ đoạn” mà ông Phiêu nói là của các thế lực thù địch ở “trong và ngoài nước”.

Tướng Lê Khả Phiêu nói: “Khi Liên Xô sụp đổ, các thế lực đế quốc chủ nghĩa và các trào lưu cơ hội xét lại đã chuyển phương thức tiến công lấy kinh tế, chính trị làm chính, kết hợp bạo lực và can thiệp vũ trang, hy vọng xóa bỏ những nước xã hội chủ nghĩa trong thời gian ngắn nhất, trong đó có Việt Nam ta. Nhưng thực tiễn đã chứng tỏ rằng, lịch sử đã và đang diễn ra khác với mong ước của họ”. Tướng Lê Khả Phiêu cho rằng: “Các mâu thuẫn cơ bản của thời đại tuy có những biểu hiện mới nhưng vẫn tồn tại một cách khách quan, bất chấp cái mốt tư tưởng thời thượng về điều hòa và hợp tác giai cấp”.

Sau khi phân tích những “mưu mô điên cuồng hòng xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong những năm cuối

thế kỷ này”, Tướng Phiêu nói tiếp: “Không phải không có người muốn giã từ hệ tư tưởng mà thực chất là giã từ hệ tư tưởng Marx - Lenin để rơi vào một hệ tư tưởng khác; muốn phi tư tưởng hóa, coi việc phân chia ra ranh giới giữa hai chế độ tư bản và xã hội chủ nghĩa là một cái gì xơ cứng, giáo điều, gây trở ngại cho việc nước ta hòa nhập vào thế giới và gào lên cùng với thế giới đó”. Tướng Phiêu nhấn mạnh: “Cũng chưa có lúc nào mà các tuyên bố mang tính chất ‘cương lĩnh chính trị’ do các nhóm người ở trong nước và nước ngoài tự xưng là ‘chí sỹ yêu nước’ lại được đưa ồn ào như vậy! Người ta cho rằng, đất nước ta hiện nay chỉ cần ‘độc lập và dân chủ’ chỉ cần ‘độc lập và phát triển’ chứ chẳng cần định hướng phát triển nào, nhất là định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Lê Khả Phiêu coi những đề nghị cải cách cơ chế lãnh đạo là “cuộc tiến công vào tổ chức của Đảng ta. Tướng Phiêu nói: “Có người đang đòi hỏi từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ, cho rằng, tập trung sẽ dẫn đến quan liêu, độc đoán; có người đang phê phán nguyên tắc lãnh đạo tập thể, cá nhân phân công phụ trách”.

Trong thư gửi Bộ Chính trị, ông Võ Văn Kiệt đề nghị xóa bỏ các tổ chức kinh tế đoàn thể, kinh tế đảng, kinh tế của các lực lượng vũ trang. Trong phát biểu của mình, Tướng Lê Khả Phiêu nâng tầm quan điểm: “Không phải không có ý kiến cho rằng, lực lượng vũ trang chỉ nên làm một công cụ vũ trang thuần túy chỉ tập trung vào sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, cho rằng, cơ cấu Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang như hiện nay là không thích hợp. Về thực chất, đó là âm mưu ‘phi chính trị hóa’ lực lượng vũ trang nhân dân, làm

suy yếu sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh hiện nay”.

Trước Đại hội, tinh thần bài phát biểu của Tướng Lê Khả Phiêu được phổ biến khá rộng rãi trong những đợt sinh hoạt chính trị của quân đội. Tên tuổi Võ Văn Kiệt bắt đầu được các sỹ quan chính trị nhắc đến một cách không chính thức khi họ phê phán “chệch hướng” và “khuynh hướng xã hội chủ nghĩa dân chủ” đang hình thành trong Đảng.

### **Vụ án Nguyễn Hà Phan**

Trong những ngày ấy, ông Nguyễn Hà Phan đang làm trưởng Ban Tổ chức Đại hội Đảng lần thứ VIII, công việc thường được giao cho ứng cử viên của một trong những vị trí chủ chốt. Ông Đỗ Mười vẫn nắm giữ vai trò quan trọng nhất: Trưởng Ban Nhân sự Đại hội.

Nếu thế hệ các nhà lãnh đạo vào Đảng “trước Cách mạng” rời khỏi chức vụ trong Đại hội VIII, Nguyễn Hà Phan chắc chắn trở thành người kế cận có nhiều tiềm năng nhất. Điều này có thể trở thành niềm tự hào của các đảng viên miền Nam nếu như ông Nguyễn Hà Phan không trở thành một trong những ngọn cờ tiên phong chống lại ông Võ Văn Kiệt.

Năm 1991, khi được đưa từ Hậu Giang ra Hà Nội, với cách ăn nói khéo léo và với một bề ngoài toát lên quan điểm lập trường: thường xuyên mặc những bộ đồ ba túi màu xanh xám, chân đi dép sandal, tóc tai bờ phờ “thâu đêm lo việc nước”, ông Nguyễn Hà Phan được đưa vào Ban Bí thư, giữ chức trưởng Ban Kinh tế Trung ương Tại Đại hội VII. Tháng 7-1992 ông Phan được giao thêm chức phó chủ tịch Quốc hội. Như một người tiên phong bảo vệ thành trì xã hội chủ



nghĩa, cứng nhắc cả trong các chính sách kinh tế và trong các chủ trương đối ngoại, Nguyễn Hà Phan nhanh chóng làm hài lòng cả ông Đỗ Mười và ông Lê Đức Anh.

Khi còn là một nhà lãnh đạo địa phương, Nguyễn Hà Phan là một người năng động. Trước Đại hội VII (1991), theo ông Phan Văn Khải: “Khi dự thảo Luật Đất đai được đưa xuống Long An lấy ý kiến lãnh đạo các tỉnh miền Tây, Nguyễn Hà Phan khi ấy đang là bí thư Hậu Giang, ủng hộ chính sách đa sở hữu đất đai, công nhận quyền tư hữu về ruộng đất. Nhưng khi ra Hà Nội, vào Ban Bí thư, ông lập tức theo quan điểm của ông Đỗ Mười, chống tư nhân hóa đất đai và trở thành một trong những người lớn tiếng bảo vệ sở hữu toàn dân”.

Đặc biệt, Nguyễn Hà Phan luôn “sát cánh” bên cạnh nhà lý luận Đào Duy Tùng, phê phán thị trường, phê phán chính phủ nông chiều đầu tư nước ngoài, nông chiều tư nhân và các thành phần kinh tế, xem nhẹ vai trò quốc doanh. Những cải cách kinh tế theo hướng thị trường của Chính phủ bị coi là có “nguy cơ chệch hướng”. Theo ông Phan Văn Khải: “Trước Hội nghị giữa nhiệm kỳ, Nguyễn Hà Phan đưa ra một bản thống kê mười sáu điểm chệch hướng của Chính phủ”. Tháng 1-1994, trong hội nghị đó, Nguyễn Hà Phan được đưa vào Bộ Chính trị cùng với Lê Khả Phiêu, Nguyễn Mạnh Cầm.

Trong Bộ Chính trị, không chỉ có các tướng lĩnh nhân danh an ninh quốc phòng để ngăn cản một số dự án đầu tư nước ngoài. Điều mà ông Võ Văn Kiệt và nhiều thành viên Chính phủ cảm thấy khó chịu là, người nhiệt tình ủng hộ Tướng Lê Đức Anh nhất trong vấn đề này lại là một nhân vật được ông Kiệt cất nhắc từ miền Nam: ông Nguyễn Hà

Phan.

Theo Bộ trưởng Kế hoạch Đầu tư Trần Xuân Giá: Đầu thập niên 1990, Chính phủ chọn BHP làm đối tác thăm dò dầu ở mỏ Đại Hùng. Khi thông qua Bộ Chính trị, sau khi nghe ông Đậu Ngọc Xuân, Chủ tịch Hội đồng thẩm định các dự án Quốc gia trình bày, Nguyễn Hà Phan đứng dậy nói: “Đồng bào miền Nam chắc chắn không một ai đồng tình chọn Úc làm đối tác khai thác dầu khí vì bọn Úc đã từng đưa quân vào tàn sát đồng bào ta”. Ông Đậu Ngọc Xuân phân tích: “Căn cứ vào công nghệ thì công nghệ Úc là tiên tiến. Trong các nước phương Tây chỉ có Úc chịu đầu tư còn các nước khác sợ cấm vận Mỹ”. Ông Võ Văn Kiệt liền đứng dậy: “Nếu nói như Sáu Phan thì tôi đề nghị Bộ Chính trị nên chọn Lào đầu tư. Mỹ là kẻ thù mới đánh ta; Pháp đô hộ 80 năm; Nhật khiến cho 2 triệu người chết đói; Úc, Hàn theo Mỹ mang quân sang... Không có nước nào có công nghệ tốt lại không có dính líu vào một ‘tội ác’ nào đó”.

Ông Nguyễn Hà Phan thừa nhận: “Tôi còn phản đối nhiều quyết định đầu tư vi phạm an ninh quốc gia khác của Chính phủ. Sân bay Nội Bài, Chính phủ quyết định cho Malaysia đầu tư, họ đã bỏ vô 2 triệu USD nhưng tôi thấy không thể để cho nước ngoài đầu tư ở cửa ngõ Thủ đô như thế tôi phản đối. May mà ông Kiệt có quan hệ tốt với Thủ tướng Mahathia nên họ không phạt. Tôi cũng phản đối việc ông Kiệt cho phép Singapore đầu tư vào khu Ba Đình, xây dựng lại khu Nhà khách Chính phủ, 37 Hùng Vương, và Nhà khách Trung ương, số 8 Chu Văn An”.

Đặc biệt, Nguyễn Hà Phan rất được “ông cố vấn” Nguyễn

Văn Linh và Trưởng ban Tổ chức Lê Phước Thọ ủng hộ. Theo ông Nguyễn Đình Hương: “Ông Linh muốn Nguyễn Hà Phan thay ông Kiệt làm thủ tướng”. Theo ông Đặng Văn Thượng, ông Cố vấn Nguyễn Văn Linh trực tiếp phổ biến với các cán bộ chủ chốt ở miền Tây: “Kỳ này, anh Sáu Phan, ủy viên Bộ Chính trị, sẽ được cử lên thay anh Sáu Dân, vì anh Sáu Phan có lịch sử chính trị suôn sẻ, tận tụy vô tư, sẽ giúp cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh hơn”<sup>464</sup>. Ông Đặng Văn Thượng viết tiếp: “Anh Sáu! Tôi đã dám viết và ký tên tức là tôi dám chịu trách nhiệm về những thông tin ấy. Có lẽ vì quá buồn chán tình đời ‘sớm nắng chiều mưa’ - Tôi hiểu trong Đảng còn nhiều người hết sức tốt, nhưng cũng không thiếu những kẻ trở cờ, trở rất nhanh, đồ tội cũng rất khéo. Có anh bây giờ nói ra câu nào cũng có anh Sáu nhưng không phải Sáu Dân, Sáu Khải đâu nghe”<sup>465</sup>.

Việc tạo dư luận cho Nguyễn Hà Phan không chỉ được tiến hành ở Nam Bộ. Hai tuần trước đó, ngày 7-8-1995, từ Hà Nội, ông Trần Văn Hiến, ủy viên Trung ương Đảng Khóa IV cũng đã viết thư gửi Bộ Chính trị, đề nghị: “Anh Đỗ Mười có thể ở lại thêm một nửa nhiệm kỳ ở chức tổng bí thư nhưng cũng với điều kiện để anh Sáu Phan làm bí thư trực thứ nhất trong Ban Bí thư nhằm khi anh Đỗ Mười nghỉ thì có người thay thế”. Nhưng điều mà ông Nguyễn Hà Phan “gặt” được sau những vận động chính trị này không phải là chức tổng bí thư hay thủ tướng mà là phản ứng của những người biết rõ quá khứ của ông.

Theo ông Nguyễn Đình Hương: “Chỉ còn mấy tháng nữa là đại hội, tự nhiên có hàng loạt đơn thư, tố cáo Nguyễn Hà

Phan đã từng khai báo nghiêm trọng và khi ra tù nhận làm nội gián cho địch”. Khi đưa Nguyễn Hà Phan vào Bộ Chính trị, không phải ông Đỗ Mười không biết chuyện ông Nguyễn Hà Phan từng khai báo trong tù, nhưng khi ấy, do ủng hộ ông Phan, ông Mười chủ trương “không đào bới quá khứ”. Nhưng rồi, theo ông Nguyễn Đình Hương, những lá thư nêu các dẫn chứng thuyết phục đến nỗi làm cho các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh sợ, dù cả hai đều thích Sáu Phan.

Ông Nguyễn Đình Hương nói: “Ông Đỗ Mười bắt buộc phải đồng ý cho thẩm tra, ông Lê Đức Anh cũng bắt buộc phải đồng ý. Riêng cố vấn Nguyễn Văn Linh không đồng ý. Ông Mười tính giao cho Bộ trưởng Nội vụ Bùi Thiện Ngộ đi thẩm tra nhưng ông Ngộ từ chối. Ông Mười gọi tôi lên, tôi nói, gần đại hội quá rồi. Ông Mười nói phải làm. Tôi bảo, nếu anh giao cho tôi anh phải giao bằng văn bản. Ông Mười cho văn bản. Anh Bùi Thiện Ngộ tuy chối nhưng trong quá trình làm lại giúp tôi rất nhiều. Ông Kiệt thì nói ngắn: Anh cứ làm. Không có ông Kiệt thì tôi không làm được”.

Ông Nguyễn Đình Hương kể: “Trước khi vào Nam tôi hỏi ông Lê Phước Thọ có biết gì về trường hợp của Nguyễn Hà Phan không. Tuy đã từng là cấp trên của ông Phan từ trong chiến tranh nhưng ông Lê Phước Thọ nói không biết. Tôi bay vào Sài Gòn. Biết tôi ở T78, ông Nguyễn Văn Linh cho gọi tới nhà. Tôi đến, mặt ông hăm hăm: ‘Đồng chí vào lâu chưa? Làm gì?’. Tôi bảo: ‘Chúng tôi vào có hai việc: gặt lại các đồng chí Trung ương Cục xác minh lại câu chuyện ai viết Nghị quyết 15; xác minh các đơn thư tố cáo đồng chí Nguyễn Hà Phan’. Ngay lập tức, ông Linh mắng: ‘Cậu không

xứng đáng làm trưởng Ban Bảo vệ Đảng'. Thái độ của ông Linh làm chúng tôi và cả người giúp việc của ông, cùng sửng sờ. Tôi đứng dậy nói: 'Tôi vào đây theo sự phân công của Bộ Chính trị, có ấn kiểm tổng bí thư giao, nếu anh thấy không xứng đáng thì đề nghị anh có ý kiến với Bộ Chính trị'. Rồi, tôi bỏ ra về".

Ông Hương kể tiếp: "Cuộc tìm kiếm phức tạp hơn tôi tưởng. Trước khi vào Nam, tôi yêu cầu Bộ trưởng Nội vụ Bùi Thiện Ngô ra lệnh cho bên tàng thư hỗ trợ. Tuy nhiên, cơ quan này lưu giữ tới hơn hai triệu tàng thư, một số lại bị đốt trong những ngày tranh tối tranh sáng sau 30-4-1975. Tôi nghĩ thật khó mà tìm được. Nhưng, ông Kiệt nói: 'Tôi sẽ tìm thầy lang giỏi cho anh'. 'Thầy Lang' mà ông Kiệt nói là một vị đại tá lớn tuổi, trước ở Quân khu IX. Tôi nhớ khi Nguyễn Hà Phan vừa vào Ban Bí thư, vị đại tá này đã viết thư cho tôi: 'Chú làm bảo vệ Đảng, chú chú ý, Nguyễn Hà Phan còn định leo cao đấy'. Một người nữa cũng biết khá rõ Sáu Phan là ông Nguyễn Văn Hớn, Bí thư An Giang".

Ông Nguyễn Hà Phan bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt vào tháng 12-1958, khi đang là tỉnh ủy viên Sóc Trăng. Ông Phan thừa nhận: "Tôi bị bắt sau khi cả bí thư và phó bí thư Tỉnh ủy đầu hàng, khai ra. Những gì nó khai rồi, không chối được thì mình cũng khai. Lúc kiểm điểm mình đã nói hết. Lỗi thì có lỗi nhưng thử hỏi có ai bị bắt mà không khai. Năm 1964, sau khi ra tù, Đảng đã kiểm thảo và thử thách tôi ba tháng. Từ đó ở đâu khó khăn nhất là lại cử tôi đi. Khi được giới thiệu vô Trung ương, khóa VI, tôi nói, cứ để tôi ở địa phương. Nhưng, ông Vũ Đình Liệu nói: 'Mày phải ra'. Năm 1986, chính ông Kiệt rút tôi ra làm phó chủ nhiệm Ủy ban

Kế hoạch, đến năm 1988, khi xảy ra biểu tình ở Nông trường Sông Hậu, ông Linh bắt tôi quay về. Có lẽ chuyện của tôi xuất phát ở chỗ hay góp ý, có lần ông Sáu (Kiệt) nghe có vẻ không vui. Sau đó, ông Vũ Đình Liệu vào mượn hồ sơ trong tù của tôi rồi in ra”.

Đây chỉ là cách nói nhằm kịch tính hóa tình huống bị truất phế của ông Phan. Cho dù biết rõ quá khứ nhưng khi thấy Nguyễn Hà Phan “lập công chuộc tội” chính những người như ông Nguyễn Văn Hớn, Vũ Đình Liệu vẫn cất nhắc ông. Nhưng, khi ông Phan phê phán ông Võ Văn Kiệt đi chệch hướng thì họ không ngồi yên nữa. Ông Nguyễn Văn Hớn tuyên bố: “Thằng ấy là cái gì mà đánh Võ Văn Kiệt. Tụi tao sẽ cho nó biết”. Trên thực tế, theo những gì mà Ban Bảo vệ Trung ương Đảng thu thập được, câu chuyện khai báo của ông Nguyễn Hà Phan phức tạp hơn điều ông nói trên đây rất nhiều.

Ông Nguyễn Đình Hương kể: “Chúng tôi phải lục tìm từ hàng triệu tài liệu trong tàng thư. Điều này vô cùng khó khăn vì Sáu Phan sinh ra ở Bến Tre, hoạt động địch vận ở Sóc Trăng và bị bắt ở đây. Tên khai sinh của ông không phải là Nguyễn Hà Phan, còn hồ sơ trong tù lại ghi là Phạm Khoa. Sau năm 1975, ta có thu được hồ sơ nhưng ông Mười Kỳ, bí thư Bến Tre, để thất lạc mất. Trong quá trình bị bắt, ông bị đưa ra bốn, năm nhà tù của chế độ Sài Gòn. Khi ra tù, ông viết một bản tự kiểm, khai đã đấu tranh bất khuất, có nhiều thành tích trong tù. Sau giải phóng, ông tiếp tục báo cáo thái độ trong thời gian ở tù tốt. Khi giới thiệu ứng cử Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, ông được 100% phiếu tín

nhiệm. Trong hai nội dung tố cáo, không có cơ sở để nói Nguyễn Hà Phan được địch cài lại làm nội gián; tôi chỉ chứng minh được, trong tù, Sáu Phan khai báo nghiêm trọng, những người được ông xây dựng cơ sở trong lòng địch đều bị ông khai ra và sau đó bị địch giết sạch”.

Ông Nguyễn Đình Hương mang hồ sơ tìm được ra Hà Nội. Ông Hương nói: “Tôi chỉ có hai ngày làm báo cáo để trình bày trước Bộ Chính trị. Khi họp nghe báo cáo về vụ Nguyễn Hà Phan, Bộ Chính trị mời cả hai ông cố vấn Phạm Văn Đồng và Nguyễn Văn Linh. Tôi trình bày chi tiết, kể cả những bút tích của Nguyễn Hà Phan. Sau khi nói suốt hai giờ, tôi đề nghị ông Phan có mặt, muốn bảo vệ gì thì bảo vệ. Ông Nguyễn Hà Phan xin lỗi về những điều mình đã làm. Ông Nguyễn Văn Linh im lặng”. Theo ông Lê Khả Phiêu, Bộ Chính trị chỉ đề nghị cách chức Nguyễn Hà Phan chứ không khai trừ. Nhưng, ngay sau hội nghị Bộ Chính trị, hồ sơ về ông Nguyễn Hà Phan đã được lặng lẽ đưa tới tay các ủy viên Trung ương Đảng.

Ông Nguyễn Thái Nguyên kể: “Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Lê Xuân Trinh gọi tôi lên nói: Sáu Hớn (Nguyễn Văn Hớn) bảo ta có trách nhiệm phát tài liệu cho các ủy viên Trung ương từ Bình Thuận trở ra, phần Nam Bộ ông ấy lo. Tôi nhận các tập hồ sơ từ tay ông Lê Xuân Trinh, gửi ai, đã được ông Sáu Hớn ghi rõ”. Ngày 17-4-1996, chỉ trong vòng một buổi sáng, Trung ương họp biểu quyết khai trừ Nguyễn Hà Phan ra khỏi Đảng.

Ngay sau phiên họp Trung ương, Nguyễn Hà Phan chỉ có vài ngày để thu xếp hành lý. Ông gần như bị trục xuất khỏi Thủ đô và đưa ngay về Cần Thơ cho dù lúc đó ông vẫn còn

là phó chủ tịch Quốc hội. Hành tung của ông Phan ở quê tiếp tục bị các nhà cách mạng lão thành theo dõi và nhiều người tỏ ra không hài lòng khi ông Phan không bị đối xử như tội phạm<sup>466</sup>.

### **Tam nhân tại vị**

Từ ngày 3 đến ngày 9-6-1996, Trung ương tái nhóm họp để bàn về nhân sự. Tại hội nghị mà về sau ngôn từ nội bộ gọi là "Trung ương 11b", Ban Nhân sự đã đưa bốn phương án về "ba đồng chí lãnh đạo chủ chốt" - Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt - ra Trung ương thăm dò. Kết quả, Trung ương đã không bỏ phiếu cho ba ông ở lại nhưng cũng không đủ phiếu để mời ba ông về làm cố vấn.

Phương án "cả ba đồng chí ở lại Bộ Chính trị" chỉ được 35 phiếu đạt 22,01%. Phương án "hai đồng chí ở lại Bộ Chính trị" được 11 phiếu, 6,9%. Phương án "một đồng chí ở lại Bộ Chính trị" được 68 phiếu, 42,76%. Còn phương án "cả ba đồng chí đều không tái cử Bộ Chính trị, làm cố vấn", được 38 phiếu, 23,89%. Chỉ còn chưa đầy ba tuần là đại hội mà nhân sự chủ chốt vẫn rất mơ hồ. Trong lời bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, Tổng Bí thư Đỗ Mười nói: "Về danh sách giới thiệu Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, nếu có vấn đề mới, đến Hội nghị Trung ương 12, Bộ Chính trị sẽ báo cáo xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương"<sup>467</sup>.

Hơn hai tuần trước khi Đại hội VIII bắt đầu, vấn đề nhân sự vẫn còn chưa có gì rõ ràng. "Cách mạng lão thành" lại viết thư góp ý. Phương án không để những uỷ viên Trung ương đã đến tuổi sáu mươi lăm tái cử bị một số người phản



đối. Thư đề ngày 12-6-1996 của ông Trần Lâm viết: “Đồng chí Đỗ Mười tiếp tục làm tổng bí thư ở độ tuổi tám mươi, mà gạt bỏ hết những ủy viên Trung ương ở tuổi sáu lăm thì khoảng cách về tuổi giữa tổng bí thư và các đồng chí khác trong Bộ Chính trị và Ban Chấp hành TW sẽ là mười sáu tuổi trở lên đến vài ba chục tuổi. Như vậy tổng bí thư sẽ dễ được coi như cha chú, như lãnh tụ”. Ông Trần Lâm ủng hộ việc “kiểm người thay thế Chủ tịch nước Lê Đức Anh” trong khi phê phán ông Đỗ Mười: “Trong vấn đề chuẩn bị nhân sự này đồng chí (Đỗ Mười) tỏ ra nể nang, chịu sức ép của một số người muốn gạt anh Võ Văn Kiệt vì định kiến hoặc vì chủ nghĩa cá nhân mờ ý chí sáng suốt”.

Ngày 19-6-1996, tại Hội nghị Trung ương 12, khi đọc “Báo cáo về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 11”, Tổng Bí thư Đỗ Mười nói: “Xin đề nghị đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp tục tham gia Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị khóa VIII... Xin đề nghị thêm hai đồng chí nữa là đồng chí Đoàn Khuê và đồng chí Nguyễn Đức Bình tái cử Trung ương và Bộ Chính trị khóa VIII”. Tuy bị một số ủy viên phản ứng<sup>468</sup> nhưng Trung ương vẫn biểu quyết thuận đề nghị này của ông Đỗ Mười<sup>469</sup>. Chiều ngày 19-6-1996, Tổng Bí thư Đỗ Mười trấn an: “Chúng tôi - Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh - đã nhiều tuổi, tư tưởng của chúng tôi là muốn chuẩn bị tốt nhân sự cho khóa VIII, tốt nhất là đến Quốc hội khóa X có thể thay thế nhân sự chủ chốt, nhất là chức tổng bí thư. Thay thế đồng chí tổng bí thư là một vấn đề lớn. Chúng ta cần có thời gian chuẩn bị để thay thế các vị trí chủ chốt và nếu tìm được thì sẽ thay thế ngay, lúc đó chúng tôi sẵn sàng lui về tuyến hai”.

Cũng trong buổi chiều 19-6-1996, theo bản Tổng hợp ý kiến thảo luận tổ: “Nhiều ý kiến nhấn mạnh các đồng chí trên chỉ nên ở trong Trung ương và Bộ Chính trị đến hết nhiệm kỳ quốc hội (tháng 7-1997) rồi rút, phải kiên quyết chuẩn bị người đến lúc đó thay thế. Có ý kiến chức vụ tổng bí thư cũng nên như vậy. Bộ chính trị nói các đồng chí sẽ rút dần nhưng không rõ có thời hạn không. Ba đồng chí chủ chốt đều cao tuổi mà ở lại cả nhiệm kỳ thì không hay, nhưng có cơ sở gì đảm bảo các đồng chí rút dần hay bầu rồi là ở cả nhiệm kỳ?”<sup>470</sup>. Một số ý kiến cho rằng: “Bộ Chính trị nói phương án Trung ương 11 làm lòng dân không yên là không có cơ sở. Chính phương án ba đồng chí ở lại cả dân mới không yên lòng vì thấy lãnh đạo cao tuổi mà không chuẩn bị được người thay”<sup>471</sup>.

Đoàn Khuê và Trần Đức Lương cùng được dự kiến làm chủ tịch nước. Tháng 5-1996, Đoàn Khuê thăm Pháp với tư cách là bộ trưởng quốc phòng, theo ông Nguyễn Văn An: “Gặp Tổng thống Jacques Chirac, ông Đoàn Khuê nói: tôi rất vui mừng tới đây được đón ngài tại Hà Nội. Cố vấn Phạm Văn Đồng nghe hỏi: Đoàn Khuê nói thế với tư cách gì”. Trong một chuyến thăm Nhật, Phó Thủ tướng Trần Đức Lương cũng nói ngụ ý rằng tới đây, Việt Nam sẽ có thay đổi lớn về nhân sự. Nhằm tìm người thay thế mình ở cương vị tổng bí thư, Đỗ Mười đã đưa ra “bốn phương án” thăm dò, gồm Đào Duy Tùng, Lê Xuân Tùng, Đặng Xuân Kỳ và Lê Khả Phiêu.

Cách làm này bị một số cán bộ lão thành phê phán: “Việc đưa ra hội nghị trung ương vừa qua ba bốn phương án để lấy biểu quyết tín nhiệm tổng bí thư, thủ tướng và chủ tịch

nước, không phải là biểu hiện của phong cách làm việc dân chủ, tập thể, mà nó chỉ là biểu hiện sự không đồng nhất trong Bộ Chính trị và của sự thiếu quyết đoán (sự quyết đoán cần thiết) của tổng bí thư trong tình huống hết sức phức tạp này"<sup>472</sup>. Không phải ai cũng thực sự hiểu được chiến thuật nhân sự của ông Đỗ Mười. Theo ông Nguyễn Văn An: "Ông Đỗ Mười đưa ra bốn người là rất có kỹ thuật để tranh thủ các lực lượng. Dù thật, dù giả, ai thấy tổng bí thư đưa mình vào danh sách kế vị cũng đều hài lòng. Đây là nghệ thuật chính trị của anh ấy".

Trước Đại hội một tháng, ứng cử viên Đào Duy Tùng bắt đầu ở trong tình trạng hôn mê sâu. Còn về ứng cử viên Đặng Xuân Kỳ, ông An nói: "Ông Đỗ Mười không có ý tiến cử mà chỉ là điệu hồ li sơn. Ông Mười muốn đưa Đặng Xuân Kỳ ra khỏi trung tâm lý luận của Đảng. Ở chỗ rộng, ông Mười nói ông giới thiệu nhưng ông Kỳ xin rút, thực ra ông Kỳ không hề xin rút. Ở chỗ hẹp, ông đánh giá Đặng Xuân Kỳ rất nặng nề về quan điểm". Danh sách bốn chỉ còn lại hai, theo ông Nguyễn Văn An: "Ông Lê Xuân Tùng thì sức khỏe kém chỉ còn lại ông Lê Khả Phiêu".

Nhiều phương án thì phân tán phiếu. Qua thăm dò, không có ứng cử viên nào hội đủ số phiếu tín nhiệm để thay thế Tổng Bí thư Đỗ Mười. Ông Mười, tám mươi tuổi, như ông Trần Lâm viết, cũng không tiện ngồi lại một mình. Kết quả: Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Đoàn Khuê, Nguyễn Đức Bình tiếp tục tại vị; chỉ một số ủy viên Bộ Chính trị trên bảy mươi tuổi như Lê Phước Thọ, Vũ Oanh, Bùi Thiện Ngộ là nghỉ như đề nghị của ba ông cố vấn.

## **Sức khỏe Trung ương**

Trước Đại hội VIII, ứng cử viên sáng giá cho chức Bộ trưởng Ngoại giao, ông Lê Mai, bị mất đột ngột; ngay sau bầu cử, một tân ủy viên Bộ Chính trị, ông Nguyễn Đình Tứ, cũng đột tử trước khi nhận chức<sup>473</sup>. Cái chết của ông Tứ đã làm thay đổi chút ít phương thức tiến hành đại hội. Cho dù quy trình nhân sự vẫn được làm kỹ trong thời gian trù bị, nhưng từ Đại hội IX, chỉ khi đại hội chính thức khai mạc việc bỏ phiếu mới được tiến hành. Ngoài hai trường hợp chết bất ngờ này, chuyện sức khỏe Trung ương trước và sau Đại hội VIII cũng diễn ra đầy kịch tính.

Chỉ mấy tháng sau Đại hội, Tướng Lê Đức Anh bị đột quy. Ông bị xuất huyết não khá nặng. Thông tin về bệnh tình của Tướng Anh được giữ kín tuyệt đối. Hơn ba tháng sau, khi bắt đầu hồi phục, bằng một ý chí tại vị sắt đá, Tướng Lê Đức Anh quyết định vẫn xuất hiện trên truyền hình và đài phát thanh đọc lời chúc mừng năm mới.

Giám đốc Quân y viện 108, Bác sỹ Vũ Bằng Đình, nói: “Chúng tôi phải hộ tống ông từ bệnh viện ra phòng thu. Ông kính chỉ quay nửa người nên dân chúng không biết ông vẫn ngồi trên giường bệnh. Các bác sỹ nấp phía sau sẵn sàng cấp cứu”. Theo Bác sỹ Vũ Bằng Đình, sau khi đọc xong lời chúc năm mới, ông Lê Đức Anh về nhà, từ đây, ông được một ê-kip bác sỹ người Trung Quốc trực tiếp chăm sóc trong giai đoạn hồi phục. Các bác sỹ Việt Nam hoàn toàn không biết phác đồ điều trị mà các bác sỹ Trung Quốc dùng cho Tướng Lê Đức Anh.

Người Trung Quốc còn nắm giữ không ít bí mật về sức

khỏe của các nhà lãnh đạo Việt Nam. Giữa thập niên 1990, thỉnh thoảng, bị cánh nhà báo chặn lại khi vừa bước từ toilet ra, Tổng Bí thư Đỗ Mười, với quần quên kéo khóa, leo lên chiếc bàn nước nhỏ đặt phía sau Hội trường Ba Đình, ngồi xếp bằng vui vẻ chuyện trò với dân báo chí. Nhiều khi cao hứng, ông nói: “Tôi đã từng bị thần kinh đấy”. Không phải ông nói đùa, theo ông Nguyễn Văn Trân, Bí thư Trung ương Đảng khóa III, người từng hoạt động với ông, có thời gian ông Đỗ Mười bị bệnh thần kinh, gần như không thể làm việc, có lúc lên cơn, ông phải dùng một cây gậy múa cho hạ nhiệt, có lúc người ta thấy ông Đỗ Mười một mình leo lên cây... Năm 1963, ông đã phải đi Trung Quốc chữa bệnh tới mấy năm mới về Việt Nam làm việc<sup>474</sup>.

Từ trước Đại hội VIII, khi công việc cơ cấu nhân sự bắt đầu, theo ông Nguyễn Văn An, người có trách nhiệm nắm hồ sơ các nhà lãnh đạo, kể cả các hồ sơ về sức khỏe, trong Bộ Chính trị xuất hiện một số “ông giấu bệnh”. Ông Lê Xuân Tùng, sau khi bị tai biến, một chân gần như bị liệt vẫn khẳng định là đang rất khỏe. Ông Lê Minh Hương giấu bệnh tiểu đường nặng. Ông Đoàn Khuê giấu bị ung thư hạch. Ông Đào Duy Tùng bị ung thư nhưng vẫn bám giữ chức Trưởng Ban Văn kiện của Đại hội cho đến khi bị tế bào ung thư lan lên não.

Tổ trưởng Tổ Biên tập Văn kiện Hà Đăng kể: “Trong nhiều cuộc họp, cả trong một vài cuộc tiếp xúc, thấy anh (Đào Duy Tùng) có những lúc lim dim, chừng như lơ đãng... Sau Hội nghị Trung ương 10, Tổ Biên tập Văn kiện chúng tôi họp lại trên cơ sở tiếp thu những ý kiến của Trung ương, sửa chữa lần cuối bản Dự thảo Báo cáo chính trị. Tôi thay mặt

Tổ trình bày nội dung và cách sửa. Anh vẫn lim dim. Và khi tôi trình bày xong, anh đặt một vài câu hỏi, lại chính là những điều tôi vừa nói"<sup>475</sup>. Tháng 5-1996, "ứng cử viên tổng bí thư" Đào Duy Tùng xuống Hải Phòng dự đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố, đang phát biểu thì bị đột quỵ rồi từ đó, như đã nói, ở trong tình trạng hôn mê sâu cho đến khi qua đời<sup>476</sup>.

Tuy vẫn giữ nguyên chức vụ, nhưng ở Đại hội VIII, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt đều mất phiếu rất nhiều vì lớn tuổi. Cả ba ông chỉ đắc cử với số phiếu đứng áp chót trong Ban Chấp hành Trung ương. Theo ông Nguyễn Đình Hương: "Cả ba đều thấy xu thế của Đại hội nên đẩy nhanh quy trình chuyển giao". Tháng 4-1997, khi chuẩn bị nhân sự cho Quốc hội khóa X, Bộ Chính trị quyết định cả ba ông sẽ không tiếp tục ra ứng cử<sup>477</sup>. Công tác nhân sự vẫn diễn ra với nhiều kịch tính trong giai đoạn tìm người kế vị này.

Ông Nguyễn Văn An nói: "Ông Đỗ Mười muốn ông Lê Khả Phiêu thay thế mình. Ông Mười muốn có ảnh hưởng với quân đội. Về già ông ấy vẫn muốn tiếng nói của mình có trọng lượng. Nhưng uy tín của ông Lê Khả Phiêu trong quân đội rất thấp". Ông Lê Khả Phiêu giải thích: "Khi sang chủ trì họp Quân ủy Trung ương, anh Đỗ Mười mấy lần nhấn mạnh sự ủng hộ tôi. Đối với anh Mười, có ba thành phần cán bộ mà anh nhiệt tình ủng hộ và cất nhắc: một là con cái gia đình cán bộ, hai là xuất thân từ giai cấp công nhân, ba là đã kinh qua chiến đấu. Lúc ấy, trong Quân ủy, ai cũng biết tôi là người ở lâu nhất trong các chiến trường chống Pháp, chống Mỹ, chống Khmer Đỏ. Mãi tới năm 1991, tôi mới thực

sự rời khỏi chiến trường Campuchia”.

Theo ông Lê Khả Phiêu thì việc ông trở thành ủy viên thường vụ Thường trực Bộ Chính trị diễn ra khá thuận lợi. Ông Phiêu nói: “Khi anh Đào Duy Tùng còn, anh Đỗ Mười đã nói tôi qua cùng trực Bộ Chính trị. Làm thường trực thì anh Lê Đức Anh đồng ý nhưng làm tổng bí thư thì lúc đầu anh ấy hơi ngại. Trong thâm tâm, anh Lê Đức Anh vẫn muốn làm tổng bí thư. Có lần anh nói tôi sang làm thủ tướng”. Nhưng mối quan hệ Lê Khả Phiêu - Lê Đức Anh phức tạp hơn những gì ông Lê Khả Phiêu nói này<sup>478</sup>.

Theo ông Nguyễn Văn An, ông Đỗ Mười cử ông sang làm việc với quân đội hai lần để đưa ông Phiêu sang Thường trực, cả hai lần đều bị ông Lê Đức Anh và Đoàn Khuê trả lời “không đi được” vì “quân đội đang rất cần đồng chí Lê Khả Phiêu nắm Tổng cục Chính trị”. Ông Nguyễn Văn An nói: “Có vấn đề đằng sau. Ông Lê Đức Anh đang muốn đưa Đoàn Khuê lên giữ chức chủ tịch nước. Nhưng nếu ông Đoàn Khuê đã chủ tịch nước thì làm sao ông Lê Khả Phiêu có thể làm tổng bí thư. Tôi nói với ông Đỗ Mười, nếu anh thực sự muốn xây dựng anh Lê Khả Phiêu thì nên sớm có quyết định. Ông Mười quyết định và cử tôi sang gặp lần thứ ba. Ông Lê Đức Anh đồng ý để ông Lê Khả Phiêu đi nhưng vẫn giữ ý kiến sẽ đưa Đoàn Khuê lên làm chủ tịch nước. Tôi nghĩ, thời bình mà chính quyền để hai ông tướng nắm thì coi sao được”.

Theo ông Nguyễn Văn Nam, thư ký của ông Đỗ Mười: “Khi Lê Đức Anh giới thiệu Đoàn Khuê, Bộ Chính trị họp mấy ngày. Ông Mười về hỏi chúng tôi: Đoàn Khuê làm chủ tịch được không? Tôi nói: anh định đưa ông tướng thứ hai lên nữa à? Ông Kiệt bằng tuổi Đoàn Khuê, các anh ép ông ấy

ngỉ. Người giỏi thì không để, lại để một ông tướng ham chức ham quyền”.

Ông Nguyễn Văn An kể: “Khi chuẩn bị nhân sự chủ chốt, ông Lê Đức Anh vẫn giới thiệu Đoàn Khuê làm chủ tịch nước và Thường vụ không có ai phản đối. Tôi gặp anh Đỗ Mười nói Đoàn Khuê bị ung thư đấy, anh Mười nói: Đoàn Khuê nói với tao, uống tam thất nó tan hết rồi mà. Đoàn Khuê còn vạch bụng cho tao xem. Tôi bảo: thưa anh, theo chuyên môn thì đấy là khối u nó chạy chứ không phải tan đâu ạ”.

Theo Giáo sư Vũ Bằng Đình, viện trưởng Quân y 108 kiêm phó chủ tịch Hội đồng Bảo vệ sức khỏe Trung ương: “Chúng tôi phát hiện Đoàn Khuê bị ung thư hạch rất sớm. Sau khi bí mật hội chẩn trên cơ sở các mẫu xét nghiệm mà không cho biết là của ai, tất cả các chuyên gia trong nước đều khẳng định đấy là ung thư hạch. Tôi đích thân trên dưới mười lần đến thăm ông vào bệnh viện. Biết khi ấy ông Lê Đức Anh đang giới thiệu Đoàn Khuê kế vị, tôi trấn an ông: nếu anh đồng ý để chúng tôi chữa trị kịp thời thì anh không những có thể sống thêm một thời gian dài mà còn có sức khỏe để đảm đương những nhiệm vụ quan trọng hơn. Nhưng ông Đoàn Khuê vẫn phủ nhận kết quả hội chẩn và chỉ thị cho tôi phải báo cáo Hội đồng Bảo vệ sức khỏe Trung ương là ông chỉ bị viêm hạch”.

Trước khi Quốc hội khóa IX nhóm họp để chuẩn bị nhân sự cao cấp, theo Đại tá Vũ Bằng Đình, Tướng Lê Khả Phiêu, với tư cách là ủy viên thường vụ Thường trực Bộ Chính trị, cùng với Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Nguyễn Văn An yêu cầu Viện 108 báo cáo sức khỏe của cả hai vị tướng Lê



Đức Anh và Đoàn Khuê. Ông Đình nói: "Tôi và bác sỹ Nguyễn Thế Khánh cùng ký vào bệnh án, bí mật báo cáo lên Bộ Chính trị".

Theo ông Nguyễn Văn An: "Sau khi anh em đưa cho tôi bệnh án của Đoàn Khuê: ung thư gan giai đoạn ba, chỉ có thể kéo dài cuộc sống không quá một năm, họp Thường vụ Bộ Chính trị, tôi đưa vấn đề sức khỏe ra, ông Đoàn Khuê vẫn cãi. Tôi phải công bố bệnh án". Đoàn Khuê đập bàn tuyên bố: "Tôi là người khỏe mạnh, chúng nó phá. Tôi sẽ cho hai thằng đó nghỉ". Đại tá Vũ Bằng Đình nhớ lại: "Cả tôi và anh Lê Thi, bí thư Đảng ủy Viện 108, nhận được quyết định nghỉ ngay lập tức". Không chỉ "lỡ cơ hội" trở thành nguyên thủ quốc gia, bệnh tình Đoàn Khuê tiến triển xấu từng ngày. Cuộc sống của ông chỉ còn sáu tháng thay vì một năm như dự đoán. Ngày 16-1-1998, Tướng Đoàn Khuê chết.

Tháng 7-1997, Quốc hội khóa X khai mạc, chức chủ tịch nước được trao ông Trần Đức Lương, một người cùng quê Quảng Ngãi với ông Phạm Văn Đồng; chức thủ tướng thuộc về ông Phan Văn Khải. Từ nhiệm kỳ VII, lãnh đạo cấp cao có khuynh hướng được phân đều cho ba vùng: tổng bí thư miền Bắc, chủ tịch nước người miền Trung, thủ tướng người miền Nam.

"Tam nhân" khi ấy vẫn ở trong Thường vụ Bộ Chính trị, và ông Đỗ Mười thì vẫn còn là tổng bí thư. Tại cuộc họp Bộ Chính trị vào trung tuần tháng 12-1997, vấn đề đưa Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt ra khỏi Bộ Chính trị mới được đặt ra. Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Nguyễn Văn An báo cáo kết quả lấy phiếu thăm dò trong cán bộ chủ chốt từ cấp bộ trưởng trở lên, cho thấy có tới 80% đồng ý để cả

ba ông nghỉ. Theo ông Nguyễn Văn Nam, thư ký ông Đỗ Mười: “Họp Bộ Chính trị, ông Lê Đức Anh sợ chết không nhắm được mắt nếu ra khỏi Bộ Chính trị. Ông Anh nói không ứng cử đại biểu Quốc hội đã là một sai lầm rồi giờ ra khỏi Bộ Chính trị là một sai lầm nữa”.

Trước ngày khai mạc Hội nghị Trung ương lần thứ Tư, khóa VIII, cố vấn Võ Chí Công đề nghị ba người nên rút ra khỏi Bộ Chính trị nhưng trong ba ông không ai có một quyết định dứt khoát. Trong tình thế đó, ông Phạm Văn Đồng đã vận động ông Nguyễn Văn Linh và ông Võ Chí Công, cùng đưa ra sáng kiến cả ba từ chức cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Theo ông Lê Khả Phiêu: “Khi có thư của ba đồng chí xin Trung ương cho thôi vai trò cố vấn để giao cho các đồng chí trẻ làm, anh Đỗ Mười gọi tôi sang nói: như vậy là các cụ muốn mở đường để chúng tôi lui về”.

Chức vụ tổng bí thư lúc này coi như thuộc về ông Lê Khả Phiêu nhưng ông Đỗ Mười vẫn “dân chủ” đưa “bốn phương án” ra lấy phiếu thăm dò. Kết quả, ông Phiêu cao phiếu nhất, ông Nguyễn Văn An, người không có trong bốn phương án nay, đứng thứ hai, người thứ ba là ông Nông Đức Mạnh. Theo ông Nguyễn Văn Nam: “Nhiều người chất vấn ông Đỗ Mười, sao thời bình lại chọn tổng bí thư là một ông tướng? Ông Mười phân bua: các anh xem, tôi chọn bốn, năm người mà đều hỏng cả, chỉ còn anh Phiêu uy tín nhất”.

Ngày 31-12-1997, trong phiên bế mạc Hội nghị Trung ương 4, ông Đỗ Mười chính thức bàn giao chức tổng bí thư cho Tướng Lê Khả Phiêu. Ba ông ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương, chấp nhận giữ vai trò cố vấn.

## **Chương XXI: Định hướng xã hội chủ nghĩa**

Cho dù vẫn là quốc gia một đảng, kể từ khi chấp nhận kinh tế nhiều thành phần, về bản chất, Việt Nam không còn là quốc gia cộng sản. Thế nhưng, định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn như một "nơi trú ẩn" của đảng cầm quyền và ý thức hệ vẫn ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình ban hành chính sách. Thật khó để khẳng định, chủ nghĩa xã hội có thực sự là niềm tin của một số nhà lãnh đạo Đảng lúc bấy giờ nhưng nó đã trở thành quyền lực chính trị, ngăn chặn thành công những chính sách phát triển đất nước theo hướng kinh tế thị trường. Quan điểm lấy quốc doanh làm chủ đạo được thiết lập trong thập niên 1990 đã để lại di chứng lâu dài cho đất nước.

### **Quốc doanh chủ đạo**

Không phải ngẫu nhiên mà ở giai đoạn 1991-1995, GDP tăng bình quân 8,2%, mức tăng trưởng cao nhất so với cả thập niên sau đó<sup>535</sup>. Từ chỗ bị cấm đoán, trên nhiều lĩnh vực, Nhà nước đã để cho người dân được tự do làm ăn<sup>536</sup>. Kinh tế thị trường đã đánh thức khát vọng cơm no, áo ấm của người dân và trong giai đoạn sơ khai, các nguồn lực trong dân như những chiếc lò xo đã bung ra mạnh mẽ<sup>537</sup>. Nhưng, khi sức đàn hồi tự nhiên yếu dần, những bất cập về chính sách, luật pháp và thủ tục hành chính mới bắt đầu bộc lộ.

Đổi mới bắt đầu chững lại vào giữa thập niên 1990, và tốc độ chuyển sang kinh tế thị trường có nguy cơ dậm chân tại

chỗ. Sự sốt ruột được ông Võ Văn Kiệt thể hiện một phần trong "Thư gửi Bộ Chính trị".<sup>538</sup> Nhưng Đại hội Đảng lần thứ VIII, giữa năm 1996, từ nhân sự cho đến đường lối, đã không cung cấp được nhân tố mới nào. Theo ông Phan Văn Khải, nói là Đảng bắt đầu đổi mới từ năm 1986, nhưng trên thực tế trong suốt nhiệm kỳ VI (1986-1991), trong Đảng vẫn tranh cãi liên miên về đường đi. Chấp nhận kinh tế tư nhân vì thấy "vẫn còn cần" nhưng mỗi quan tâm chính của Đảng vẫn là kinh tế quốc doanh.

Trước khi cho phép tư nhân lập công ty, tháng 3-1989, tại Hội nghị Trung ương 6, khóa VI, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh nói: "Ban Chấp hành Trung ương đòi hỏi phải có những biện pháp mạnh mẽ, đồng bộ và thiết thực để cởi trói, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho kinh tế quốc doanh nâng cao hiệu quả kinh tế của nó, khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần". Cuối năm 1989, sau mấy tháng áp dụng các biện pháp chống lạm phát, trong đó áp dụng khá triệt để nguyên tắc tự hạch toán kinh doanh đối với các doanh nghiệp, thị trường tốt hẳn lên. Nhìn kết quả chung của toàn nền kinh tế thì đó là một thành công. Khu vực kinh tế phi nhà nước được lợi, người dân được lợi lớn. Nhưng các doanh nghiệp nhà nước thì bế tắc.

Quen được bao cấp từ cung cấp vật tư cho tới khâu tiêu thụ, nay phải tự vay vốn, tự tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm, nhiều doanh nghiệp nhà nước đứng bên bờ vực vì thiếu vốn, hàng làm ra không bán được. Than Quảng Ninh bốn năm tháng không có lương trả công nhân. Nhà máy Diesel Sông Công, Thái Nguyên, niềm tự hào của nền công

nghiệp Việt Nam, trong năm 1989 sản xuất được 5.000 đầu máy 50 mã lực nhưng chỉ bán ra được một cái.

Theo ông Nguyễn Văn Nam, thư ký của ông Đỗ Mười: “Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh bốn lần gặp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười phê phán. Giữa năm 1989, khi họp Trung ương, nghe ông Đỗ Mười báo cáo những mặt tích cực của nền kinh tế, ông Linh nói: ‘Mất chủ nghĩa xã hội tới nơi rồi còn nói thành tích’. Ông Linh đòi ông Mười phải bỏ áp dụng các biện pháp chống lạm phát áp dụng từ quý II năm 1989. Ông Mười triệu tập các chuyên gia bàn cách thi hành lệnh của Tổng Bí thư”.

Thôi áp dụng các nguyên tắc trong đề án chống lạm phát đồng nghĩa với việc từ bỏ những nguyên tắc của kinh tế thị trường, yếu tố giúp nền kinh tế vượt qua khủng hoảng. Các chuyên gia gặp nhau, hết sức lo lắng, Giáo sư Đào Xuân Sâm đề nghị: “Tôi đến tuổi rồi, có gì thì về hưu, các cậu cứ để đấy tôi nói”. Vào họp, Giáo sư Đào Xuân Sâm hỏi ông Đỗ Mười: “Anh làm thủ tướng của sáu mươi triệu dân hay chỉ là sáu triệu cán bộ quốc doanh?”. Ông Đỗ Mười nói: “Làm gì tới sáu triệu, chỉ khoảng ba, bốn triệu thôi”. Giáo sư Sâm tiếp: “Quốc hội bầu anh đứng đầu Chính phủ là để lo cho toàn dân chứ đâu phải chỉ lo cho mấy triệu công nhân quốc doanh. Một phương án đang đem lại lợi ích cho đất nước, cho nhân dân mà anh tính bỏ sao được”. Bị đặt giữa hai dòng áp lực, ông Đỗ Mười đành phải duy trì những chính sách đang phát huy hiệu quả đồng thời yêu cầu: “Các anh tìm cho tôi phương án cứu quốc doanh”.

Nhóm chuyên gia của ông Đỗ Mười bàn và đưa ra lý lẽ:

Kinh tế thị trường là thả các doanh nghiệp, trong đó có quốc doanh, ra bơi chung trong một biển hồ. Vì quốc doanh chưa biết bơi nên thả ra là chết. Ngày xưa bao cấp như những chiếc lồng ấp, nên nếu quốc doanh ngắc ngoải có thể vớt lên đưa vào lồng may ra sống lại. Nhưng nay, những chiếc lồng ấp không còn, có vớt lên bờ nó cũng chết. Nguyên tắc của doanh nghiệp là phải bơi trong thị trường. Nếu chưa biết bơi thì thả thêm phao cho nó.

Ông Nguyễn Văn Nam giải thích: “Cái phao được thả ra vào thời điểm này là vốn, toàn bộ khấu hao, Chính phủ cho các doanh nghiệp quốc doanh giữ lại. Các doanh nghiệp còn được cấp trực tiếp một khoản tiền: Than Quảng Ninh và Diesel Sông Công được cấp bốn tỷ trả lương; quốc doanh được áp dụng tín dụng ưu đãi, được vay vốn với lãi suất khoảng 6-7% thay vì 13% như thị trường”. Các ngân hàng quốc doanh lại trở về với nguyên tắc bao cấp khi phải cung cấp một lượng tín dụng rất lớn cho ngân sách có tiền chi tiêu và cho các xí nghiệp quốc doanh<sup>539</sup>.

Theo ông Nguyễn Văn Nam: “Sự trì trệ của quốc doanh bắt đầu từ chính sách này. Họ đã không dựa vào phao để học bơi mà suốt đời cứ bám vào cái phao Nhà nước. Sức bám càng ngày càng nặng dần đó là lý do mà khu vực kinh tế quốc doanh chậm đổi mới và hiệu quả của nền kinh tế thì càng ngày càng thấp”. Sự tồn tại của quốc doanh, từ đó, theo ông Trần Đức Nguyên<sup>540</sup>, “chủ yếu dựa vào những ưu ái của Nhà nước: được khai thác tài nguyên, đặc biệt là đất đai; được độc quyền trong những ngành mà Nhà nước giữ quyền chi phối; nhận được tín dụng ưu đãi theo kênh hành chính, người vay không phải chịu trách nhiệm gì”.

Những người soạn thảo “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000”<sup>541</sup>, một trong ba văn kiện chính của Đại hội Đảng lần thứ VII, tháng 6-1991, đã cố gắng đặt các khung chính trị để phát triển kinh tế nhiều thành phần, chỉ giữ quốc doanh trên những lĩnh vực mà các thành phần khác không có điều kiện hoặc không muốn đầu tư kinh doanh. Tổ phó Biên tập Chiến lược, ông Trần Đức Nguyên, thừa nhận những quan điểm này được hình thành sau chuyến đi “khảo sát kinh nghiệm phát triển kinh tế ở bốn nước châu Á”<sup>542</sup>.

Tuy ghi nhận kinh nghiệm sử dụng vai trò nhà nước trong giai đoạn đầu đối với các nước từ nông nghiệp lạc hậu đi lên<sup>543</sup>, nhưng đoàn của ông Phan Văn Khải chủ yếu tiếp thu các khuyến cáo về kinh tế quốc doanh. Ở cả bốn nước mà đoàn đi qua đều có tình trạng chung: trong cùng một ngành hoạt động, quốc doanh thường kém hiệu quả hơn tư nhân, do ít tự chủ, được ưu đãi nhưng lại bị nhà nước can thiệp sâu, nên bị động và ỷ lại.

Báo cáo chuyến khảo sát của ông Phan Văn Khải viết: “Cuối cùng chính các quốc gia này rút ra: cái gì tư nhân làm được thì để tư nhân làm; Khác với quan điểm cái gì quốc doanh không làm được mới để tư nhân làm. Cả bốn nước đều tư nhân hóa khu vực quốc doanh, nhưng vẫn giữ lại những cơ sở cần thiết như cơ sở phục vụ công cộng, cơ sở khai thác tài nguyên quan trọng như dầu mỏ, cơ sở ở những lĩnh vực tư nhân không muốn làm hoặc không đủ sức làm”<sup>544</sup>.

## **Thị trường và lập trường**

Đầu thập niên 1990, người Nga sang Việt Nam đàm phán

không nói chuyện buôn bán mà chỉ đòi nợ cũ của Liên Xô. Nền công nghiệp gia công mũ giày, may áo sơ mi, xuất sang Liên Xô, Đông Âu bắt đầu điêu đứng vì thị trường truyền thống không còn nữa. Hàng vạn công nhân thất nghiệp. Việt Nam bắt đầu phải tìm kiếm bạn hàng từ những thị trường khác.

Các doanh nghiệp phải trầy vi, tróc vảy, đi dần từng bước, từ các bạn hàng Hồng Kông, Đài Loan rồi mới nhích tới EU. Đã có biết bao công ăn, việc làm được phục hồi nhờ những bạn hàng mới đó. Nhưng do chưa quen gia công hàng cao cấp, hàng hóa cứ bị trả vì không đạt chất lượng. Khách hàng khắc phục bằng cách cử chuyên gia sang kiểm tra. Hàng hóa không còn bị trả lại nữa nhưng việc các chuyên gia tư bản ngồi trong các nhà máy quốc doanh làm cho nhiều người chạnh lòng.

Bộ trưởng Lê Văn Triết kể: "Tôi báo với ông Kiệt, ông Kiệt nói: làm với ai, làm gì mà có lợi cho đất nước thì mình cứ làm. Nhưng rồi bên Ban Bí thư nói vô nói ra, có người sợ cho tư bản kiểm tra hàng hóa của mình là mất chủ quyền, mình lệ thuộc vào nó. Có người thậm thà, thậm thụt với ông Đỗ Mười. Ở nhiều hội nghị, kể cả trong hội nghị trung ương, ông Đỗ Mười cảnh báo: Coi chừng mất định hướng, mất chủ nghĩa xã hội". Theo ông Phan Văn Khải, tết năm 1989, tuy chúc "người dân làm giàu", nhưng ông Đỗ Mười vẫn dùng ảnh hưởng của mình để bảo vệ quan điểm kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác là nền tảng.

Ông Phan Văn Khải nói: "Tôi và Thủ tướng Võ Văn Kiệt cho rằng, phải phá bằng được thế kế hoạch hóa tập trung, phải chuyển nền kinh tế từ chỗ nhà nước quyết định đến



chỗ do thị trường quyết định. Nhà nước chỉ tạo ra hành lang pháp lý còn chuyện làm giàu thì phải để cho người dân, nhân dân phải là người quyết định sự nghiệp của đất nước. Trong suốt một thời gian dài chúng tôi phải tranh cãi để bảo vệ quan điểm này với những nhà lý luận mà ông Đỗ Mười tập hợp, từ Đào Duy Tùng đến Nguyễn Đức Bình và kể cả Lê Xuân Tùng. Mãi về sau này, chúng tôi mới có thêm những người ủng hộ như Phan Diễn, Nguyễn Văn An. Còn những người còn lại trong Bộ Chính trị thì không quan tâm đến lý luận”.

Trong hai ngày 30 và 31-7-1993, ông Võ Văn Kiệt tổ chức một phiên họp thường kỳ của Chính phủ tại Dinh Thống Nhất. Sau khi đánh giá: “Tình hình kinh tế xã hội đang có những chuyển biến tích cực, đúng hướng, đã vượt qua được những thử thách to lớn, đi dần vào thế ổn định”. Trước sự có mặt của báo giới, ông Kiệt gửi đi thông điệp: Phải làm bật dậy mọi tiềm năng trong cả nước, khai thác khả năng tiềm tàng của các thành phần kinh tế, đồng thời tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài nhằm đẩy nhanh công cuộc xây dựng đất nước.

Ngay sau phiên họp, khi trả lời phỏng vấn Tuổi Trẻ, Phó Thủ tướng Phan Văn Khải, tuy cho rằng “trong giai đoạn trước mắt, dân doanh còn nghèo, quốc doanh còn phải trụ cột”, nhưng vẫn nhấn mạnh: “Quốc doanh vẫn chủ yếu đầu tư cơ sở hạ tầng để tạo điều kiện cho các thành phần, các ngành kinh tế phát triển”. Mặc dù vẫn “hướng tới thành lập những công ty lớn và những tập đoàn [quốc doanh] có sức cạnh tranh với bên ngoài”, Chính phủ sẽ cho cổ phần hóa để

huy động vốn đầu tư vào những công trình quan trọng hơn". Nhưng theo ông Phan Văn Khải: "Chính phủ củng cố quốc doanh không có nghĩa là tiếp tục ôm lấy gánh nặng cho nền kinh tế"<sup>545</sup>.

Cũng từ giai đoạn này, chính phủ chủ trương bỏ dần khái niệm bộ chủ quản và khái niệm xí nghiệp trung ương, xí nghiệp địa phương, tách bạch vai trò quản lý nhà nước của các bộ với quản lý sản xuất kinh doanh. Chính phủ, kể từ năm 1991, thể hiện khá nhất quán chính sách nhằm tới nền kinh tế nhiều thành phần<sup>546</sup>.

Hơn bốn tháng sau khi đứng đầu chính phủ, ông Võ Văn Kiệt đã ký quyết định thành lập Hội đồng Trung ương Lâm thời các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, bổ nhiệm cựu Bộ trưởng Thương mại Hoàng Minh Thắng làm chủ tịch. Ông Thắng nói: "Chủ trương của ông Kiệt khi cho ra đời tổ chức này là để khuyến khích kinh tế tư nhân, coi tư nhân là lực lượng chủ lực của nền kinh tế". Từ tháng 12-1991 cho đến tháng 10-1993, Hội đồng Trung ương Lâm thời đã tổ chức được ba mươi tám hội đồng lâm thời ở ba mươi tám tỉnh, thành phố, trực thuộc trung ương, đặc biệt, cũng trong giai đoạn này, các hợp tác xã đã được tổ chức lại theo tinh thần hợp tác tự nguyện.

Nhưng, cuối tháng 10-1993, khi đại biểu của ba mươi tám tỉnh, thành bắt đầu về Hà Nội để dự đại hội thành lập hội thì Trung ương Lâm thời được Ban Bí thư triệu tập. Theo ông Hoàng Minh Thắng: "Tôi trình bày trước Ban Bí thư về công tác chuẩn bị, về lực lượng hơn hai trăm nghìn doanh nghiệp tư nhân và ba trăm nghìn hợp tác xã và tổ kinh tế hợp tác. Ông Đỗ Mười nghe, nói: rộng quá, to quá! Không cần giải

thích, ông quyết định thành phần hội viên chỉ còn là tổ hợp tác và hợp tác xã, không cho bao gồm cả doanh nghiệp tư nhân. Đại hội, do đó, vẫn diễn ra vào ngày 30-10-1993 nhưng thay vì thành lập Hội Doanh nghiệp ngoài quốc doanh, trở thành đại hội thành lập Liên minh các hợp tác xã”.

Ba tháng sau, từ ngày 20 đến 25-1-1994, tại hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng, ông Đỗ Mười đã đọc một văn kiện chỉ ra bốn nguy cơ: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện, nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu, nguy cơ “diễn biến hòa bình” của “các thế lực thù địch”. Nói là “bốn nguy cơ”, nhưng chỉ có “chệch hướng” và “diễn biến hòa bình” là thực sự được nhấn mạnh. Nền “kinh tế thị trường” mà Đại hội Đảng lần thứ VII đưa vào văn kiện “Chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000” đã được thêm “đuôi” để trở thành: “Xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>547</sup>.

Không đơn giản chỉ là chuyện câu chữ, cái đuôi “định hướng xã hội chủ nghĩa” được gắn vào “kinh tế thị trường” phản ánh mối tương quan quyền lực, cho thấy những nỗ lực để Việt Nam thoát ra khỏi mô hình kinh tế kế hoạch hóa là không hề dễ dàng. Sự nửa vời này gây bức bối cho cả khu vực kinh tế nhà nước lẫn khu vực kinh tế tư nhân.

Ngày 8-2-1995, ông Võ Văn Kiệt vào Sài Gòn, gặp 300 nhà doanh nghiệp tại Dinh Thống Nhất<sup>548</sup>. Ông Kiệt phân

bua: “Chính phủ đang làm dâu hai họ, quốc doanh và tư doanh ai cũng kêu mình không được đối xử bình đẳng”. Các xí nghiệp quốc doanh cho rằng họ đang phải chịu nhiều thuế và phí hơn tư doanh, trên đầu họ, ngoài pháp luật còn có một cơ quan chủ quản. Trong khi, các giám đốc tư nhân lại cảm thấy bị thua thiệt với không chỉ quốc doanh mà còn với các doanh nhân nước ngoài<sup>549</sup>. Sau cuộc họp đó, ông Kiệt cử người vào Nam và mặc dù bị các tổng công ty nhà nước kinh doanh lúa gạo phản ứng khá dữ dội, ông Kiệt quyết định, thay vì tập trung quyền xuất khẩu gạo cho hai tổng công ty, chính phủ còn trao quyền này cho các tỉnh<sup>550</sup>.

Ông Khải cho rằng chưa có một chính phủ nào trong một thời gian ngắn có thể ban hành nhiều văn bản luật như Việt Nam của thập niên 1990. Điều mà nền kinh tế cần, theo thuật ngữ lúc đó, là một “hành lang pháp lý” để các thành phần kinh tế đều có thể vận hành theo kinh tế thị trường. Nhưng thị trường chính là điểm xung đột đối với những người coi lập trường quan trọng hơn quốc gia phát triển.

Khi Luật Thương mại được Chính phủ Võ Văn Kiệt biên soạn theo nguyên tắc “công dân có quyền tự do mua bán, tự do sản xuất kinh doanh”, theo Bộ trưởng Thương mại Lê Văn Triết, trước khi Quốc hội họp, ông Đỗ Mười kêu ông lên, mắng: “Tự do gì cũng phải ở trong khuôn khổ, quốc doanh phải nắm, nước nào nhà nước cũng phải quản lý”. Rồi ông Đỗ Mười yêu cầu Bộ Thương mại biên soạn lại theo hướng “quốc doanh thống lĩnh thị trường, kiên quyết không để cho tư thương đẩy lùi trận địa”. Ông Triết nói với ông Mười: “Thưa anh, đây là Hiến pháp”. Ông Mười nói: “Hiến pháp thì cũng phải vận dụng. Anh phải hiểu chứ”. Ông Triết buộc

phải cắt bớt mấy chữ “tự do mua bán”, các đại biểu không đồng tình, Quốc hội biểu quyết giữ nguyên như dự thảo ban đầu. Ông Đỗ Mười lại kêu ông Triết lên, mắng: “Anh làm lỡ hết, Quốc hội biết rồi. Bây giờ phải tìm cách sửa khi làm nghị định hướng dẫn”.

Sở dĩ hàng chục năm sau đổi mới, Việt Nam vẫn không có một thị trường phát triển đúng tầm, không có những nhà tư sản thương nghiệp có khả năng tìm kiếm thị trường bên ngoài, theo Bộ trưởng Thương mại Lê Văn Triết, là do “những nỗ lực theo đúng kinh tế thị trường rất dễ bị coi là chệch hướng. Đề án xây dựng thị trường nội địa của tôi bị bác bỏ gần hết. Bản dự thảo sau khi đưa lên mấy tầng, cuối cùng trở về không còn là bản của mình nữa. Thủ tướng Võ Văn Kiệt cũng không bảo vệ được”.

Ngay cả khi không còn giữ chức tổng bí thư, ông Đỗ Mười còn có ảnh hưởng quyết định trong việc duy trì vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước. Khi chuẩn bị Nghị quyết 05<sup>551</sup>, Chính phủ Phan Văn Khải lưu ý: “Có nơi còn coi trọng số lượng hơn chất lượng, hiệu quả, còn cho rằng doanh nghiệp nhà nước phải chiếm tỉ trọng lớn, phải có mặt và phải chi phối ở hầu hết các lĩnh vực, các ngành kinh tế thì mới làm được vai trò chủ đạo”<sup>552</sup>. Nhận xét này đã bị ông Đỗ Mười phê phán.

Trong thư gửi Bộ Chính trị đề ngày 2-11-2000, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Đỗ Mười cho rằng quan điểm “thu hẹp doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh các thành phần kinh tế khác là một khuynh hướng sai lầm cần uốn nắn”. Theo ông Đỗ Mười: “Quan hệ sản xuất xã hội chủ

nghĩa dựa trên 'chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là chủ yếu' là một trong những đặc trưng của xã hội chủ nghĩa... Mọi sự coi nhẹ, làm suy yếu kinh tế nhà nước chính là biểu hiện của nguy cơ chệch hướng". Ông Đỗ Mười cho rằng: "Luận điệu tuyên truyền và sức ép của các thế lực tư bản đế quốc bên ngoài về 'tư nhân hóa' đã tác động không ít đến nhận thức một số cán bộ, đảng viên ta". Cuối năm 2000 mà ông Đỗ Mười còn đề nghị quốc doanh nắm lại các ngành vận tải ô-tô, ngành bán buôn và bán lẻ vật tư và hàng hóa tiêu dùng,... vì ông cho rằng đó là những ngành "then chốt của nền kinh tế"<sup>553</sup>.

Cố vấn Đỗ Mười đưa ra nguyên tắc: "Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước phải nhằm tăng cường kinh tế nhà nước, chứ không phải làm suy yếu nó"<sup>554</sup>. Trong một bức thư khác, gửi đi ngày 14-11-2000, Cố vấn Đỗ Mười còn dẫn những số liệu cho thấy cổ phần hóa trên thực tế đã không theo đúng những nguyên tắc này<sup>555</sup>.

Hội nghị Trung ương 3, cho dù họp vào tháng 9-2001, khi ông Đỗ Mười đã thôi cố vấn hơn nửa năm, vẫn phải thông qua Nghị quyết 05, theo hướng tuy "đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp nhà nước", nhưng lại coi "quy mô còn nhỏ là một trong những mặt hạn chế, yếu kém rất nghiêm trọng". Nghị quyết 05 "trao" cho kinh tế nhà nước "vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước".

Tháng Giêng năm 2004, khi vai trò thái thượng hoàng của "tam nhân" không còn nhiều, Chính phủ của ông Phan

Văn Khải mới có thể mạnh tay sắp xếp lại khu vực kinh tế quốc doanh sau khi đạt được thỏa thuận trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, khóa IX: “Cổ phần hóa không chỉ được đẩy nhanh tiến độ mà còn được mở rộng diện, kể cả một số tổng công ty và doanh nghiệp lớn”.

## **Phan Văn Khải**

Cuối thập niên 1990, sau khi ông Phan Văn Khải đã trở thành thủ tướng, gia tộc họ Phan ở Nghệ An có mời ông về nhân một lần nhóm họ, ông Khải cho vợ, bà Nguyễn Thị Sáu, mang quà về. Sự xuất hiện của phu nhân thủ tướng tại gia tộc họ Phan đã khiến cho nhiều người tin vào những lời đồn đoán: Ông Phan Văn Khải là con của ông Phan Đăng Lưu<sup>556</sup>, một người từng lãnh đạo Xứ ủy Nam Kỳ.

Trên thực tế, mãi tới năm 1939, Phan Đăng Lưu mới vào Nam Bộ trong khi ông Phan Văn Khải sinh ngày 25-12-1933 tại xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi. Mẹ ông, bà Phan Thị Mung<sup>557</sup> là con của ông Phan Văn Ngoan<sup>558</sup>, một người có bầy mẫu ruộng, theo Thiên Địa Hội và có uy tín ở trong làng. Ông Ngoan và vợ, bà Trần Thị Lược<sup>559</sup>, chỉ có được một người con gái sau bốn lần sinh con trai mà không nuôi được.

Năm mười chín tuổi, bà Mung mang thai với ông Nguyễn Văn Phèn, thường gọi là ông Cả Phèn, sinh ra Phan Văn Khải. Ông nội ông Cả Phèn từng làm cai tổng vùng Củ Chi. Theo ông Phan Văn Khải: “Ông ngoại tôi ghét ông Cả vì mẹ tôi vừa lớn lên, có bầu với ông rồi bị ông bỏ rơi. Nhưng, trong làng ai cũng biết, ông Cả hay đón tôi ở ngoài đường rồi chở tôi đi chơi bằng xe đạp. Các ông anh cùng cha cũng hiền và một người chị gái thì rất thương tôi. Vợ ông Cả thậm

chí thỉnh thoảng còn cho mẹ tôi tiền. Khi tôi đi kháng chiến ông Cả có nhắn về để ông lo cho ăn học"<sup>560</sup>.

Ông Phan Văn Khải kể: "Khi tôi ra đời thì gia đình phá sản, phải bán đất. Ông ngoại chỉ còn lại một hecta ruộng và một hecta vườn. Ông không có con trai nên không có lao động. Năm 1940 khó khăn, ông ngoại phải bán luôn cả cái nhà bằng gỗ. Tôi lớn lên trong hoàn cảnh nghèo nhưng ông ngoại vẫn cho đi học. Học hết tiểu học, thi lên lớp xong thì Việt Minh cướp chính quyền, thế là từ đó chỉ ở nhà giữ em, chăn trâu, làm thuê; ai kêu gì làm nấy, nhổ đậu, cắt lúa, nhặt đậu". Chính những công việc này lại là cơ duyên để ông Khải "thoát ly".

Ông Phan Văn Khải kể: "Một lần, đi chăn trâu ở Tân Phú Trung, tôi gặp mấy ông cán bộ xã trốn ở đây, huyện đưa giấy tờ về họ đọc không được, họ nhờ tôi đọc, riết thành 'giác ngộ cách mạng'. Năm 1947, tôi về làng tham gia đội thiếu nhi cứu quốc, lập ban chấp hành thiếu nhi cứu quốc, làm thư ký ban chấp hành chi đội. Tháng 2-1948, ông Tám Hòa, chủ nhiệm Việt Minh Hóc Môn, thấy tụi tôi khai hội, ông kéo lên huyện họp, lập Ban Chấp hành Thiếu nhi Hóc Môn, tôi là ủy viên. Họp xong, từ An Nhơn Tây về nhà, tới Mũi Lớn, nghe tin ông bố dưỡng là chủ nhiệm Việt Minh thôn bị bắn chết, tôi lợi bung về thì má vừa chôn cất dưỡng xong".

Bố dưỡng mất khi mẹ đang mang thai, ông Khải định ở nhà làm ăn đỡ đần mẹ nuôi ông bà. Nhưng, ông Khải nói: "Cấp trên thấy tôi lâu không lên, cử một người xuống xã Mỹ Hạnh gọi tôi qua. Ăn cơm xong, tôi nói hoàn cảnh. Vị đại diện này nói một câu: 'Xã đang căng, mày ở nhà trước sau



cũng chết. Nợ nước thù nhà, mà phải đi mới trả được'. Tôi nghĩ, chết mà không làm tròn nghĩa vụ thì không đáng làm trai nên quyết dứt áo ra đi. Về gặp ông ngoại, ông nói 'nên đi', bà ngoại dặn, 'đừng ra nơi làn tên, mũi đạn'. Không dám gặp má từ giã, tôi viết thư, dặn ông ngoại đợi tôi đi rồi mới đưa cho má".

Từ đó, ông Phan Văn Khải học cách khai hội, phát biểu trước thanh niên. Huyện Học Môn chia thành năm khu, ông phụ trách công tác đoàn đội ở một khu. Năm 1950, ông được điều lên Văn phòng tỉnh đoàn Gia Định. Ông Khải nói: "Tất cả sách vở của Xứ ủy và Trung ương gởi vô, tôi đọc hết. Vừa làm vừa thi vào tiểu học tỉnh Gia Định, đậu thứ chín nhưng ông tỉnh đoàn trưởng không cho đi vì có một thằng nó đi ai làm. Tôi hứa sẽ vừa làm vừa học, 6, 7 tháng thì xong lớp 4".

Đầu năm 1954, ông và bà Nguyễn Thị Sáu<sup>561</sup> cùng ba người bạn khác được đưa xuống miền Tây học, mới tới Hồng Ngự thì nghe tin Pháp đầu hàng ở Điện Biên Phủ. Ông cùng bà Sáu vào tỉnh ủy, ông bí thư là Nguyễn Trọng Tuyển, giữ lại ăn cơm. Đang ăn thì ông Tô Ký đi họp về, ngồi vào bàn, nói: "Cho mấy đứa này ra Bắc học". Tháng 10-1954, hai người cùng lên một chuyến tàu của người Pháp chạy ra Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Ông Phan Văn Khải kể: "Lúc đầu mấy ông định cho đi học, nhưng sau lại đưa đi làm giảm tô đợt 7. Trước khi đi, ông Tố Hữu tới giáo huấn một buổi rồi đưa xuống Bình Nghĩa, được bố trí ở trong một nhà nghèo. Mùa đông, đi cày, đi cấy, rét gần chết. Năm ấy, dân tình rất đói. Tôi thấy một

bãi đất rộng khoảng hai mươi hecta, liền kêu gọi thanh niên trồng khoai lang. Đoàn về kiểm tra, thấy có thặng miền Nam năng nổ, quyết định tặng Huân chương Lao động hạng III, nhưng khi huân chương về thì tôi đã được đưa lên Sơn Tây, học trường cải cách ruộng đất. Học xong được phân công về xã Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Tây. Mấy ông Đội khác rất hống hách. Ở Võng Xuyên, Đội tôi cũng có bản một cai tổng vì được tố là đã giết chết nhiều người ở gốc đa đầu làng. Lúc đó tôi là đội phó”.

Trong thời gian đó, bà Nguyễn Thị Sáu được đưa đi học Đại học Nhân dân, trường do ông Phạm Văn Đồng kiêm hiệu trưởng. Bà Sáu và ông Khải bắt đầu phải lòng nhau từ khi bị kẹt lại ở Hồng Ngự, mối quan hệ này trở thành tình yêu trong những ngày họ cùng ở trên đất Bắc. Ngày 16-8-1956, tại Yên Mỹ, nơi ông đang làm cải cách ruộng đất, họ chính thức làm lễ cưới với sự chứng kiến của ông chú ruột của ông Khải, nguyên chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Chợ Lớn, cùng tập kết.

Tháng 9-1956, ông Khải nhận được thư của Ban Tổ chức Trung ương kêu về học trường Bổ túc Công nông Trung ương, nơi mà những người nổi tiếng lúc đó như anh hùng Ngô Gia Khảm, anh hùng La Văn Cầu đang học.

Ông Phan Văn Khải kể: “Trường bắt đầu với hai lớp, 4 và 5, tôi thi đậu vào lớp 5. Tôi học hết 6 lớp trong ba năm thay vì theo quy định là bốn năm, vừa học vừa làm công tác Đoàn toàn trường. Năm 1957, vợ tôi sinh con trai đầu lòng, hàng ngày tôi đi bộ từ trường về nhà ở số 4 Thụy Khê. Năm 1959, ông anh vợ mới dành tiền, thương, mua cho cái xe đạp. Sáng vô trường mua năm xôi, vừa lật bài, vừa ăn, vừa

học. Học hết cấp III tôi thi đậu vào bách khoa, định sẽ làm kỹ sư điện nhưng vừa nhận chức lớp trưởng thì có quyết định qua trường ngoại ngữ, ở đó, 1/3 sinh viên học tiếng Trung Quốc, 2/3 học tiếng Nga. Tôi học tiếng Nga rồi đi Liên Xô học ngành kinh tế kế hoạch”.

Năm 1965, tốt nghiệp về nước, ông Khải muốn đi dạy nhưng bà Sáu, lúc ấy làm ở Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, muốn ông về cùng. Ba năm sau ông được cử giữ chức trưởng phòng. Đến năm 1972, chuẩn bị ký Hiệp định Paris, ông Lê Duẩn có kế hoạch lập chính phủ ba thành phần, ông Khải cùng một số cán bộ được đưa vào Trung ương Cục. Khi kế hoạch này bất thành, hè năm 1973, ông ra Bắc trở lại nhận một chức vụ phó ở Ủy ban Thống nhất. Tháng Giêng năm 1976, ông Phan Văn Khải được đưa về Sài Gòn. Lúc này, Ủy ban Nhân dân Cách mạng vừa được thành lập, ông Khải được bổ nhiệm làm phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch, ông Võ Văn Kiệt khi ấy là chủ tịch Thành phố kiêm chủ nhiệm.

Ông Phan Văn Khải là một cán bộ mẫn cán. Thật khó để đánh giá ông là một người không muốn tranh đua danh vọng hay là một người không muốn đặt mình trong các tâm điểm của đấu trường. Khi về Sài Gòn, ông Trưởng Ban Tổ chức Trương Văn Tư hỏi: “Mày về đây muốn làm chức gì?”. Ông Khải trả lời: “Ở ngoài kia, cháu vụ phó, chú có thể giao cháu làm phó chủ nhiệm Ủy ban, nếu một thời gian thấy cháu không làm được thì cho cháu thôi”. Một năm sau ông Tư nói: “Mấy ông kêu mày khá”.

Làm phó cho ông Võ Văn Kiệt muốn được khen thì phải vô cùng nỗ lực. Ông Phan Văn Khải kể: “Khi ở Liên Xô về, tôi

cân nặng 52 kg, vào Thành phố một thời gian còn 43 kg, Thành phố cho ra Thanh Đa an dưỡng lên được 3 kg". Năm 1976, ông Phan Văn Khải được giới thiệu vào Thành ủy nhưng đã rút lui để không chia phiếu của ông Vũ Đại, một người đồng cấp lớn tuổi. Nhưng từ khi đó, ông đã là người được ông Lê Đức Thọ xếp vào diện cán bộ nguồn. Năm 1978, ông được Ban Bí thư chỉ định làm Thành ủy viên, năm sau, 1979, được đưa bổ sung làm phó chủ tịch trực Ủy ban Nhân dân Thành phố kiêm chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch.

Những năm đầu thập niên 1980, ông Phan Văn Khải đã sử dụng các thương nhân người Hoa, lập các trạm thu mua nông sản để xuất khẩu. Ông cũng được ông Võ Văn Kiệt, khi đó đã là phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ủng hộ lập công ty vận tải biển Saigonship. Ông cũng là người chủ trương mở đường cho tư nhân ở Thành phố được làm xăm lốp ô tô, xe đạp,...

Giai đoạn này, ông Nguyễn Văn Linh được điều trở lại thay ông Kiệt làm bí thư Thành ủy. Theo ông Khải: "Khi mới về gặp công nhân, ông Nguyễn Văn Linh nói: Bây giờ chúng ta làm chủ nhà máy, xí nghiệp. Công nhân nói: Hồi xưa làm thuê chúng tôi có việc làm bây giờ làm chủ thì chúng tôi không có việc làm nữa. Ông Linh tỉnh ra. Ông Linh cũng đổi mới nhưng không phải bắt đầu bằng sự lặn lội, nghiên cứu, tổng kết như ông Kiệt".

Thời gian đó, Thành phố bươn chải trong một khung cảnh, nhận thức của nhiều địa phương còn ấu trĩ. Ông Phan Văn Khải nhớ lại: "Thấy chúng tôi thu mua lương thực, thực phẩm, bí thư Đồng Nai than: Chiều chiều thấy bấp, trái chở về Sài Gòn là tôi lại xót xa. Trong một hội nghị ở Vĩnh Long,

có người nói: Gạo thịt của chúng tôi bị chở về Thành phố hết. Chủ trì hội nghị, ông Kiệt nói: Sau này, nếu Thành phố không tiêu thụ thì dân họ sẽ nín áo ông vì bán không được đấy”.

Cuối thập niên 1970, ông Phan Văn Khải luôn có mặt bên cạnh ông Kiệt trong những chuyến đi cơ sở gỡ rối cho doanh nghiệp. Sau Đại hội Đảng lần thứ VI, ông, một người được đào tạo về kinh tế kế hoạch hóa ở Liên Xô, bắt đầu nhận thấy nhu cầu tìm hiểu nền kinh tế của các nước phương Tây. Từ Sài Gòn, ông Phan Văn Khải đề nghị Bộ Chính trị cho ông tổ chức một đoàn nghiên cứu đi các nước trong khu vực. Mục đích của chuyến đi được đề nghị công khai là “thăm dò cơ hội đầu tư và thái độ của các nước ASEAN đối với chính sách đổi mới của Việt Nam”. Tháng 9-1988, đề nghị của ông Khải được Bộ Chính trị đồng ý sau nhiều lần thảo luận.

Ông Phan Văn Khải lúc đó là chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng xin visa với danh nghĩa là trưởng đoàn doanh nhân Thành phố. Theo ông Nguyễn Văn Kịch, thư ký ông Khải: “Lúc đầu Đoàn dự định đi năm nước, bao gồm cả Hồng Kông, nhưng sau khi đi Singapore, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, do có vài trục trặc nên chuyến đi đến Hồng Kông không thực hiện”.

Chuyến đi được sắp đặt bởi Charles Đức. Ở Singapore, theo ông Võ Tá Hân: “Tôi bỏ việc để đưa đoàn tham quan. Vì chưa có quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Singapore nên Đoàn không thể thăm trực tiếp nhiều chỗ, chẳng hạn như khi muốn xem cảng Singapore thì tôi phải đưa lên tầng cao

tòa nhà IBM đang xây của tập đoàn CDL - Hong Leong để ngắm”.

Sau mấy ngày thăm Singapore, ông Khải muốn có một buổi nói chuyện và câu hỏi mà ông đặt ra là, “Việt Nam phải làm gì để đi theo con đường của Singapore?”. Chiều 28-9-1988, Đoàn họp tại Vietnam Trade House<sup>562</sup>. Ông Lương Văn Tự khi ấy đang là trưởng đại diện thương mại của Việt Nam tại Singapore chủ trì.

Ông Võ Tá Hân, diễn giả được ông Tự mời đến cuộc họp này, kể: “Buổi họp kéo dài khoảng bốn tiếng đồng hồ. Tôi chuẩn bị mười bốn trang ghi chú viết tay, điếm qua mọi vấn đề như đầu là năm thế mạnh của Việt Nam, chiến thuật giúp tăng trưởng kinh tế, chống lạm phát phi mã, và nói về việc chống tham nhũng... Tôi bắt đầu buổi họp bằng một câu phát biểu rất ngắn gọn: Việc đầu tiên là các anh phải để dân chúng tự do làm ăn!”.

Trong cuộc họp này, ông Hân mang theo một chồng sách tặng ông Phan Văn Khải, trong đó có cuốn Singapore, The Socialist Model That Works. Theo ông Hân: “Tôi nói với ông, Singapore thực sự cũng là một mô hình xã hội chủ nghĩa. Họ chỉ có một đảng cầm quyền là Đảng Hành Động Nhân Dân<sup>563</sup> và đảng này, mỗi lần viết các văn bản nội bộ, thường bắt đầu bằng câu ‘Dear Comrades’ mà Việt Nam vẫn dịch là ‘Thưa các đồng chí’”. Trưa thứ Sáu, 30-9-1988, thông qua sự thu xếp của ông Hân, Canadian Business Association tổ chức cho Đoàn một cuộc gặp tại Tanglin Club, hội quán lâu đời và uy tín nhất ở Singapore.

Ông Hân kể: “Trước khi bước lên thang lầu để vào phòng họp, tôi đứng chụp một bức hình kỷ niệm với ông Khải nơi

chân cầu thang. Thấy ông Khải rút điều thuốc định bật lửa để hút, tay hơi run, tôi bèn nói: anh Khải ơi, mình đang ở trong phòng lạnh, họ không cho mình hút thuốc; rồi trấn an để ông ấy lên tinh thần: anh phải hăng hái lên vì thế giới họ vẫn coi mình là cọp đó! Ông Khải trả lời với giọng Nam rặc: cọp gì! cọp... đói!”.

Theo lời mời của CBA, sứ quán Mỹ và Canada tại Singapore đã cử hai vị phó đại sứ đến tham dự. Ông Khải tự giới thiệu là đại biểu quốc hội, chủ tịch Thành phố<sup>564</sup>. Tuy không cấm vận thương mại Việt Nam nhưng để bày tỏ thái độ trước việc Việt Nam đưa quân tới Campuchia, Singapore không cho các công ty nhà nước và công ty nhận bảo trợ của nhà nước có quan hệ thương mại với Việt Nam. Chính quyền cũng phản đối các doanh nghiệp Singapore cung cấp cho Việt Nam những vật tư chiến lược và giúp Việt Nam phát triển hạ tầng. Chính vì vậy, bài diễn văn của ông Phan Văn Khải được mở đầu bằng thông tin “việc rút quân khỏi Campuchia có thể hoàn thành trước năm 1990”. Ông Khải nói: “Chúng tôi hy vọng với việc rút quân này, Mỹ không còn lý do gì để tiếp tục áp dụng cấm vận thương mại lên Việt Nam”.

Ông Khải nói một cách chân thành: “Chuyển đi của chúng tôi là nhằm tìm kiếm một cái nhìn bên trong những thành tựu của các quốc gia Đông Nam Á. Những điều đã tạo nên sự phát triển kỳ diệu và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội một cách thành công. Chúng tôi tin rằng những điều đó có thể trở thành bài học tốt cho Việt Nam”.

Ông Khải giới thiệu đôi nét về các chính sách mới ban

hành kêu gọi đầu tư nước ngoài như Luật Đầu tư 1987, Nghị định 139, rồi ông nói: “Cánh cửa giờ đây đã mở ra. Chúng tôi muốn làm ăn với các quốc gia trên thế giới đặc biệt là các quốc gia Đông Nam Á”. Sau cuộc họp, CBA tổ chức một cuộc họp báo, mời bốn cơ quan truyền thông: Reuters, Straits Times Singapore, Sunday Times và một tờ báo Nhật Bản.

Chính quyền Singapore đã phản ứng sau khi tờ Sunday Times, số ra ngày Chủ nhật 2-10-1988 đưa tin về “tiệc trưa” tại CBA. Ông Khải đến Singapore cùng mười người khác theo visa cá nhân, “khách hàng” được hai công ty Singapore, Thai Hing Long và Imkov Shipping, mời và bảo lãnh. Nhưng hoạt động của ông bị nhà báo Mike Yeong mô tả: “Khi đến Singapore, họ hợp thành nhóm, cùng với hai quan chức từ cơ quan đại diện thương mại của Việt Nam tại Singapore, tự giới thiệu là phái đoàn thương mại Việt Nam và hoạt động ngoài khuôn khổ những gì được chỉ ra trong visa”.

Chính quyền, như được cảnh báo sau bài tường thuật của Sunday Times, đã nhắc nhở ông Lương Văn Tự, nếu vi phạm hơn thế hoặc tiếp tục vi phạm như thế thì sẽ “không được tha thứ” và “việc xin visa của các doanh nhân Việt Nam sẽ bị khó khăn hơn”. Bộ Ngoại giao Singapore cũng “dọa” trực xuất ông Võ Tá Hân. Theo ông Lương Văn Tự: “Khi thấy tôi bị Bộ Ngoại giao Singapore triệu tập phê bình vì tự tiện tổ chức họp báo, ở nhà cũng xôn xao, nhưng tôi bình tĩnh vì biết họ sẽ chỉ làm điều này như một thủ tục, chính quyền Singapore lúc đó bắt đầu muốn nối lại làm ăn với Việt Nam”<sup>565</sup>.



Sau chuyến đi, ông Phan Văn Khải có làm một bản báo cáo gửi Bộ Chính trị và Hội đồng Bộ trưởng. Theo ông Nguyễn Văn Kịch, người chấp bút bản báo cáo này, sau khi đi qua những hoạt động và ghi nhận chính của Đoàn trong chuyến đi, ông Khải đưa ra ba kiến nghị: cần sớm xác lập quan hệ với ASEAN, phải coi ASEAN là đối tác thay vì đối đầu; chỉ có trong kinh tế thị trường các nguồn lực và tài nguyên của đất nước mới được phát huy đúng mức; các nước sẵn sàng đầu tư tại Việt Nam miễn là mình có chính sách bảo vệ được đồng vốn cho họ. Ông Kịch kể rằng, trong suốt chuyến đi, câu nói của Lý Quang Diệu mà Đoàn tâm đắc nhất là: Kinh tế thị trường + tổ chức xã hội theo kiểu xã hội chủ nghĩa = Singapore.

Uy tín của ông Phan Văn Khải bắt đầu lên cao, nhưng khi ấy ông vẫn ở Sài Gòn lại thuộc thành phần tập kết. Ông Phan Minh Tánh kể, phó bí thư Thành ủy, ông Bảy Dự Nguyễn Võ Danh, từng nói: "Bắc Kỳ đã rất khó ưa nhưng còn đỡ hơn dân tập kết". Ông Khải vẫn được coi là một người của ông Võ Văn Kiệt, trong khi thế hệ lãnh đạo mới ở Sài Gòn hiện đã ở trong tầm ảnh hưởng của ông Nguyễn Văn Linh. Tháng 4-1989, ông Phan Văn Khải được điều ra Hà Nội<sup>566</sup>.

Tuy nhiên, việc ông Khải ra Hà Nội giữ chức chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước thay thế ông Đậu Ngọc Xuân đã giúp ông chứng tỏ khả năng nắm bắt các vấn đề vĩ mô và hình thành các chính sách ở tầm quốc gia. Vừa nhận chức, ông Khải đã được ông Đỗ Mười giao đứng đầu nhóm soạn thảo "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000",

công việc mà những người chủ trì trước đó đã không làm ông Mười vừa ý. Ông Phan Văn Khải ngay sau đó được cử làm trưởng đoàn thực hiện một chuyến “khảo sát kinh nghiệm phát triển kinh tế ở bốn nước châu Á”<sup>567</sup>.

Chuyến đi, theo ông Phan Văn Khải, có ảnh hưởng trực tiếp vào quá trình biên soạn “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000”. Không chỉ làm việc trong những phiên chính thức, khi đã trở về khách sạn, ông Phan Văn Khải, ông Trần Đức Nguyên lại ngồi với Giáo sư Davis Dapice, ông Thomas Valleley<sup>568</sup>. Ông Khải thừa nhận đây là những ngày ông ở trong tâm thế của một người đi học và những gì ông thu nhận được có ảnh hưởng rất lớn đến tiến trình hình thành các chính sách xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trong thập niên 1990.

Thật khó để nói ông Phan Văn Khải là “người của ai” như cách mà những người quan tâm đến chính trường vẫn thường lý giải khi có ai đó được cất nhắc lên hàng lãnh đạo. Ông được đào tạo từ Liên Xô, đủ độ tin cậy cho những người muốn duy trì định hướng xã hội chủ nghĩa. Ông cũng từng là chủ tịch một thành phố năng động như Sài Gòn, ủng hộ Bí thư Võ Văn Kiệt thời kỳ xé rào, tiếp tục phát triển những thành quả đổi mới dưới thời Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh, và vào Trung ương năm 1982 với hậu thuẫn của ông Lê Đức Thọ.

Năm 1991, Thành phố có một nỗ lực nữa để ngăn cản ông Phan Văn Khải vào Bộ Chính trị. Ông Khải kể: “Trước Đại hội, ông Hai Chí, Bảy Dự và giám đốc Công an Thành phố ra Hà Nội xin gặp Ban Tổ chức Trung ương để tố cáo tôi khai lý lịch không đúng nhưng Ban Tổ chức không tiếp, nói vấn đề

đó đã được xác minh. Họ gặp ông Nguyễn Văn Linh. Khi vấn đề được đưa ra Bộ Chính trị, ông Võ Văn Kiệt nói: Chuyện buồn thời xưa, sao Bộ Chính trị cứ hạch sách người ta hoài. Nếu xét lý lịch thì xét anh Khải có làm gì phản động không, anh ấy có đủ tiêu chuẩn vào Bộ Chính trị không, còn chuyện anh ấy con ai thì tôi đề nghị Bộ Chính trị thôi". Theo ông Phan Văn Khải: "Ngay từ khi bắt đầu tham gia cách mạng tôi luôn khai rõ tôi là con ngoài giá thú".

Sau Đại hội, ông Phan Văn Khải được cử làm phó thủ tướng thường trực. Trong suốt hơn sáu năm làm thủ tướng, ông Võ Văn Kiệt đã hành động như một đầu tàu, như một cỗ xe tăng đi trước, che chắn cho các ý tưởng cải cách và đưa ra những quyết định lớn. Việc điều hành sự vụ và tiến trình soạn thảo các chính sách được giao cho Phó Thủ tướng Phan Văn Khải.

Ông Kiệt đánh giá ông Phan Văn Khải là "một nhà kinh tế hàng đầu của đất nước"<sup>569</sup> nhưng trong thâm tâm ông vẫn cho rằng ông Khải là một người thiếu quyết đoán để đóng vai trò đứng đầu. Đến phút chót, ông Võ Văn Kiệt mới chính thức giới thiệu ông Phan Văn Khải như một người kế nhiệm mình. Theo ông Phan Văn Khải: "Lúc đầu, ông Lê Đức Anh cản. Cùng lúc có nhiều tin đồn về con trai tôi được tung ra"<sup>570</sup>. Vì những tin ấy, ở đại hội tôi mất hơn một trăm phiếu"<sup>571</sup>.

Ông Võ Văn Kiệt không hài lòng lắm về khả năng quyết đoán của ông Phan Văn Khải nhưng ông biết ông Khải là người tiếp tục tốt nhất các chính sách đưa nền kinh tế phát triển theo hướng thị trường. Những người như ông Đỗ Mười biết rõ người kế vị mình, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, vừa quá

cứng rắn lại vừa hiểu biết không nhiều về kinh tế. Vai trò “nhà kinh tế hàng đầu” của ông Khải buộc các khuynh hướng quyền lực lựa chọn ông.

### **“Sân chơi” không bình đẳng**

Tư duy của các nhà lãnh đạo đóng một vai trò vô cùng quyết định đối với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Xét dưới góc độ chính sách, trong thập niên 1990, hai nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất là Tổng Bí thư Đỗ Mười và Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Theo ông Phan Văn Khải, điểm khác nhau căn bản giữa ông Võ Văn Kiệt và ông Đỗ Mười là một bên, ông Kiệt, muốn đặt hiệu quả của nền kinh tế lên hàng đầu; một bên, ông Mười, muốn xác định quốc doanh là chủ đạo.

Giữa năm 1997, Chính phủ của Thủ tướng Võ Văn Kiệt bắt đầu soạn thảo một nghị quyết trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng để làm cơ sở cho việc ban hành những chính sách tiếp tục đổi mới và thúc đẩy kinh tế nhiều thành phần. Công việc đang dở dang thì tháng 9-1997, ông Võ Văn Kiệt bàn giao chức thủ tướng.

Để trình ra Hội nghị Trung ương, dự thảo nghị quyết này được Thủ tướng kế nhiệm Phan Văn Khải đặt tên là “Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000”. Dự thảo nghị quyết đề cập đến nhiều lĩnh vực như tín dụng, ngân hàng, đất đai. với ý định tạo ra một môi trường pháp lý bình đẳng cho các thành phần kinh tế.

Sau tháng 9-1997, ông Đỗ Mười tiếp tục làm tổng bí thư.

Thư ký của ông Đỗ Mười, Tiến sỹ Nguyễn Văn Nam, nói: “Đụng đến doanh nghiệp nhà nước là đụng đến vấn đề định hướng. Họp lên họp xuống mấy tháng trời mà cứ dầm chân tại chỗ. Ông Phan Văn Khải và ông Trần Xuân Giá rất than. Tôi nói với ông Đỗ Mười: Hai bên đang có những nghi vấn lẫn nhau, anh nghi Chính phủ đổi mới quá, thị trường quá; Chính phủ nghi anh bảo thủ quá, tôn sùng cơ chế cũ quá. Anh không nên để tình trạng này kéo dài. Ông Mười trong thâm sâu rất sợ bị coi là bảo thủ”.

Dự thảo “đẩy mạnh đổi mới kinh tế” được đưa ra thông qua tại Hội nghị Trung ương 4, họp vào tháng 12-1997. Đây là hội nghị trung ương cuối cùng ông Đỗ Mười chủ trì với tư cách tổng bí thư. Những người soạn thảo trấn an các nhà lý luận của Đảng bằng những khẩu hiệu khẳng định quan điểm lập trường: “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng”, “Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý”, đồng thời “cài cắm” không ít quan điểm mới: “Xoá bỏ cấp tín dụng”, “Đặt các doanh nghiệp nhà nước trong môi trường cạnh tranh theo pháp luật”. Nghị quyết Trung ương 4 là cơ sở chính trị để Chính phủ Phan Văn Khải tiến hành sửa đổi Luật Đất đai, bãi bỏ những tội danh trong Bộ Luật Hình sự vốn được hình thành trên cơ sở nền kinh tế tập trung quan liêu, xây dựng Luật Doanh nghiệp 1999 trên nền tảng “người dân được làm những gì pháp luật không cấm”.

Nghị quyết Trung ương 4, khóa VIII cũng là cơ sở chính trị để Chính phủ của Thủ tướng Phan Văn Khải thay thế Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp Tư nhân bằng một luật mới chung cho mọi loại hình doanh nghiệp. Ông Phan Văn

Khải nói: “Một khi mà các sản phẩm chính vẫn nằm trong tay quốc doanh, một khi quốc doanh vẫn còn độc quyền thì không thể có cạnh tranh, không thể có bình đẳng trong kinh doanh, không thể có kinh tế thị trường thực thụ”.

Nền kinh tế Việt Nam bắt đầu mang một sắc thái mới khi khu vực kinh tế tư nhân chiếm tỉ trọng lớn dần<sup>572</sup>. Tuy nhiên, luật lệ vẫn được ban hành bởi bộ máy hành chính quan liêu, chính sách vẫn được hình thành dựa trên nền tảng tư duy “xin-cho” khiến cho việc thành lập doanh nghiệp và xin giấy phép kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn<sup>573</sup>. Người kinh doanh phải mất hàng tháng để xin một giấy phép chuyên ngành trong khi thời hạn mỗi giấy phép như vậy thường chỉ có giá trị trong vòng một năm. Giấy phép kinh doanh cấp ở địa phương này lại thường không có giá trị khi mở thêm một cơ sở kinh doanh ở địa phương khác.

Ngay trong năm 1998, Chính phủ của Thủ tướng Phan Văn Khải bắt tay soạn thảo Luật Doanh nghiệp, với tham vọng chỉ cần một luật này đã đủ để áp dụng cho không chỉ các loại hình kinh doanh tư nhân mà còn áp dụng cho cả các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần. Mục tiêu nhằm tới là tự do kinh doanh, Nhà nước chỉ duy trì những giấy phép thật sự cần thiết đối với một số ngành hạn chế, thay thế cơ chế xin cho bằng cơ chế đăng kí kinh doanh với những thủ tục được tối đa đơn giản hóa.

Tuy nhiên, thiết lập một “sân chơi bình đẳng” như ngôn ngữ của những năm cuối thập niên 1990 và đưa địa vị kinh tế tư nhân lên ngang hàng với kinh tế quốc doanh không

phải là một con đường dễ dàng. Ngay trong Hội nghị Trung ương 4, tháng 12-1997, một trưởng ban của Đảng nói: “Sở hữu tư nhân mạnh lên là nền tảng để xây dựng lực lượng chính trị; để cho kinh tế tư nhân phát triển cũng coi như để cho chúng nó đào mồ chôn chúng ta”. Quan điểm ấy được nhiều ủy viên Trung ương và ủy viên Bộ Chính trị tán đồng.

Ông Trần Xuân Giá, người chủ trì soạn thảo Nghị quyết Trung ương 4 và sau đó soạn thảo Luật Doanh nghiệp<sup>574</sup>, nói: “Các nhà lý luận của Đảng, người thì tuyên bố công khai trên báo chí, người thì nói trong hội nghị Trung ương đều thể hiện bản chất đổi mới nửa vời, ép thì đổi chứ không mới. Cuộc đấu tranh dai dẳng về sở hữu, về mức độ phát triển tới đâu của kinh tế thị trường, đâu là phạm vi, đâu là giới hạn, vẫn không phân thắng bại. Đó là cuộc đấu tranh của tương quan lực lượng. Sau khi ông Kiệt nghỉ, nếu không có ông Khải là thua”.

Quan điểm người dân được làm những gì pháp luật không cấm, lập doanh nghiệp không cần khai vốn điều lệ, đăng ký thay thế cho xin phép, theo ông Trần Xuân Giá, bị phê phán ở các cuộc họp Bộ Chính trị bàn về Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình ngồi nghe và khi giải lao đã nói với ông Trần Xuân Giá: “Tôi không muốn chống anh nhưng tôi hỏi thật, làm luật như thế này thì chúng ta có còn đi theo chủ nghĩa xã hội?”.

Chiều ngày 29-5-1999, Quốc hội biểu quyết thông qua toàn văn Luật Doanh nghiệp, Luật bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 1-1-2000. Ngay trong năm 2000, số lượng doanh nghiệp mới được lập đã tăng gấp ba lần năm 1999<sup>575</sup>. Tuy

nhiên cuộc đấu tranh cho một môi trường tự do kinh doanh chỉ mới bắt đầu.

Luật Doanh nghiệp ra đời làm mất hiệu lực của hàng ngàn thủ tục xin cho. Trong khi hàng ngàn giấy phép khác vẫn đang được các địa phương, các bộ ngành che chở. Tổ Công tác thi hành Luật Doanh nghiệp do Bộ trưởng Trần Xuân Giá làm tổ trưởng đã được Thủ tướng Phan Văn Khải thành lập. Các tổ viên gồm Lê Đăng Doanh, Phạm Chi Lan, Vũ Quốc Tuấn và thư ký Nguyễn Đình Cung. Ngoài chức năng tư vấn trực tiếp cho thủ tướng, thời Chính phủ Phan Văn Khải, Ban Nghiên cứu của thủ tướng còn hoạt động như một chỗ dựa, đồng thanh tương ứng với Tổ Công tác thi hành Luật Doanh nghiệp.

Hơn một tháng sau khi Luật Doanh nghiệp bắt đầu có hiệu lực, ngày 3-2-2000, Thủ tướng Phan Văn Khải đã ký quyết định bãi bỏ tám mươi bốn giấy phép con, quyết định này được coi là một món quà Tết của Thủ tướng đối với các nhà doanh nghiệp. Trước đó, Tổ Công tác thi hành Luật Doanh nghiệp được báo chí ủng hộ, đã phải "chiến đấu" khá cam go với các bộ trưởng chỉ vì phía sau mỗi tờ giấy phép là bổng lộc và quyền hành.

Ngày 1-8-2000, quyết định bãi bỏ giấy phép lần thứ hai được đưa ra, lần này dưới dạng chính phủ ban hành một nghị định theo đó, bãi bỏ hai mươi bảy giấy phép và chuyển ba mươi bốn giấy phép thành điều kiện kinh doanh. Những năm sau đó, gần 500 giấy phép con đã bị Thủ tướng Phan Văn Khải bãi bỏ, trong đó có những loại giấy phép như giấy phép xuất bản catalog kèm theo máy ảnh, giấy phép hành nghề in roneo, giấy phép hành nghề photocopy, giấy phép



đánh máy chữ, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, giấy vụn, thủy tinh vụn...

Sau ba năm thi hành Luật Doanh nghiệp, năm 2003, Việt Nam đã tăng được hai bậc trong bảng xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế Thế giới về năng lực cạnh tranh toàn cầu. Theo bảng xếp hạng này, năng lực cạnh tranh tăng trưởng của Việt Nam năm 2003 tăng sáu bậc nếu xếp hạng trên tám mươi nền kinh tế của năm 2002, hoặc tăng hai bậc nếu xếp hạng trên 102 nền kinh tế của năm 2003<sup>576</sup>.

Cùng với việc bãi bỏ các loại thủ tục, các loại giấy phép, theo tinh thần của Luật Doanh nghiệp, thái độ cửa quyền của các cơ quan thuế, hải quan đã giảm đáng kể, giúp các doanh nghiệp tiết kiệm được những chi phí về thời gian và tiền bạc. Cho đến lúc ấy, kết cấu hạ tầng và bộ máy hành chính nhà nước của Việt Nam vẫn còn yếu kém<sup>577</sup>.

Nhưng, "sự trỗi dậy của hàng loạt giấy phép kinh doanh" vẫn tựa như "đầu Phạm Nhan", cắt chỗ này lại mọc lên chỗ khác. Các bộ, ngành, khi dự thảo luật đã cài cắm các quy định để khi thi hành những quy định này lại đẻ ra giấy phép. Theo bà Phạm Chi Lan, đại biểu quốc hội cũng có thể bị "cài bẫy" bởi những điều khoản chung thì cơ quan soạn thảo viết hay đến nỗi có đại biểu Quốc hội phải kêu lên là mở quá, thoáng quá, để rồi khi thiết kế những điều cụ thể họ mới bắt đầu trói lại<sup>578</sup>.

Từ 2001-2005, Thủ tướng Phan Văn Khải đã ba lần ra chỉ thị yêu cầu các địa phương, các ngành bãi bỏ các quy định trái thẩm quyền nhưng, cứ bỏ giấy phép này thì lại nảy sinh thêm nhiều giấy phép khác. Cuối năm 2005, danh sách giấy

phép cần bãi bỏ vẫn còn lên tới con số 300: bốn mươi một giấy phép thuộc ngành văn hóa thông tin; ba mươi bảy giấy phép thuộc ngành nông nghiệp; ba mươi tư giấy phép thuộc ngành ngân hàng; hai mươi tư giấy phép thuộc ngành tài chính.

Sự phục hồi các loại giấy phép con tiếp tục làm cho môi trường đầu tư kinh doanh ở Việt Nam chậm được cải thiện. Năm 2005, theo Ngân hàng Thế giới, Việt Nam vẫn phải mất tới sáu mươi ba ngày để hoàn tất các thủ tục pháp lý kinh doanh trong khi việc này ở Úc chỉ mất khoảng hai ngày. Ở Đan Mạch, người khởi nghiệp kinh doanh không phải tốn một chi phí nào để có thể hoạt động thì ở Việt Nam phải mất khoản phí tổn bằng gần 30% mức thu nhập bình quân GDP<sup>579</sup>.

Từ giữa năm 2006, Tổ Công tác thi hành luật Doanh nghiệp trình danh sách 122 loại giấy phép cần bãi bỏ, sau khi nghiên cứu hơn 300 loại giấy phép được quy định trong 400 loại văn bản, đồng thời kiến nghị bổ sung, sửa đổi 247 loại giấy phép khác. Thế nhưng khi mới thảo luận ở tầm chuyên viên, số giấy phép đề nghị bãi bỏ đã bị cắt giảm từ 122 xuống còn bốn mươi hai và khi đưa ra lấy ý kiến các bộ ngành thì ý kiến của Tổ Công tác đã bị các bộ, ngành đồng thanh phản đối.

Ông Phan Văn Khải chưa kịp ký quyết định bãi bỏ nốt số giấy phép này khi kết thúc nhiệm kỳ. Người kế nhiệm, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, không chỉ để cho các giấy phép cũ tiếp tục "hành dân" mà còn bỏ mặc các địa phương, các ban ngành nữa, sinh thêm nhiều "giấy phép".